

KẾ HOẠCH

Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 – 2025

trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (điều chỉnh, bổ sung)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 928 /QĐ-UBND ngày 11/ 7 /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)*

Trong những năm qua, công tác phòng, chống thiên tai (PCTT) trên địa bàn tỉnh đã có những bước chuyển biến đáng kể, chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa. Các địa phương, đơn vị, cộng đồng và người dân ngày càng chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Trong đó công tác xây dựng, phê duyệt, triển khai Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 5 năm; cập nhật hằng năm có vai trò hết sức quan trọng, luôn được các cấp có thẩm quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện, góp phần chủ động giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra và phục hồi, tái thiết “xây dựng lại tốt” hơn khi có thiên tai lớn.

Trước diễn biến thời tiết, thiên tai ngày càng phức tạp dưới tác động của biến đổi khí hậu, nhằm chủ động hơn trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó, khắc phục kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh năm 2023 và những năm tới, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, bổ sung Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

CHƯƠNG I

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

I. Căn cứ pháp lý

1. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
2. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
3. Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
4. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;
5. Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

6. Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

7. Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

8. Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

9. Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

10. Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và các cấp độ rủi ro thiên tai;

11. Căn cứ Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ;

12. Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

13. Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

14. Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

15. Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược QG PCTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

17. Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai ở các cấp;

18. Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội;

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

Rà soát, bổ sung Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 tỉnh Ninh Thuận theo hướng dẫn của Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Xác định cụ thể: các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trong quá trình thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai đến năm 2025, các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án phòng chống thiên tai trọng tâm của tỉnh phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2023-2025, kế hoạch đầu tư công năm từng năm nhằm phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu:

Đánh giá đầy đủ hiện trạng, vấn đề tồn tại và đề xuất giải pháp linh hoạt, đồng bộ và dài hạn, đảm bảo phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Tập trung công tác phòng chống thiên tai theo hướng kiểm soát rủi ro thiên tai theo từng ngành, lĩnh vực, địa phương; kiểm soát từ các quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình phải đánh giá đầy đủ các nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.

Hoạt động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai phải dựa vào tự nhiên, lấy người dân làm trung tâm. Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình theo hướng thích nghi, đa mục tiêu; khôi phục, tái thiết sau thiên tai đảm bảo tính bền vững; tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kết hợp với kế thừa những kinh nghiệm truyền thống.

Sử dụng nguồn kinh phí có hiệu quả trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai; ưu tiên các giải pháp phi công trình, đặc biệt trong việc nâng cao năng lực và nhận thức cho cộng đồng chủ động trong công tác phòng chống thiên tai.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy cho doanh nghiệp, người dân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xã hội hóa vào công tác phòng, chống thiên tai. Xử lý triệt để, nghiêm minh các vi phạm liên quan đến công tác phòng chống thiên tai.

CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

I. Vị trí địa lý

Ninh Thuận nằm ở tọa độ địa lý từ 10⁰18'14'' đến 12⁰09'15'' vĩ độ Bắc và từ 109⁰09'08'' đến 109⁰14'25'' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Khánh Hòa, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía Đông giáp biển Đông với đường bờ biển dài 105km; tổng diện tích tự nhiên là 3.358 km².

Tỉnh có 07 đơn vị hành chính cấp huyện gồm 1 thành phố (Phan Rang-Tháp Chàm), và 6 huyện (Ninh Phước, Ninh Hải, Thuận Bắc, Thuận Nam, Ninh Sơn, Bác Ái), với 65 đơn vị hành chính cấp xã (47 xã, 15 phường và 03 thị trấn).

II. Đặc điểm địa chất, địa hình

1. Địa hình:

Tỉnh có địa hình biến đổi rất đa dạng và phức tạp, độ cao địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và từ Tây Bắc sang Đông Nam, với 3 mặt bao bọc bởi đồi núi và 1 mặt giáp biển, có 3 dạng chính: Núi, đồi gò bán sơn địa và đồng bằng ven biển:

- Vùng núi cao và gò đồi bán sơn địa: Có diện tích 2.867,8 km², chiếm 85,4% diện tích tự nhiên (DTTN) toàn tỉnh.

- Vùng đồng bằng: Diện tích 267 km², chiếm 8% DTTN. Tập trung chủ yếu ở vùng hạ lưu sông Dinh thuộc đồng bằng Phan Rang - Tháp Chàm.

- Vùng ven biển: Diện tích 223,5 km², chiếm 6,7% DTTN. Bao gồm các xã phường ven biển. Độ dốc chủ yếu < 15°.

2. Địa chất, thổ nhưỡng:

Trên địa bàn tỉnh phân bố 8 nhóm đất cơ bản bao gồm: Nhóm đất cát, nhóm đất mặn, nhóm đất phù sa, nhóm đất xám và bạc màu, nhóm đất đỏ và xám nâu, nhóm đất đỏ vàng, nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ, và nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá. Trong đó, chiếm tỉ lệ cao nhất là nhóm đất đất đỏ vàng và đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất với tỷ lệ gần 90%. Sự phân bố các nhóm đất là yếu tố đánh giá các loại hình liên quan đến tài biến địa chất như sạt lở đất, lũ quét,...

- Nhóm 1: Nhóm bãi cát, cồn cát và đất cát biển. Diện tích: 10.681 ha, chiếm 3,18% DTTN. Phân bố ở ven biển các huyện Ninh Phước, Thuận Nam, Ninh Hải và TP Phan Rang - Tháp Chàm;

- Nhóm 2: Nhóm đất mặn. Diện tích: 3.666 ha, chiếm 1,09% DTTN. Phân bố rải rác ở những vùng trũng thấp ở các huyện Ninh Hải, Ninh Phước, Phan Rang - Tháp Chàm;

- Nhóm 3: Nhóm đất phù sa. Diện tích: 22.995 ha, chiếm 6,85% DTTN. Phân bố tập trung ở vùng đồng bằng Phan Rang - Tháp Chàm, thung lũng Sông Pha và rải rác ven sông suối, hợp thủy;

- Nhóm 4: Nhóm đất xám bạc màu. Diện tích: 9.914 ha, chiếm 2,95% DTTN. phân bố ở tất cả các huyện;

- Nhóm 5: Nhóm đất đỏ và đất xám nâu bán khô hạn. Diện tích: 95.646 ha, chiếm 28,48% DTTN. Phân bố trên toàn bộ vùng bậc thềm cao và một phần nhỏ ở vùng đồi núi thấp ở tất cả các huyện, thành phố;

- Nhóm 6: Nhóm đất đỏ vàng. Diện tích 162.935 ha, chiếm 48,52% DTTN. Toàn bộ phân bố trên trên các vùng núi cao;

- Nhóm 7: Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ. Diện tích 2.337 ha, chiếm 0,7% DTTN. Phân bố rải rác thành những dải hẹp ven các hợp thủy và thung lũng vùng đồi núi;

- Nhóm 8: Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá. Diện tích: 14.473ha, chiếm 4,31% DTTN. Phân bố hầu hết trên những khối núi cao dốc, tập trung nhiều ở núi Cà Ná, núi Đèo Cả, núi Quýt, sườn đông và tây núi Chúa.

III. Đặc điểm khí hậu, thủy văn, hải văn

1. Đặc điểm chung khí hậu:

Nằm trong vùng khô hạn nhất cả nước, khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với đặc trưng là khô nóng gió nhiều, bốc hơi mạnh từ 670÷1.827 mm. Nhiệt độ trung bình năm 27⁰C. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 9 - 11; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau. Lượng mưa trung bình năm 700 ÷ 800 mm ở Phan Rang và tăng dần theo độ cao trên 1.100 mm ở vùng miền núi. Độ ẩm không khí từ 75 ÷ 77%, năng lượng bức xạ lớn 160 Kcl/m², tổng lượng nhiệt 9.500÷10.000⁰C.

2. Các đặc trưng khí hậu:

a) Chế độ nhiệt: Có nền nhiệt độ cao quanh năm. Nhiệt độ trung bình năm trên 26⁰C. Tháng 5, 6 có nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ trung bình tháng đạt 28,6 ÷ 29⁰C, tháng 12 hoặc tháng 01 là tháng lạnh nhất là với nhiệt độ trung bình từ 21,6 ÷ 24,6⁰C. Nhiệt độ cao nhất trên 40,5⁰C, và thấp nhất là 14,4⁰C. Biên độ ngày đêm trung bình 5 - 8⁰C.

b) Số giờ nắng: Tỉnh Ninh Thuận nằm ở vĩ độ thấp, quanh năm có thời gian chiếu sáng dài. Hơn nữa, mùa khô lại kéo dài 8÷9 tháng, trời thường quang mây nên số giờ nắng trung bình hàng năm trên lưu vực đạt từ 2.800÷2.900 giờ. Tháng nắng nhiều nhất là tháng 3, trung bình một ngày có trên 10 giờ nắng. Tháng nắng ít nhất là tháng 12, trung bình một ngày cũng có trên 7 giờ nắng.

c) Độ ẩm: Độ ẩm tương đối trung bình hàng năm biến động từ 74÷75%. Độ ẩm tương đối không khí cao về mùa đông và thấp về mùa hạ, trong thời kỳ mùa hạ tuy lượng hơi nước lớn nhưng còn khá xa với trạng thái bão hoà hơi nước, ngược lại trong thời kỳ mùa đông lượng hơi nước có trong không khí nhỏ hơn nhưng lại gần trạng thái bão hoà nên biến trình độ ẩm tương đối trong năm có xu thế ngược lại với biến trình độ ẩm tuyệt đối. Thời kỳ có độ ẩm thấp nhất là các tháng đầu năm (tháng 1÷7) do ảnh hưởng thời tiết khô nóng. Vào thời kỳ này độ ẩm trung bình dao động trong khoảng 71÷73%. Thời kỳ còn lại có độ ẩm lớn hơn, đạt 76÷77%.

d) Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình hàng năm từ khoảng 1600 ÷ 1.700mm. Nhìn chung bốc hơi tương đối đều hoà, lượng bốc hơi tháng từ tháng 1 đến tháng 8 đều đạt trên 130 mm, các tháng 10 và 11 dưới 100mm (bé nhất là tháng 10 chỉ đạt 79,1mm) và sang tháng 12 lại đạt trên 130mm. Lượng bốc hơi tháng ở đây cao và tương đối đồng đều, tháng có lượng bốc hơi lớn nhất và nhỏ nhất trung bình nhiều năm chênh lệch chỉ 2,23 lần, trong khi đó tháng có lượng mưa lớn nhất và nhỏ nhất trung bình nhiều năm của các trạm chênh nhau rất lớn.

e) Gió:

Chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa. Từ tháng 10 đến tháng 2, hướng gió phổ biến là hướng Đông - Bắc. Từ tháng 3 đến tháng 9, hướng gió phổ biến là hướng Đông - Nam.

Do ảnh hưởng của địa hình, có các núi bao quanh nên từ tháng 1÷2 ngoài gió mùa Đông - Bắc thổi về ban ngày, ở đây thường xuyên có gió thung lũng thổi ban đêm với hướng gió Tây - Bắc. Từ tháng 3 trở đi, ban ngày gió Đông - Nam dần dần thay thế gió Đông - Bắc, ban đêm gió thung lũng vẫn chế ngự gió Tây - Bắc. Vì vậy, thời tiết khá dịu mát về ban đêm mặc dù ban ngày nắng nóng.

g) Chế độ mưa:

Lượng mưa hàng năm từ 1.000 ÷ 1.100 mm và phân bố tăng dần từ đồng bằng lên miền núi. Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10, 11 với lượng mưa trung bình tháng chiếm 56÷65% lượng mưa năm, trong khi đó vào mùa khô, có vùng nhiều tháng không có mưa, lượng mưa tháng 1÷2 chỉ chiếm 5÷12% lượng mưa năm.

Nhìn chung, lượng mưa từ năm 1993÷2019 có xu hướng tăng, với tốc độ xu thế 4,4 mm/năm. Năm 2010 lượng mưa có giá trị cao nhất là 1.781,0 mm. Năm 2014 lượng mưa có giá trị thấp nhất là 509,0 mm. Lượng mưa gây lũ thường do bão, áp thấp nhiệt đới, đôi khi kết hợp giữa bão và áp thấp nhiệt đới gây nên. Lượng mưa 1 ngày lớn nhất lớn hơn 300mm.

3. Đặc điểm thủy văn:

3.1 Mạng lưới sông ngòi:

a) Sông Cái Phan Rang:

Ở Ninh Thuận hệ thống sông Cái Phan Rang bao trùm gần hết toàn tỉnh, chỉ trừ một số vùng ven biển thuộc các huyện Thuận Bắc, Ninh Hải và Ninh Phước có các sông độc lập chảy thẳng ra biển.

Trên hệ thống sông Cái, ngoài dòng chính sông Cái còn nhiều nhánh sông, suối lớn nhỏ. Phía bên bờ tả đáng kể có sông Sắt, sông Cho Mo và suối Ngang..., phía bờ hữu có sông Ông, sông Cha - sông Than, sông Quao và sông Lu,...

Hệ thống sông ngòi có dạng hình nhánh cây, ngoài dòng chính sông Cái còn có nhiều sông, suối nhánh có tỷ lệ diện tích lưu vực khá lớn đổ vào. Tổng diện tích tự nhiên của hệ thống sông Cái là 3.043 km², trong đó:

- Phần thuộc tỉnh Ninh Thuận: 2.488 km²;
- Phần thuộc tỉnh Khánh Hòa: 336 km²;
- Phần thuộc tỉnh Lâm Đồng: 172 km²;
- Phần thuộc tỉnh Bình Thuận: 47 km².

Do điều kiện địa hình ở phần thượng nguồn bao bọc bởi núi cao, lưu vực thượng nguồn sông Cái Phan Rang từ cầu Tân Mỹ trở lên có lượng mưa hàng năm lớn hơn, từ 1.000÷2.000 mm. Từ Tân Mỹ trở xuống mưa giảm dần, từ 1.000 mm xuống đến chỉ còn xấp xỉ 700 mm ở vùng cửa sông là TP. Phan Rang-Tháp Chàm.

Đoạn lòng sông chảy qua vùng trung lưu từ Tân Sơn đến Tân Mỹ lưu vực sông mở rộng, độ dốc lòng sông còn cao, lòng sông nhiều đá tảng, một số nơi có các bãi bồi giữa sông như một sự pha trộn giữa kiểu sông miền núi và đồng bằng.

Từ Tân Mỹ về xuôi, sông chảy êm trong một vùng đồi thấp và đồng bằng Phan Rang nhỏ hẹp. Đoạn sông từ Tân Mỹ đến Đồng Mé lòng sông còn có đá lờm chờm, từ Đồng Mé ra biển thì lòng sông đầy bãi cát, có nơi bãi cát rộng tới 300÷400 m như ở Phước Thiện, cầu Đạo Long.

Đáng lưu ý là sông Cái Phan Rang có một hệ thống các sông nhánh phân bố theo dạng chùm rễ cây khiến lũ tập trung nhanh.

b) Các sông suối nhỏ độc lập khác:

Ngoài hệ thống sông Cái, tỉnh còn một số sông, suối độc lập chảy thẳng ra biển như: Sông Trâu, suối Nước Ngọt, suối Bà Râu, suối Kiên Kiên, suối Vĩnh Hy, suối Quán Thẻ,...

3.2. Đặc điểm thủy văn dòng chảy:

a) Dòng chảy năm:

Lượng dòng chảy trong năm tương đối thấp với mô đun dòng chảy trung bình là 42,7 lít/s/km² (tương đương 1,718 tỷ m³ năm). Thủy chế cũng theo 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và khô. Trong mùa mưa, ở vùng đồi núi, sông suối có khả năng tập trung nước rất nhanh, nước lũ lên nhanh nhưng không kéo dài do khả năng thoát nước tốt.

Phân phối dòng chảy năm: Dòng chảy trên các sông có hai mùa là mùa lũ và mùa cạn. Trên lưu vực sông Cái Phan Rang, mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 11; mùa cạn từ tháng 12 đến tháng 8 năm sau. Tháng 12 là tháng chuyển tiếp từ mùa lũ sang mùa cạn, tháng 8 là tháng chuyển tiếp từ mùa cạn sang mùa lũ.

b) Dòng chảy lũ:

Có thể chia ra các thời kỳ lũ tiểu mãn, lũ chính vụ, lũ sớm, lũ muộn và sự phân chia này cũng chỉ là tương đối và theo thời gian trong năm.

- Lũ tiểu mãn: Vào các tháng 5, 6 gió mùa Tây Nam còn yếu, mặt khác cao áp ở Thái Bình Dương lấn vào và không khí xích đạo mang nhiều hơi nước nóng ẩm ảnh hưởng đến thời tiết Ninh Thuận. Lũ này nhỏ, chủ yếu chảy trong lòng dẫn và thường là lũ có lợi vì nó mang một lượng nước đáng kể để phục vụ sản xuất Hè Thu;

- Lũ sớm: Lũ xảy ra vào cuối tháng 8 đến tháng 9. Lũ sớm thường có biên độ không lớn, lượng nước trong các sông suối còn ở mức thấp, lũ sớm thường là lũ đơn 1 đỉnh. Thời kỳ này, lũ gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp vì trùng vào thu hoạch vụ mùa;

- Lũ muộn: Là lũ xảy ra trong thời gian chuyển tiếp từ mùa lũ sang mùa cạn. Lũ thời kỳ này ảnh hưởng đến thời vụ gieo trồng của sản xuất nông nghiệp.

Lũ lớn nhất trong năm chủ yếu tập trung vào tháng 10 và 11 trùng với thời kỳ hoạt động của bão, ATND trên biển Đông, có ảnh hưởng đến địa phương, kết hợp với các nhiễu động thời tiết khác. Bắt đầu vào các tháng này, các nhiễu động thời tiết trở nên mạnh mẽ, hoạt động của bão tăng lên, nhiều trận bão trực tiếp đổ bộ hoặc ảnh hưởng gián tiếp đến đất liền gây nên những đợt mưa có cường độ lớn trên diện rộng. Đặc biệt bão tan thành áp thấp di chuyển lên phía Bắc gặp khối không khí lạnh tăng cường gây nên các đợt mưa dài ngày, tạo nên những cơn lũ kép 2, 3 đỉnh. Giữa mùa lũ, thông thường mực nước sông đã dâng khá cao, bề mặt lưu vực đã bão hòa, do vậy lượng nước mưa bị tổn thất nhỏ. Khi có mưa lớn, nước tập trung vào sông rất nhanh và thường xảy ra những trận lũ lớn ác liệt, gây nên ngập lụt nghiêm trọng ở vùng hạ lưu nhiều ngày.

- Mục nước lũ: Ngoài cấp báo động lũ cho trạm Tân Mỹ, Phan Rang trên sông Cái Phan Rang thuộc hệ thống KTTV quốc gia. Ngày 25/11/2022, UBND tỉnh Ninh Thuận đã quy định cấp báo động lũ tại các trạm thủy văn Phước Bình (sông Cái Phan Rang), Phước Hà, Phước Hữu (sông Lu).

Số liệu đo đạc và điều tra về mực nước lũ lớn nhất tại các trạm trên các sông cho thấy mực nước cao nhất xảy ra trên các lưu vực sông thường xảy ra không đồng thời. Địa hình phần lớn là đồi núi dốc, có lượng mưa trong mùa lũ lớn nên khả năng tập trung nước nhanh, sông suối lại ngắn nên lũ lên nhanh, xuống nhanh, cường suất lũ lớn.

c) Dòng chảy kiệt:

Các sông ở Ninh Thuận có mùa kiệt từ tháng 1 đến tháng 5. Dòng chảy nhỏ nhất trên lưu vực phần lớn rơi vào tháng 3, tháng 4.

3.3. Đặc điểm hải văn:

Vùng ven biển Ninh Thuận có chế độ nhật triều không đều, số ngày nhật triều trong tháng từ 17 đến 26 ngày. Thời gian triều dâng dài hơn thời gian triều xuống, từ 1 đến 2 giờ, điềm này làm tăng thêm khả năng ngập lụt và xâm nhập mặn. Triều thuộc loại triều yếu. Số liệu quan trắc tại các trạm thủy văn cho thấy, biên độ triều trung bình khoảng 0,80 -1,20m, lớn nhất đạt trên 1,5m và nhỏ nhất là 0,05m.

Biên độ triều có sự thay đổi rõ rệt trong tháng theo chu kỳ nhật triều. Trong mỗi tháng có 2 kỳ triều cường xảy ra (vào ngày trăng tối và ngày trăng tròn). Trong các tháng không có ảnh hưởng của lũ dạng đường quá trình triều khá ổn định. Các sông trong tỉnh đa số có chiều dài ngắn, độ dốc lòng sông lớn nên càng vào sâu trong sông biên độ triều giảm rõ rệt, ranh giới ảnh hưởng triều trên các sông tối đa chỉ khoảng 35 km tính từ cửa sông.

Do bị ảnh hưởng bởi chế độ triều phức tạp bao gồm cả nhật triều và bán nhật triều, xen giữa có thời gian chuyển chế độ triều nên thời gian triều lên và thời gian triều xuống cũng phức tạp. Vào những ngày bán nhật triều thời gian triều lên xuống trung bình khoảng 6 giờ. Những ngày nhật triều thời gian triều lên trung bình dài hơn thời gian triều xuống.

IV. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Về dân sinh:

Ninh Thuận có quy mô dân số ở mức thấp so với các tỉnh trong khu vực, thấp dân số tương đối trẻ và bắt đầu bước vào thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, với nguồn nhân lực dồi dào nhất từ trước đến nay. Quy mô tổng dân số của tỉnh năm 2022 đạt 598.683 người, trong đó dân số nam 303.429 người, chiếm 50,21% và dân số nữ người, chiếm 49,79%. Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên của tỉnh chiếm lần lượt là 26,5% và 8,6%.

Phân bố dân cư không đồng đều, tốc độ tăng trưởng dân số đô thị bình quân đạt 4,5%/năm.

Tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn tỉnh đạt 72,7 tuổi, thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước (cả nước là 73,7 tuổi); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn cao, trong đó thể nhẹ cân 16,6%, thể thấp còi 28,7%. Thông qua các chỉ số có thể thấy thể chất và sức khỏe của người dân Ninh Thuận thấp hơn so với cả nước và và một số tỉnh trong khu vực;

- Tỉnh có cộng đồng dân cư gồm 34 dân tộc cùng sinh sống. Đồng nhất là dân tộc Kinh (chiếm 75,58% dân số toàn tỉnh), Chăm (chiếm 11,43% dân số toàn tỉnh), Raglai (chiếm 11,92% dân số toàn tỉnh), còn lại là các dân tộc khác như: Tày, Nùng, K’Ho, Hoa, Hrê... chiếm tỉ lệ không đáng kể, chủ yếu sinh sống ở các xã miền núi.

2. Đặc điểm đối tượng dễ bị tổn thương:

- Hộ nghèo, cận nghèo: Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh năm 2021 là 13.045 hộ, chiếm tỉ lệ 7,18%; Tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh là 13.259 hộ, chiếm tỷ lệ 7,30%. Số hộ nghèo, cận nghèo tập trung chủ yếu ở các địa bàn kinh tế chậm phát triển, tỉ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, như các xã thuộc các huyện Ninh Sơn, Bắc Ái...

+ Thiếu hụt chiều việc làm: Toàn tỉnh có 12.981 hộ nghèo, trong đó hộ thiếu việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định chiếm 57,25% số hộ nghèo. Hộ có tỷ lệ người phụ thuộc trên 50% thành viên hộ chiếm 34,11%.

+ Thiếu hụt về y tế và dinh dưỡng: Toàn tỉnh có 7.787 hộ nghèo thiếu hụt chiều y tế và dinh dưỡng, cụ thể: hộ gia đình có trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi chiếm 14,63%. Hộ có người không có bảo hiểm y tế chiếm 40,17%.

+ Thiếu hụt về giáo dục: Toàn tỉnh có 7.096 hộ nghèo thiếu hụt về giáo dục, cụ thể: Hộ ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng chiếm 41,17%; hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi chiếm 8,78%.

+ Thiếu hụt về nhà ở: Toàn tỉnh có 10.343 hộ nghèo thiếu hụt về nhà ở, cụ thể: Hộ hiện đang ở nhà có chất lượng không đảm bảo “3 cứng” chiếm 24,52%; hộ hiện có nhà ở mà diện tích bình quân đầu người dưới 8m² chiếm 48,28%.

+ Thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh môi trường: Toàn tỉnh có 6.567 hộ nghèo thiếu hụt về nước sạch và vệ sinh môi trường, cụ thể: Hộ gia đình không tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt chiếm 5,77%; hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm 40,45%.

+ Thiếu hụt về tiếp cận thông tin: Toàn tỉnh có 7.689 hộ nghèo thiếu hụt về tiếp cận thông tin, cụ thể: Hộ không sử dụng internet chiếm 38,03%; hộ không có phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin chiếm 16,09%.

- Người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi cũng là những đối tượng dễ bị tổn thương, được phân bổ đều ở các địa phương theo quy mô dân số.

3. Đặc điểm kinh tế:

Năm 2022, quy mô GRDP theo giá hiện hành tỉnh Ninh Thuận đạt 23.486 tỷ đồng, tăng 7,42% so với cùng kỳ; GRDP bình quân đầu người tăng từ 64,4 triệu đồng năm 2020 lên 76,80 triệu đồng năm 2022. Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 7,42%. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp thủy sản 30%, Công nghiệp-xây dựng 37,6%, Dịch vụ 32,4%.

a) Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tình hình sản xuất đang có những chuyển biến rõ nét, đóng góp quan trọng và khẳng định là trụ đỡ của nền kinh tế, cơ cấu kinh tế nội bộ ngành có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành lâm nghiệp và thủy sản.

b) Công nghiệp: Là một cấu thành quan trọng của nền kinh tế tỉnh Ninh Thuận. Trong giai đoạn 2011-2020, công nghiệp và xây dựng đã từng bước phát triển và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GRDP của tỉnh, từ mức 7,41% năm 2011 lên 15,02% vào năm 2019, đến năm 2020 lên 20,74% để trở thành khu vực chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 cho nền kinh tế. Tăng trưởng bình quân hàng năm của nền kinh tế thời kỳ 2011-2020 công nghiệp khoảng 19,67%/năm. Xây dựng và bất động sản tăng trưởng bình quân hàng năm ngành xây dựng của nền kinh tế tỉnh thời kỳ 2016-2020 khoảng 20,4% năm (bình quân thời kỳ 2011-2015 khoảng 4,3% năm). Giá trị tăng thêm của ngành xây dựng (giá hiện hành) năm 2019 là 3.074 tỷ đồng, năm 2020 là 3.601,6 tỷ đồng tăng gấp 2,79 lần so với năm 2015 là 1.292 tỷ đồng.

c) Thương mại, dịch vụ, du lịch: Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch ngày càng phát triển. Tổng mức tổng mức bán lẻ hàng hoá năm 2020 đạt 11.172,8 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 6,75%/năm. Kết cấu hạ tầng thương mại ngày càng phát triển theo hướng văn minh, hiện đại. Các chợ truyền thống được quan tâm xây mới, nâng cấp, cải tạo. Đã thu hút được nhiều dự án phát triển hạ tầng thương mại có quy mô lớn. Ngoài ra, phát triển hệ thống cửa hàng tiện ích, bách hóa tổng hợp, điểm bán hàng Việt tập trung tại các trung tâm huyện, thành phố và có xu hướng mở rộng về các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người dân, đảm bảo cơ bản trong cung ứng nhu yếu phẩm trong các tình huống khẩn cấp.

4. Đặc điểm văn hóa xã hội:

Ninh Thuận là một trong những địa phương có khối lượng di sản văn hóa phong phú, đa dạng của cả nước. Tính đến nay toàn tỉnh có tổng số 239 di tích được đưa vào danh mục kiểm kê, gồm các loại hình: Đình làng; chùa; miếu; nhà thờ; lăng (lăng thờ cá Voi/cá Ông); tháp Chăm; thánh đường Hồi giáo; đền thờ của người Chăm; phế tích, bia ký Chăm; di tích lịch sử cách mạng; danh lam thắng cảnh... Trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt là Tháp Hòa Lai và tháp Po Klong Garai; 17 di sản cấp quốc gia, trong đó có 12 di tích, 5 di sản được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia là nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm làng Bầu Trúc; Lễ hội Ka tê của đồng bào Chăm; Lễ Bỏ má của người Raglai; Lễ Cầu ngư của ngư dân ven biển tỉnh Ninh Thuận và Danh lam thắng cảnh quốc gia Vịnh Vĩnh Hy. Bên cạnh đó, Ninh Thuận còn có 44 di tích cấp tỉnh và 41 di tích là các đình, đền, lăng, miếu khác. Đặc biệt, Ninh Thuận cũng được vinh danh là một trong số 21 tỉnh, thành có nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

V. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

1. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, hải văn, địa chấn, chống sét

1.1. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV)

Mạng lưới trạm KTTV tại Ninh Thuận bao gồm mạng lưới trạm KTTV quốc gia và mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng, đáp ứng yêu cầu quan trắc, thu thập số liệu các yếu tố KTTV trên địa bàn tỉnh gồm 42 trạm. Trong đó, Đài

KTTV tỉnh Ninh Thuận quản lý 21 trạm (03 trạm KTTV cơ bản; 11 trạm KTTV chuyên dùng, 07 trạm đo mưa tự động).

- Trạm KTTV cơ bản: 03 trạm. Trong đó: Khí tượng Phan Rang đo nhiệt độ, nắng, gió, độ ẩm, bốc hơi, lượng mưa); Thủy văn Phan Rang và trạm Thủy văn Tân Mỹ đo mực nước, lượng mưa.

- Trạm KTTV chuyên dùng: 10 trạm. Trong đó: 03 trạm Phước Hà, Phước Hữu, Phước Hữu đo mực nước, lượng mưa; 07 trạm Phước Đại, Sông Pha, Bà Râu, Phương Cựu, Vĩnh Hải, Phước Chiến, Quán Thẻ đo lượng mưa.

- Trạm đo mưa tự động: 07 trạm do Đài KTTV tỉnh quản lý (Phước Bình, Phước Đại, Phước Hòa, Phước Tân, Hòa Sơn, Ma Nới, Phước Hà) và 15 trạm đo mưa tự động do Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh quản lý

- Trạm hải văn: Có 01 trạm hải văn Ninh Hải đo tự động.

Ngoài ra còn có 13/21 hồ chứa và 4/4 đập dâng có trạm quan trắc mực nước tự động¹ do Công ty Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh quản lý.

Trong thời qua ngành KTTV tại phương đã đáp ứng được tốt yêu cầu phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên phạm vi khu vực tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Mạng lưới quan trắc địa chấn

Trên địa bàn tỉnh không có trạm đo địa chấn. Khu vực Nam Trung Bộ và lân cận có 6 trạm tại Nha Trang, Bình Thuận, Gia Lai, Buôn Mê Thuột, huyện đảo Phú Quý, huyện đảo Côn Đảo thuộc Mạng lưới trạm địa chấn quốc gia Việt Nam thế hệ mới² có 31 trạm trên cả nước. Mạng lưới này quan trắc được các trận động đất có độ lớn từ 3.5 trở lên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam và 6.0 trở lên ở khu vực biển Đông. Mạng lưới quan trắc địa chấn do Viện Vật lý Địa cầu theo dõi.

1.3. Hệ thống công trình chống sét:

Tỉnh đã xây dựng 36 cột được xây dựng năm 2021 (17 trạm), 2022 (19 trạm) trên địa bàn 7/7 huyện, thành phố: huyện Bác Ái 8 cột; huyện Ninh Sơn 7 cột, huyện Ninh Phước 7 cột; huyện Thuận Nam 6 cột; huyện Thuận Bắc 3 cột, huyện Ninh Hải 3 cột Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm 2 cột.

¹ 13 hồ chứa gồm: Sông Sắt, Trà Co, Phước Trung, Sông Trâu, Bà Râu, Tân Giang, Sông Biêu, Núi Một, Nước Ngọt, Thành Sơn, Bầu Zôn, Lanh Ra, Cho Mo và 04 đập Tân Mỹ, Sông Pha, Nha Trinh, Lâm Cẩm.

² Được xây dựng thông qua dự án “Tăng cường mạng lưới quan sát động đất phục vụ công tác báo tin động đất và cảnh báo sóng thần ở Việt Nam” trong thời gian 2008 - 2016. Mạng lưới trạm mới bao gồm 31 trạm trải dài từ bắc vào đến nam trung bộ bao gồm 18 trạm ở miền bắc, 5 trạm ở khu vực bắc trung bộ, 6 trạm ở nam trung bộ và 2 trạm ở ngoài đảo.

2. Hạ tầng giao thông:

Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã được quan tâm đầu tư và phát triển khá toàn diện. Tuy nhiên do nguồn lực đầu tư còn hạn chế, đặc biệt là tại các huyện miền núi, nên tỷ lệ các tuyến giao thông chưa được nhựa hóa, bê tông hóa vẫn còn cao. Mặc khác do tác động của thiên tai hàng năm, hệ thống giao thông cũng là một trong những ngành bị thiệt hại lớn.

2.1. Đường bộ:

Đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh có tổng chiều dài là 61,5 km; Đường quốc lộ qua địa bàn tỉnh có tổng chiều dài là 174,5 km; Đường tỉnh có tổng chiều dài là 362,185 km (14 tuyến); Đường huyện có tổng chiều dài là 214,172 km; Đường giao thông nông thôn (đường xã, đường thôn, ngõ xóm và trục chính nội đồng) có tổng chiều dài là 2.098,744 km; trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hiện có 02 bến xe đang hoạt động là Bến xe khách tỉnh Ninh Thuận và Bến xe khách Trung tâm huyện Ninh Sơn.

2.2. Đường sắt:

Tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Thuận có tổng chiều dài là 61km, trên tuyến có tổng cộng 05 ga, bao gồm các ga như: Cà Rôm, Phước Nhơn, Tháp Chàm (ga hành khách), Hòa Trinh và Cà Ná.

2.3. Đường thủy:

Do đặc điểm đặc thù về địa hình của tỉnh Ninh Thuận là thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, hầu hết các sông, suối có độ sâu thấp nên không phù hợp cho việc chuyển hàng hóa bằng đường thủy. Hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh gồm: vùng nội thủy dọc bờ biển dài 105,8 km, đầm Nai, Ao Vua, Vịnh Vĩnh Hy. Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có tuyến đường thủy nội địa được công bố theo quy định.

2.4. Đường hàng không:

Trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận có 01 sân bay quân sự Thành Sơn phục vụ cho mục đích quốc phòng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đang kiến nghị cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung quy hoạch sân bay Thành Sơn vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.5. Về cảng biển:

Cảng biển tổng hợp Cà Ná đã hoàn thành triển khai xây dựng giai đoạn 1, đang triển khai kêu gọi đầu tư giai đoạn 2; Cảng biển Ninh Chữ hiện nay đang trong giai đoạn kêu gọi đầu tư.

2.6. Về cảng cá:

Toàn tỉnh Ninh Thuận hiện có 05 cảng chuyên dùng phục vụ cho việc đánh bắt thủy, hải sản là Cảng cá Tân Mỹ, Cảng cá Ninh Chữ, Cảng cá Đông Hải, Cảng cá Cà Ná cũ và Cảng cá Cà Ná mở rộng.

2.7. Về bến thủy nội địa:

Hiện nay, khu vực xã Vĩnh Hải có 02 bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, bao gồm các bến thủy nội địa tại Bãi Kinh và Vĩnh Hy (bến thủy nội địa tại khu vực Thái An đang triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng). Các bến thủy nội địa này đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động theo quy định.

3. Hệ thống công trình thủy lợi:

Toàn tỉnh có khoảng 95 công trình thủy lợi. Trong đó, có 82 hồ đập lớn nhỏ, (06 hồ dung tích trên 10 triệu m³, 03 hồ dung tích từ 03-10 triệu m³, 08 hồ dung tích từ 01 đến dưới 03 triệu m³, 04 hồ dưới 01 triệu m³, 61 đập dâng); 12

trạm bơm, 04 hệ thống công trình cấp nước đô thị, 43 hệ thống cấp nước sạch nông thôn,... Hệ thống đã và đang đảm bảo tưới cho 24.722 ha hằng năm (9.987 ha vụ Đông Xuân, 5.662 ha vụ Hè Thu, 9.156 ha vụ Mùa) và nuôi trồng thủy sản và muối.

3.1 Hồ chứa thủy lợi, thủy điện

a) Hồ thủy lợi: Có 22 hồ chứa đã sử dụng với tổng dung tích hồ là 413,57 triệu m³ với năng lực tưới thiết kế là 21.072 ha đất canh tác nông nghiệp và thủy sản. Tổng diện tích tưới thực tế các hồ chứa mới chỉ đạt 60% diện tích tưới thiết kế. Nguyên nhân chủ yếu là do một số hồ mới được xây dựng, khu tưới chưa được khai hoang; một số hồ chưa được đầu tư đồng bộ hệ thống kênh cấp 2, cấp 3; Cơ cấu cây trồng trong các khu tưới hồ chứa thực tế hầu như không theo thiết kế. Diện tích gieo trồng cây lúa lớn hơn nhiều so với thiết kế.

Hiện có 02 hồ trọng điểm cấp quốc gia, cấp tỉnh là Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ-Hồ chứa nước sông Cái và hồ chứa sông Than đang hoàn thiện để bàn giao tỉnh.

b) Hồ thủy điện: Có 6 hồ thủy điện nhỏ đang hoạt động.

3.2. Các công trình cấp nước bằng đập dâng:

Ngoài các hệ thống thủy lợi đập Tân Mỹ, đập 19-5, đập Sông Pha và đập Nha Trinh-Lâm Cẩm trên địa bàn tỉnh còn có 57 đập dâng trên các nhánh sông suối nhỏ

3.3. Công trình chống hạn, chống xâm nhập mặn

Tiêu biểu là công trình đập hạ lưu Sông Dinh có tổng mức đầu tư 691,5 tỷ đồng, bằng nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương và nguồn vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020. Hoàn thành năm 2020. Đập hạ lưu được xây dựng với nhiều công năng vừa là công trình thủy lợi, vừa là công trình giao thông, mục tiêu của công trình là kiểm soát độ mặn, ngọt, do ảnh hưởng của thủy triều đối với vùng đất hai bên bờ Sông Dinh. Công trình còn tạo thành hồ chứa nước ngọt với dung tích 3,5 triệu m³ cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước sinh hoạt và vật nuôi 2 bên bờ Sông Dinh. Đồng thời tạo nguồn để xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung cho người dân phía Nam của 2 huyện Thuận Nam và Ninh Phước; tạo mặt hồ thoáng điều hòa khí hậu khu vực TP Phan Rang-Tháp Chàm và vùng lân cận, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, kết hợp giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công trình đã hỗ trợ hiệu quả cho công tác PCTT trong mùa mưa, bão.

3.4. Công trình đê, kè:

Ninh Thuận có 04 tuyến đê biển bao gồm: Đê biển bảo vệ khu vực Đầm Vua, đê bảo vệ bờ biển thôn Phú Thọ, đoạn đê phường Đông Hải và đê bao Đầm Nại với tổng chiều dài 12.274m; 01 đê sông đê sông (đê bờ bắc sông Dinh) có nhiệm vụ bảo vệ khu dân cư thành phố Phan Rang-Tháp Chàm với chiều dài 11,94 km; 19 công trình kè sông, kè biển với chiều dài 21,533km.

4. Các khu neo đậu tránh trú bão, tàu thuyền và nuôi trồng thủy sản:

4.1 Các khu neo đậu:

Tỉnh có 04 khu neo đậu tránh trú bão với sức chứa tới 3.626 chiếc tàu thuyền các loại, trong đó có 2 khu cấp vùng: cảng Ninh Chữ 1.884 chiếc; cảng cá Cà Ná 1.257 chiếc và 01 khu cấp tỉnh: Cửa Sông Cái (Cảng cá Đông Hải) 485 chiếc và khu neo đậu địa phương tại vịnh Vĩnh Hy.

Các khu neo đậu đáp ứng nhu cầu ngư dân trong tỉnh và tàu cá tỉnh bạn khi có bão, ATNĐ, tuy nhiên hầu hết đang xuống cấp, luồng lạch ra vào thường bị bồi lắng.

4.2 Tàu thuyền:

Toàn tỉnh có 2.269 tàu thuyền và khoảng 16.000 ngư dân, trong đó: 909 tàu (chiều dài dưới 12m) khai thác ven bờ, 540 tàu (chiều dài từ 12 ÷ 15m) hoạt động tại vùng lộng và 820 tàu (chiều dài trên 15m) hoạt động tại vùng khơi đánh bắt ngư trường các tỉnh Nam Trung Bộ, quần đảo Trường Sa. 827 tàu cá (có chiều dài thân tàu từ 15m trở lên) đã gắn thiết bị giám sát hành trình.

Tàu thuyền đa số là tàu vỏ gỗ, máy nổ và phương tiện cũ kỹ. Khi xuất hiện bão, gió mạnh trên Biển Đông là có nguy cơ đối với tàu thuyền.

4.3. Nuôi trồng thủy sản (NTTS):

Diện tích NTTS cả tỉnh khoảng 811 ha. Trong đó: NTTS nước ngọt khoảng 82 ha, NTTS nước mặn, lợ: 729 ha tập trung tại huyện Ninh Hải, Thuận Nam và TP Phan Rang. Ngoài ra còn có nhiều cơ sở sản xuất giống thủy sản (tổng số 450 cơ sở) với nhà ươm nuôi là nhà tạm, chưa đảm bảo an toàn với gió mạnh, triều cường.

Khi có bão, bão mạnh, mưa lớn kéo dài gây lũ lụt là mối hiểm họa đối với sản xuất nuôi trồng thủy sản trong tỉnh.

5. Hệ thống cấp, thoát nước:

5.1. Hệ thống cấp nước:

a) Cấp nước đô thị: Toàn tỉnh có 04 hệ thống cấp nước chính bao gồm: Nhà máy nước Tân Sơn, Nhà máy nước Phan Rang-Tháp Chàm, Nhà máy nước Cà Ná - Phước Nam và Nhà máy nước Phước Dân với tổng công suất 64.000 m³/ngày đêm. Ngoài ra, khu du lịch Bình Tiên, huyện Thuận Bắc có hệ thống cấp nước Thành Trung công suất (giai đoạn 1) 2.000m³/ngày, công suất giai đoạn sau sẽ là 6.000m³/ngày; Khu vực xã Phước Đại, huyện Bác Ái có nhà máy nước Suối Lạnh với công suất thiết kế 1.200m³/ngày cung cấp nước cho các nhu cầu sinh hoạt của thị trấn; Dọc theo kênh Bắc, có hệ thống cấp nước thô cho các thôn thuộc huyện Thuận Bắc đang cấp cho khoảng 75.000 hộ dân dọc theo kênh Bắc.

b) Cấp nước sạch nông thôn: Đã đầu tư xây dựng 43 nhà máy, trong đó 2 nhà máy cấp nước thô và 41 nhà máy cấp nước sinh hoạt với tổng công suất 37.893 m³/ngày-đêm; cung cấp nước cho 50.399 hộ/173.083 nhân khẩu nằm trên địa bàn 6 huyện: Ninh Sơn, Bác Ái, Thuận Bắc, Ninh Hải, Thuận Nam, Ninh Phước. Tập trung vận hành, điều tiết các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đồng thời thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng nước, cân đối các nguồn nước sạch hiện có; nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước sạch đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho nhân dân khu vực nông thôn.

5.2. Hệ thống thoát nước:

a) Hệ thống kênh tiêu thoát nước: Toàn tỉnh có 06 hệ thống kênh tiêu thoát nước chính: Hệ thống tiêu lũ huyện Ninh Phước (dài 38,83km,); Hệ thống kênh tiêu Cà Ná (dài 8,29 km); Hệ thống kênh tiêu Cầu Ngòi (dài 7,203 km); Kênh tiêu Lê Đình Chinh (dài 4,4km); Kênh tiêu Mần Mần (dài 2,95km); Kênh tiêu Suối Tỏi-Gò Thao (dài 2,22km).

b) Hệ thống thoát nước đô thị và các điểm dân cư: Hệ thống thoát nước TP Phan Rang-Tháp Chàm là hệ thống thoát nước tương đối hoàn chỉnh, tuy nhiên cũng chỉ là hệ thống thoát chung giữa nước mưa và nước thải, tập trung chủ yếu tại nội thị cũ và các khu vực đô thị mới. Hệ thống xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp. Các thị trấn và thị tứ: hầu như chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước; nước mưa tự tiêu thoát theo độ dốc địa hình về sông suối và kênh mương thủy lợi. Tỷ lệ công đạt từ 10- 20% nhu cầu tiêu thoát. Tại một số thị trấn đã xây dựng được các tuyến thoát dọc trục đường giao thông trung tâm như Khánh Hải, Cà Ná, Tân Sơn.

Đặc biệt, năm 2022, UBND tỉnh Ninh Thuận đã phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh bao gồm: 86 hồ, ao, đầm trên địa bàn 7/7 huyện, thành phố³ (Huyện Bác Ái: 07 hồ, 07 ao; huyện Ninh Sơn: 02 hồ, 07 ao; 3. Huyện Ninh Hải: 03 hồ, 15 ao, 01 đầm; huyện Ninh Phước: 07 hồ, 16 ao; huyện Thuận Bắc:

³ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt và công bố Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

04 hồ, 03 ao; huyện Thuận Nam: 06 hồ, 04 ao, 01 đầm; thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 03 hồ).

6. Hệ thống điện:

6.1. Nguồn điện:

Hiện tại lưới truyền tải điện Ninh Thuận được cấp điện chủ yếu từ các nguồn điện thuộc hệ thống điện quốc gia từ các nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2; Đa Nhim; Sông Pha; Hạ Sông Pha 1 và 2; Sông Ông và Thượng Sông Ông;

6.2. Hệ thống lưới điện:

- Lưới điện 500kV: Được cấp điện từ 1 trạm biến áp 500kV Trung Nam nằm trên địa bàn tỉnh. Trạm biến áp 500KV Thuận Nam.

- Lưới điện 220kV: Được cấp điện từ 3 trạm biến áp 220kV nằm trên địa bàn tỉnh gồm: Trạm biến áp Tháp Chàm 2; Ninh Phước và Phước Thái.

- Lưới điện 110kV: Bao gồm 5 trạm biến áp các huyện Ninh Sơn; Ninh Phước; Ninh Hải; Tháp Chàm và Hạc nhân Ninh Thuận.

Hệ thống điện, bảo đảm cung cấp điện ổn định. Tuy nhiên hệ thống điện là một trong những đối tượng thường xuyên bị tác động và thiệt hại bởi thiên tai, đặc biệt là bão, áp thấp nhiệt đới.

6.3. Hệ thống dự án năng lượng tái tạo:

Thời gian qua, Ninh Thuận là một trong những địa phương đi đầu trong nước về phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 37 dự án điện mặt trời và 14 dự án điện gió với tổng quy mô công suất 3.403,92 MW (ĐG 860,92 MW, ĐMT 2.543 MW), trong đó có 34 dự án điện mặt trời và 03 dự án điện gió đã đưa vào vận hành với tổng công suất 2.489,5 MW (ĐG 229,5 MW, ĐMT 2.260 MW). Chiếm khoảng 14,28% tổng công suất của cả nước. Cùng với đó, các dự án thủy điện tích năng (công suất 1.200MW, điện khí LNG quy hoạch GD1 công suất 1.500 MW) cũng góp phần đưa Ninh Thuận trên đường trở thành một trong các trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước, phù hợp với chủ trương của Chính phủ theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018

- Thủy điện: Ninh Thuận có 6 dự án với tổng công suất 59 MW.

- Điện rác: tỉnh có 1 dự án, công suất 6 MW (dự án đang phụ thuộc vào việc bổ sung quy hoạch phát triển điện lực nguồn và lưới).

Các nhà máy điện vận hành phát điện đã góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, giải quyết việc làm cho người dân, tăng thu ngân sách cho địa phương.

Các nhà máy thủy điện đã có tác động tích cực trong việc góp phần duy trì điều hòa dòng chảy về hạ du vào mùa kiệt nhằm phục vụ cho các nhu cầu cấp nước sinh hoạt, sản xuất. Nhiều dự án hoàn thành góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn vùng sâu, vùng xa phục vụ đời sống, sản xuất của người dân nông thôn.

Hệ thống điện trong tỉnh đang vận hành an toàn, bảo đảm cung cấp điện ổn định. Tuy nhiên, cần quan tâm bảo trì, nâng cấp hệ thống điện để bảo đảm vận hành an toàn trong mùa mưa bão.

7. Cơ sở hạ tầng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Hiện có 04 khu công nghiệp (KCN) nằm trong quy hoạch của Chính phủ đang được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và tổ chức hoạt động bước đầu đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư⁴, gồm: KCN Thành Hải (khoảng 78ha); KCN Phước Nam (khoảng 370ha); KCN Du Long (khoảng 407,28 ha); KCN Cà Ná. Ngoài ra

⁴ Các khu công nghiệp có trong quy hoạch đã thành lập và hoạt động: KCN Thành Hải, KCN Phước Nam, KCN Du Long, KCN Cà Ná; Các cụm công nghiệp gồm: Tháp Chàm, Quảng Sơn, Tri Hải, Hiếu Thiện, Phước Tiến, Công Hải – Lợi Hải, Lợi Hải, Chế biến thủy sản Cà Ná.

quy hoạch phát triển cụm công nghiệp Ninh Thuận đến năm 2020, gồm 8 cụm công nghiệp với tổng diện tích 315,76 ha.

Hầu hết các KCN và cụm công nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư, hạ tầng chưa đồng bộ. Các KCN, cụm công nghiệp lại tập trung chủ yếu ở khu vực đồng bằng ven biển thường xuyên chịu tác động bởi thiên tai.

8. Cơ sở giáo dục, đào tạo:

Hiện có 326 cơ sở giáo dục với 151.738 học sinh, sinh viên. Trong đó có: 301 cơ sở giáo dục công lập, với 139.448 học sinh, sinh viên và 25 cơ sở ngoài công lập với 11.766 học sinh, sinh viên. Gồm: 88 trường mầm non; 150 trường tiểu học; 63 trường trung học cơ sở; 21 trường THPT.

Ngoài ra ở bậc sau phổ thông còn có các trường: Trường Trung cấp Y tế Ninh Thuận, Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận; Trường Cao đẳng sư phạm Ninh Thuận, Trường Đại học Nông lâm - phân hiệu tại Ninh Thuận.

Đến nay phần lớn các trường học trên địa bàn tỉnh từ miền xuôi đến miền núi đều được đầu tư kiên cố và khang trang. Các trường học vừa là nơi thực hiện chức năng giáo dục đào tạo, vừa là nơi để sơ tán dân trong phòng chống thiên tai. Chỉ còn một số ít trường được xây dựng ở vùng trũng thấp và một số điểm trường thôn ở khu vực miền núi là bị tác động bởi thiên tai.

9. Cơ sở y tế:

Toàn tỉnh hiện có 18 đơn vị trực thuộc, bao gồm 70 cơ sở y tế công lập⁵ với 1.972 giường bệnh. Ngoài ra còn có các bệnh viện và phòng khám tư nhân phục vụ công tác khám, chữa bệnh của người dân.

Tỷ lệ bác sĩ điều trị trên địa bàn tỉnh đạt 10 bác sĩ/vạn dân, có 59/65 xã/phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 53/59 xã có bác sĩ làm việc thường trực.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở y tế của tỉnh chưa hoàn thiện; số cơ sở y tế ngoài công lập còn ít, thiếu nhiều bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh so với các tỉnh tương đương về điều kiện KT-XH trong khu vực. Nhân lực ngành y tế tuy có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội; tất cả các tuyến hiện nay đều thiếu bác sĩ; trình độ nhìn chung vẫn còn hạn chế, thiếu cán bộ đầu ngành.

10. Hệ thống thông tin liên lạc:

Toàn tỉnh có 02 doanh nghiệp và 11 Văn phòng đại diện, 03 Công ty trách nhiệm hữu hạn nội tỉnh hoạt động bưu chính, chuyên phát với 107 điểm phục vụ bưu chính (trong đó: 31 bưu cục; 39 bưu điện văn hóa xã; 37 điểm phục vụ thuộc loại hình khác). Bán kính phục vụ khoảng là 3,16 km/1 điểm và bình quân 5,57 người/1 điểm phục vụ tăng 0,95% so với cùng kỳ năm 2021.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình cáp. Có 187 điểm chuyên mạch; 267 tuyến viba; 81 tuyến cáp đồng dài 2.124 km; 816 tuyến cáp quang với tổng chiều dài 7.216 km, 1.911 trạm BTS (502 trạm 2G, 718 trạm 3G, 691 trạm 4G), 674 vị trí trạm BTS (220 vị trí cột ăngten sử dụng chung), 09 trạm điều khiển thông tin di động BSC. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang để cung cấp dịch vụ internet cố định băng rộng và dịch vụ truy nhập internet 3G, 4G được phủ đến 100% số thôn có dân cư trên địa bàn toàn tỉnh.

11. Hệ thống thông tin truyền thông:

- Báo chí: Có 03 cơ quan báo chí ở địa phương, gồm Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Thuận, hệ thống Đài Thông tin duyên hải Phan Rang. Ngoài ra, còn có 3 văn phòng đại diện, 32 phóng viên thường trú, đăng ký hoạt động thường xuyên trên địa bàn tỉnh và nhiều Trang Thông tin điện tử tổng hợp của các sở, ban, ngành và địa phương, tạp chí Văn học Nghệ thuật tỉnh.

- Phát thanh, truyền hình: có 01 Đài Phát thanh và Truyền hình; 07 đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

- Thông tin cơ sở: có 07 Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện thực hiện phát sóng phát thanh. Các Đài truyền thanh cấp xã hoạt động phục vụ tốt cho công tác thông tin tuyên truyền ở cơ sở, đặc biệt là trong công tác thông tin, tuyên truyền trên lĩnh vực phòng, chống thiên tai.

- Hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai: Có 5 trạm thủy văn và 04 trụ đèn báo bão phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, lũ, bão cùng với hệ thống Phát thanh-truyền hình của quốc gia (VTV, VTC); khu vực (VTV8, VTV9), của tỉnh, các huyện, hệ thống truyền thanh cấp xã, hệ thống mạng xã hội.

12. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng

Trong giai đoạn 2016-2021 đã thực hiện một số hạng mục phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng với việc làm các đường tuần tra, đường lâm nghiệp, sửa chữa các trạm bảo vệ rừng đã xuống cấp

⁵ Bao gồm: 01 bệnh viện tuyến tỉnh, 01 phòng khám đa khoa khu vực, 01 Trung tâm Y tế Quân – Dân y tỉnh, 01 bệnh xá Công an tỉnh, 07 trung tâm y tế tuyến huyện và 59 trạm y tế tuyến xã

nhằm đảm bảo công tác sinh hoạt cho lực lượng bảo vệ rừng tại các trạm kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng và thực hiện các phương án phòng chống cháy rừng trong mùa khô.

13. Hệ thống xử lý môi trường

Tỉnh Ninh Thuận đang triển khai Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải -Tiểu dự án TP Phan Rang -Tháp Chàm. Sau khi hoàn thành dự án sẽ cải thiện khả năng tiêu thoát nước mưa và giảm số điểm bị ngập úng; tăng cường khả năng thu gom, xử lý nước thải góp phần cải thiện môi trường nước, đất và không khí; cải thiện điều kiện vệ sinh trường học và các khu vực công cộng; cải thiện điều kiện giao thông nội đô và phát triển hạ tầng cho hệ thống thoát nước; cải thiện năng lực điều hành, quản lý và vận hành dự án cho Ban Quản lý dự án, các sở, ban, ngành, cơ quan công ích và các đơn vị tham gia dự án; đảm bảo sự bền vững về kỹ thuật và tài chính sau khi hoàn thành dự án; giảm thiểu tác động về môi trường và xã hội của dự án tới người dân bị ảnh hưởng do thực hiện dự án, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương và du khách.

14. Nhà cộng đồng kết hợp làm trường học, nhà tránh trú đa mục tiêu: Tỉnh đã xây dựng được 08 nhà cộng đồng kết hợp làm trường học và 09 nhà tránh trú bão đa mục tiêu⁶ tại các xã, phường thường bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

15. Các cơ sở tôn giáo

Trên địa bàn tỉnh có nhiều cơ sở Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Chăm,... Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng tôn giáo những năm gần đây được trùng tu, xây dựng kiên cố. Bên cạnh việc tín ngưỡng, các cơ sở tôn giáo còn là nơi trú tránh bão, lũ lụt của nhân dân.

16. Nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai

Những năm qua, dưới tác động của BĐKH, thiên tai đã và đang tác động nghiêm trọng đến đời sống và tình hình sản xuất của người dân trong tỉnh ở nhiều khía cạnh, bao gồm: giảm năng suất sản xuất nông nghiệp dẫn đến mất việc làm, giảm thu nhập; một số bộ phận người dân mất đi sinh kế; chất lượng cuộc sống giảm sút đặc biệt đối với các nhóm lao động có thu nhập thấp, người nghèo, người dân tộc thiểu số là những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước các rủi ro do BĐKH gây nên. Thiên tai sẽ tiếp tục diễn biến rất phức tạp trong thời gian tới, vì vậy cần thiết phải đánh giá, dự báo chính xác những tác động của thiên tai đối với tỉnh, từ đó đề xuất các giải pháp quy hoạch có tính thích ứng cao để ứng phó.

Bảng 1-1: Tác động của BĐKH, thiên tai đến các vùng, ngành và lĩnh vực

Khu vực	Địa điểm	Các tác động	Ngành chịu tác động	Đối tượng dễ bị tổn thương
Vùng ven biển	TP. Phan Rang –Tháp Chàm, H. Ninh Hải, H.Ninh Phước, H. Thuận Nam, H. Thuận Bắc	- Nước biển dâng; - Gia tăng bão và ATNĐ; - Gia tăng lũ lụt và sạt lở đất; - Hạn hán	- Nông nghiệp và PTNT; - Giao thông vận tải; - Xây dựng hạ tầng; - Môi trường; - Thương mại dịch vụ	- Nông dân, ngư dân; - Người khuyết tật, người nghèo, trẻ em, người cao tuổi. . .
Vùng đồng bằng	TP. Phan Rang – Tháp Chàm, H. Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, Thuận Bắc	- Lũ lụt; - Sạt lở đất; - Xâm nhập mặn	- Nông nghiệp và PTNT; - Công nghiệp; - Xây dựng, giao thông; - Môi trường; - Thương mại, dịch vụ	- Nông dân, ngư dân; - Người khuyết tật, người nghèo, người cao tuổi, trẻ em. . .
Vùng núi	H. Ninh Sơn	- Sạt lở đất;	- An ninh lương thực;	- Người dân tộc

⁶ **08 nhà** gồm An Hải, Phước Hậu, Phước Thuận, Phước Hữu, Phước Nam, Bắc Phong, Bắc Sơn, Công Hải; **09 nhà** gồm: Phú Hà, Đạo Long, Tấn Tài, Mỹ Hải, Mỹ Đông, Đông Hải; các xã Phước Thuận, An Hải, Nhơn Sơn

	H. Bác Ái	- Nắng nóng; - Hạn hán; - Lũ quét	- Giao thông vận tải; - Tài nguyên môi trường; - Đa dạng sinh học; - Y tế, sức khỏe cộng đồng	thiếu số; - Người già, phụ nữ, trẻ em
Vùng đô thị	TP. Phan Rang – Tháp Chàm	- Nước biển dâng; - Gia tăng bão và ATNĐ; - Gia tăng lũ lụt và ngập úng;	- Công nghiệp; - Thương mại, dịch vụ; - Giao thông vận tải; - Tài nguyên môi trường; - Đa dạng sinh học; - Y tế, sức khỏe cộng đồng	- Người nghèo, người có thu nhập thấp; - Người nhập cư; - Người già, phụ nữ, trẻ em

CHƯƠNG III

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai

Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thường xuyên ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo các cấp chính quyền, các ban, ngành triển khai thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, cụ thể:

1. Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 27/4/2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với phương tiện nghề cá tỉnh Ninh Thuận;

2. Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

3. Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm và tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

4. Quyết định số 51/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

5. Kế hoạch số 3478/KH-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

6. Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh về công tác phòng tránh lũ ống, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

7. Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Đề án nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

8. Kế hoạch số 1411/KH-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

9. Kế hoạch số 1605/KH-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

10. Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quy trình khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

11. Quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

12. Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về thành lập Hội đồng quản lý Quỹ PCTT;

13. Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Ninh Thuận;

14. Quyết định số 910/QĐ-HĐQLQ ngày 13/7/2022 của HĐQL Quỹ về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ PCTT;

15. Kế hoạch số 3111/KH-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 242-KH/TU ngày 12/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

16. Kế hoạch số 4543/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

17. Kế hoạch 1696/KH-UBND ngày 24/4/2023 về triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai Quốc gia trên địa bàn tỉnh;

18. Kế hoạch số 4542/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh ban hành về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

19. Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

20. Kế hoạch số 4612/KH-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh ban hành về triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

21. Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Trước diễn biến thiên tai ngày càng phức tạp và cực đoan, Đảng, Chính phủ và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách; các bộ, ban ngành liên quan đặc biệt quan tâm, không ngừng hoàn thiện hành lang cơ sở pháp lý trong công tác phòng chống thiên tai.

Mặc dù là tỉnh có điều kiện tự nhiên còn nhiều khó khăn, kinh tế-xã hội có điểm xuất phát thấp, thời tiết khí hậu rất khắc nghiệt nhưng Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, các địa phương đã chủ động xây dựng, phê duyệt, huy động được nhiều nguồn lực, nhất là nguồn lực từ trung ương, các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng doanh nghiệp và sự chung tay của người dân để triển khai Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020, đạt được nhiều kết quả rất quan trọng các giải pháp phi công trình, giải pháp công trình trong cả 3 giai đoạn phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả và tái thiết sau thiên tai, góp phần quan trọng trong giữ vững thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Ninh Thuận.

Các cơ chế, chính sách, kế hoạch UBND tỉnh ban hành đảm bảo cơ bản nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho Ban chỉ huy PCTT-TKCN các cấp và lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách như Luật Phòng, chống thiên tai, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, các Nghị định hướng dẫn thi hành còn nhiều điểm bất cập, cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, chưa ban hành kịp thời, nhất là cơ chế, chính sách về tài chính, nguồn lực cho công tác PCTT đã ảnh hưởng nhất định đến công tác đảm bảo nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, nhất là cấp xã, cấp huyện và lực lượng làm công tác PCTT trên địa bàn tỉnh. Thêm vào đó, nguồn kinh phí đầu tư nâng cao sức chống chịu cơ sở hạ tầng, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai rất hạn chế (mới đáp ứng khoảng 10-30% nhu cầu thực tế của các địa phương) và bị động (*đặc biệt là nhà ở, di dời dân vùng thiên tai, sạt lở bờ biển, công trình cơ sở hạ tầng PCTT như hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp...*), trông chờ sự hỗ trợ từ Trung ương, nguồn ngân sách tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu của địa phương, chủ yếu dựa vào nguồn thu từ Quỹ PCTT của tỉnh.

Xây dựng ban hành cơ chế, chính sách tài chính, nguồn lực cần tiếp tục ưu tiên tập trung hoàn thiện trong giai đoạn 2023-2025 cả ở cấp quốc gia và các cấp địa phương, nhất là huy động các nguồn lực xã hội, để góp phần cải thiện từng bước năng lực ứng phó của hệ thống và khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng PCTT và TKCN của tỉnh còn nhiều khó khăn.

II. Hệ thống chỉ huy chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và quy chế phối hợp

1. Tổ chức bộ máy Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) các cấp:

Hệ thống Ban Chỉ huy PCTT và TKCN đã được thành lập xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 và Nghị định số 02/2019/NĐ-CP ngày 02/01/2019 của Chính phủ; ban hành các quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên trong Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.

1.1. Cấp tỉnh:

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã được kiện toàn theo Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, phụ trách chung, trực tiếp chỉ huy công tác PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh.

- Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh vực nông nghiệp là Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách về PCTT và TKCN.

- Giám đốc Công an tỉnh phụ trách công tác tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, công tác bảo đảm an ninh trật tự an toàn giao thông.

- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên đất liền.

- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh là Phó trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển và biên giới.

- Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Văn phòng thường trực của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Thành viên của Ban chỉ huy cấp tỉnh được phân công thành 07 tổ, mỗi tổ phụ trách 01 huyện Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN của cơ quan, đơn vị mình.

1.2. Cấp huyện:

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố được thành lập theo quy định. Chủ tịch UBND cấp huyện làm trưởng Ban PCTT&TKCN, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện làm Phó Trưởng ban thường trực, Trưởng Công an cấp huyện, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện và Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc Trưởng phòng Kinh tế) làm phó trưởng Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện, Trưởng/phó phòng, ban và Chủ tịch UBND các xã/phường làm thành viên BCH.

Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện do Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc phòng Kinh tế) ở các huyện, thành phố đảm nhiệm.

1.3 Cấp xã:

Ban Chỉ huy PCTT và Tìm kiếm cứu nạn do Chủ tịch UBND cấp xã làm Trưởng ban. Phó Chủ tịch UBND cấp xã làm Phó Trưởng ban thường trực, Trưởng Công an cấp xã, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã làm Phó trưởng Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã. Cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn/khu phố làm thành viên BCH PCTT&TKCN cấp xã.

2. Nguồn nhân lực, năng lực của lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm phòng, chống thiên tai của cơ quan thường trực PCTT các cấp:**2.1. Cấp tỉnh:**

Lực lượng chuyên trách phòng chống thiên tai cấp tỉnh thuộc biên chế tại Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số lượng cán bộ chuyên trách phòng chống thiên tai tương đối ít, hiện có 13 cán bộ, công chức, một số cán bộ lại không có chuyên môn trên lĩnh vực PCTT nên chỉ đáp ứng một phần vai trò, nhiệm vụ được giao.

2.2. Cấp huyện:

Lĩnh vực phòng, chống thiên tai được giao cho 01 chuyên viên phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc phòng Kinh tế) kiêm nhiệm. Nguồn nhân lực trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai ở cấp huyện còn gặp khó khăn, đặc biệt trong trường hợp chuyên viên phụ trách nghỉ hưu hoặc được điều chuyển công tác.

2.3. Cấp xã:

Không có cán bộ chuyên trách phòng chống thiên tai mà giao cho 01 công chức phụ trách nông, lâm, thủy sản hoặc địa chính - xây dựng đảm nhiệm. Những cán bộ này phải thực hiện công việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: thủy lợi, nước sinh hoạt nông thôn, xây dựng nông thôn mới,... Trong khi đó, không có phụ cấp kiêm nhiệm, chế độ phúc lợi rất thấp, chưa khuyến khích được người làm công tác phòng, chống thiên tai. Hơn nữa, việc thường xuyên luân chuyển cán bộ ở cấp xã làm cho việc tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ về công tác phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả chưa cao.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh và cấp huyện:

3.1. Cấp tỉnh:

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN đặt tại Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã được đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và các công cụ hỗ trợ quyết định:

+ Tỉnh Ninh Thuận được Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hòa Kỳ tài trợ không hoàn lại xây dựng Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai tỉnh năm 2017, lắp đặt bổ sung “Hệ thống thông tin liên lạc” cố định đặt tại Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ thiên tai tỉnh và cấp huyện đặt tại Phòng Nông nghiệp và PTNT nhằm phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai. Hệ thống được thiết lập nhằm đảm bảo thông tin liên lạc giữa Trung tâm DMCC đến các địa phương, các phương tiện hoạt động trên biển, các tổ chức, cá nhân có sử dụng thiết bị tương thích trong phạm vi kết nối, phục vụ công tác điều hành hoạt động ứng cứu khi xảy ra thảm họa thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; bản đồ ngập lụt do nước biển dâng cho khu vực ven biển khi có tình huống bão mạnh, siêu bão đổ bộ,....

+ Trung tâm giảm nhẹ và phòng tránh thiên tai:

Dự án xây dựng Trung tâm giảm nhẹ và phòng tránh thiên tai là một công trình Hỗ trợ nhân đạo được Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương Hoa Kỳ phê chuẩn và tài trợ; được thiết kế, thi công và bàn giao theo phương thức “chia khoá trao tay”; Việc thiết kế, xây dựng công trình Trung tâm Phòng chống và Giảm nhẹ Thiên tai chịu sự quản lý của Đoàn Công binh lục quân Hoa Kỳ (USACE) bang Alaska (POA) và đáp ứng mọi qui định xây dựng hiện hành của nhà nước Việt Nam.

Trung tâm giảm nhẹ và phòng tránh thiên tai có diện tích xây dựng 730 m², cao 03 tầng nhằm mục tiêu quản lý và phòng ngừa thảm họa, cứu trợ nhân đạo khi có thiên tai, bão lũ xảy ra; công trình là trung tâm chỉ huy và kết nối thông tin liên lạc với các trung tâm khác khi có thiên tai xảy ra, là nơi tập kết, chuyên chở hàng cứu trợ.

Nhìn chung cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản trong trực ban PCTT, tham mưu công tác chỉ đạo, điều hành. Nhân lực còn mỏng với 13 cán bộ công chức (02 lãnh đạo và 02 phòng chức năng với 9 cán bộ). Để đáp ứng vai trò nhiệm vụ công tác phòng chống thiên tai trong thời gian đến vẫn cần phải trang bị thêm một số trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai như: Hệ thống giám sát thiên tai và theo dõi, giám sát mực nước các hồ chứa, mực nước các trạm thủy văn theo thời gian thực...

3.1. Cấp huyện:

Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện đặt tại Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc phòng Kinh tế) ở các huyện, thành phố. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT tại cấp huyện là các máy móc, trang thiết bị sẵn có tại phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc phòng Kinh tế thành phố).

4. Quy định về phân công nhiệm vụ các thành viên, quy chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan:

4.1. Cấp tỉnh:

Hàng năm Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định điều chỉnh phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh được Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành tại Quyết định số 1304/QĐ-BCHPCTT&TKCN ngày 04/8/2020.

4.2. Cấp huyện:

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố được thành lập và củng cố theo quy định. Hàng năm Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện đều ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH phụ trách các xã/phường.

4.3. Cấp xã:

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã được thành lập và củng cố theo quy định. Hàng năm Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã đều ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCH phụ trách các thôn/tổ dân phố.

III. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

1. Đài khí tượng thủy văn tỉnh Ninh Thuận, Đài KTTV văn khu vực Nam Trung Bộ, thực hiện nhiệm vụ thông tin cảnh báo, dự báo hầu hết các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định. Riêng động đất và sóng thần do Viện Vật lý địa cầu thực hiện.

2. Ban chỉ huy PCTT và TKCN có hệ thống các trạm quan trắc chuyên dùng và các trạm quan trắc tại các hồ chứa thủy lợi để bổ sung dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, huyện,.. tổ chức trực ban 24/7, thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết và đề xuất, tham mưu phương án phòng, chống.

3. Ban Xây dựng năng lực và Tổng hợp các dự án ODA ngành nước tỉnh xây dựng Dự án “Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận” do Chính phủ Vương quốc Bỉ tài trợ không hoàn lại đã hỗ trợ tỉnh hoàn thành nghiên cứu “Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm lưu vực sông Dinh”.

4. Khi có cảnh báo thiên tai lớn cực đoan như bão mạnh, lũ lớn,... Trung tâm Dự báo KTTV Quốc gia chủ động có văn bản cảnh báo sớm, Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia ban hành văn bản, công điện, họp trực tuyến với các tỉnh có nguy cơ ảnh hưởng để cảnh báo từ sớm, từ xa.

Nhìn chung, công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh được thực hiện tương đối tốt về mức độ chi tiết, độ tin cậy, đầy đủ, liên tục, kịp thời, dễ hiểu với sự hỗ trợ kịp thời của các cơ quan thông tấn báo chí trung ương, địa phương, mạng xã hội của Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, của các cơ quan, đơn vị, thôn, khu phố và gia đình.

Tuy nhiên công tác dự báo, cảnh báo sớm, đối với một số hình thái thiên tai cực đoan như lũ quét, mưa lớn cực đoan, dông, lốc, sét trong thời đoạn ngắn còn hạn chế, chưa chi tiết đến cấp xã, thôn; thông tin cảnh báo sớm đến người dân ở khu vực thường xuyên xảy ra ngập sâu, lũ quét, sạt lở đất khi có mưa lớn trong một số trường hợp còn chưa được kịp thời, đầy đủ.

Cần tiếp tục ưu tiên đầu tư để nâng cao dự báo, cảnh báo sớm trên địa bàn tỉnh.

IV. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

1. Thống kê, đánh giá hiện trạng, danh mục, số lượng, chất lượng, địa điểm dự trữ, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý trên địa bàn cấp tỉnh

1.1. Phương tiện:

Phương tiện phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn bao gồm: Ca nô các loại 26 chiếc, tàu TKCN các loại 02 chiếc, xuồng các loại 169 chiếc, ô tô các loại 559 chiếc, máy xúc 75 chiếc,...

Với phương châm “Bón tại chỗ”, cấp huyện chủ động huy động phương tiện của địa phương mình tham gia ứng phó (bao gồm của cá nhân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn), số lượng chủng loại từng loại phương tiện được thể hiện trong phương án ứng phó của địa phương; trường hợp khi xảy ra thiên tai, phương tiện không đáp ứng được thì báo cáo Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh huy động phương tiện của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương khác trong tỉnh để chi viện ứng phó thiên tai.

Các phương tiện này được huy động chủ yếu từ các cơ quan phụ trách công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, một số khác được huy động từ các doanh nghiệp và nhân dân.

1.2. Vật tư:

Vật tư dự trữ để phục vụ công tác phòng, chống thiên tai bao gồm: 6.678m³ đá hộc, 1.578 rọ thép, 66.500 bao tải, 6.333m³ cát, 4.882m³ đất và các loại vật tư khác như đá dăm, vải bạt, tôn lợp...

Các loại vật tư được dự trữ tại kho của cơ quan PCTT các cấp, một số khác được huy động từ các bãi, kho của các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Trang thiết bị:

Trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai bao gồm: Áo phao cứu sinh 9.281 chiếc, phao tròn cứu sinh 10.754 chiếc, phao bè 122 chiếc, máy phát điện 36 chiếc, flycam 11 chiếc, loa cầm tay 1.098 chiếc.

Các trang thiết bị này được dự trữ chủ yếu tại Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp và Sở, ban, ngành, đơn vị trong tỉnh.

1.4. Nhu yếu phẩm:

- Sở Công Thương tổ chức dự trữ lương thực, thực phẩm, nguyên vật liệu, phục vụ cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Sở Y tế có kế hoạch chỉ đạo các đơn vị dự trữ đủ cơ sở thuốc phòng, chữa trị để có thể cung cấp kịp thời cho những vùng xảy ra thiên tai và các xã vùng sâu, vùng xa. Xây dựng phương án bố trí lực lượng y, bác sỹ để chủ động sẵn sàng tham gia cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố thiên tai xảy ra.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố yêu cầu các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn chuẩn bị sẵn một lượng hàng tiêu dùng thiết yếu để cung cấp khi cần thiết; vận động các hộ dân nơi thường bị cô lập do ngập lụt, dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong 7 ngày; yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng sẵn sàng thiết bị, xe các loại để hỗ trợ ứng phó trong thiên tai khi cần thiết.

2. Đánh giá chung về cơ chế quản lý và sử dụng, khả năng đáp ứng hiện tại và nhu cầu trong tương lai:

Hàng năm, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng theo dõi, tổng hợp hiện trạng vật tư, phương tiện, trang thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của các cơ quan, tổ chức để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm ban hành quy chế, tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định.

Các vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác PCTT&TKCN vẫn còn thiếu về số lượng. Tàu của bộ đội Biên phòng, Kiểm ngư không thể hoạt động trên biển khi sóng gió lớn hơn cấp 5. Một số ca nô, xuồng máy cũ không đủ công suất chạy ngược dòng nước lũ.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 về danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Tuy nhiên đến nay địa phương vẫn chưa triển khai thực hiện mua sắm được và đang chờ hướng dẫn chi tiết của Trung ương.

V. Công tác ứng phó thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai

1. Các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và các lực lượng của Quân khu V, Bộ Quốc phòng đóng chân trên địa bàn là lực lượng nòng cốt trong công tác PCTT; chủ lực trong công tác phòng chống, ứng phó với các tình huống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục bước đầu hậu quả sau thiên tai, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhân dân trên địa bàn. Các đơn vị tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có lệnh, chủ động ứng cứu trên từng địa bàn, nhất là các khu vực xung yếu, địa bàn trọng điểm khi bão, mưa lũ, ngập lụt cùng với lực lượng huy động từ các Sở, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, người dân và lực lượng hiệp đồng.

2. Lực lượng tham gia công tác ứng phó thiên tai được bố trí tại công sở hoặc vị trí đóng quân của từng cơ quan, đơn vị. Khi có tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh sẽ điều động, phân công và bố trí lực lượng chi viện ứng cứu các địa phương theo yêu cầu.

3. Khi thiên tai xảy ra lực lượng trực tiếp ứng phó giờ đầu là lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại chỗ, nòng cốt là dân quân tự vệ, thanh niên tình nguyện và các lực lượng khác của cấp xã, cấp huyện. Căn cứ diễn biến tình hình và mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh sẽ

điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương theo yêu cầu.

4. UBND cấp xã xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã theo Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai ban hành hướng dẫn xây dựng và củng cố Đội xung kích PCTT cấp xã.

5. Ngoài ra, UBND các địa phương còn huy động nhân lực và thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn khi ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Số lượng, năng lực, trang thiết bị, phương tiện của lực lượng vũ trang tỉnh cũng như sự tham gia của các tổ chức, cá nhân cơ bản đáp ứng yêu cầu trên cơ sở kế hoạch hiệp đồng đã được rà soát, triển khai phòng, chống thiên tai qua nhiều năm. Tuy nhiên, công tác tập huấn, đào tạo các kiến thức, kỹ năng (thường xuyên, nhắc lại, nâng cao) vẫn tiếp tục triển khai cho lực lượng vũ trang cũng như cán bộ, cơ quan, đơn vị doanh nghiệp tham gia công tác PCTT và TKCN, tổ chức diễn tập định kỳ. Mua sắm một số trang thiết bị chuyên dùng cho lực lượng thời gian đến.

VI. Thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai

1. Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác (*mạng xã hội, ...*).

2. Truyền tin về thiên tai và công tác chỉ đạo, chỉ huy đến tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển thông qua Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, hệ thống Đài Thông tin Duyên hải Phan Rang, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng, Chi cục Thủy sản và các hệ thống thông tin khác: hộ gia đình, cá nhân,...

3. Thông tin về công tác phòng chống thiên tai được đăng tải, cập nhật hàng ngày lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Thuận, Fanpage Facebook Thông tin phòng chống thiên tai Ninh Thuận và ứng dụng Zalo.

4. Báo Ninh Thuận, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa thể thao và Đài truyền thanh các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo về công tác PCTT và TKCN của trung ương, của tỉnh, của huyện và các ngành liên quan.

5. Đối với các trường hợp khẩn cấp, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nhắn tin SMS PCTT đến người dân trên địa bàn tỉnh.

Công tác thông tin, truyền thông được thực hiện tương đối tốt, tuy nhiên với đặc thù là một trong những địa phương thường xuyên bị tác động bởi thiên tai, thì yêu cầu công tác thông tin, truyền thông phải đa dạng hóa, linh hoạt hơn nữa.

VII. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai

1. Đánh giá chung về nhận thức, kỹ năng ứng phó thiên tai của cộng đồng

- Năng lực phòng chống thiên tai của các Sở, ban, ngành, địa phương đã nâng lên một bước thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm, nhất là hoạt động của Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (Đề án 1002 trước đây và Đề án 553 hiện nay), các chương trình, dự án nâng cao nhận thức cộng đồng của Tổng cục Phòng, chống thiên tai-Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, của các tổ chức quốc tế⁷. Công tác PCTT theo “phương châm 4 tại chỗ” được triển khai thực hiện sát thực tế, hiệu quả;

- Thông qua các lớp tuyên truyền, tập huấn được tổ chức, người dân các vùng thường xảy ra thiên tai được bổ sung kiến thức, được cập nhật thông tin và nâng cao nhận thức và kiến thức của mình trong lĩnh vực phòng chống thiên tai để góp phần làm tăng khả năng chống chịu cho cộng đồng và cho chính gia đình của họ; Các lực lượng vũ trang tình được củng cố, tập huấn, diễn tập rèn luyện kỹ năng trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Thông qua các hoạt động diễn tập của các cấp đã nâng cao được kiến thức, kỹ năng khi ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho các lực lượng vũ trang, đội xung kích phòng chống thiên tai và thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp.

- Các hoạt động lồng ghép, tích hợp nội dung phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tại các trường học trên địa bàn tỉnh đã nâng cao được kiến thức, kỹ năng cho các em học sinh.

- Bên cạnh những mặt tích cực như trên, vẫn còn một số mặt hạn chế cần phải khắc phục để nâng cao năng lực và nhận thức của cộng đồng trong tương lai như: Phương tiện thông tin, truyền thông tới cộng đồng còn chưa hoàn thiện, đặc biệt là thông tin đến các vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi; Do hạn chế về kinh phí, nên các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng vẫn chỉ mới được tổ chức tại một số địa bàn nằm trong vùng dự án, còn lại đa số người dân vẫn chưa được tập huấn nâng cao năng lực và bồi dưỡng kiến thức PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là tại các khu vực miền núi nơi có đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đánh giá chung về công tác tập huấn PCTT tại địa phương:

Công tác tập huấn phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương trong những năm qua được Ban chỉ huy PCTT&TKCN quan tâm triển khai, thực hiện. Từ Đề án 1002 và 553, đặc biệt là từ các dự án của các tổ chức phi chính phủ, nhiều người dân tại vùng thường xuyên bị tác động bởi thiên tai đã được cung cấp kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Qua các lớp tập huấn đã giúp cho người dân hiểu được một số nội dung cần chú ý trong công tác phòng, chống thiên tai tại cộng đồng, biết cách chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện thiết yếu nhất để chủ động phòng, chống một cách hiệu quả khi có các tình huống thiên tai xảy ra và nắm được các hoạt động phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả với những loại hình thiên tai cơ bản, cũng như các kiến thức cơ bản về kỹ năng sơ cấp cứu cho người dân gặp nạn do các loại thiên tai gây ra. Tuy nhiên số lượng các lớp tập huấn vẫn còn rất ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân và xã hội.

Giai đoạn 2023-2025, tinh cần tranh thủ nguồn lực trung ương, các tổ chức; ưu tiên nguồn lực của tỉnh, nhất là Quỹ PCTT cấp tỉnh, để đầu tư thực hiện Đề án 553 trên địa bàn tỉnh để đạt được mục tiêu theo Kế hoạch số 4542/KH-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh:

- Nghiên cứu, xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn cơ chế, chính sách liên quan tới các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng xuyên suốt từ tỉnh đến địa phương;

- Đội ngũ giảng viên, tập huấn viên từ cấp tỉnh đến xã được trang bị đầy đủ kiến thức về thiên tai và năng lực để tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức về thiên tai, kỹ năng ứng phó thiên tai tại cộng đồng;

- Người dân ở các khu vực thường xuyên xảy ra bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt,... được phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, tránh, ứng phó thiên tai.

⁷ Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ đối với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây nguyên và Nam Trung Bộ, Việt Nam (GCF2 - SACCR) do Quỹ Khí hậu Xanh tài trợ qua UNDP.

VIII. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

1. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, hải văn, địa chấn, chống sét

1.1. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn (KTTV), hải văn

Tỉnh hiện có 41 trạm KTTV 03 trạm khí tượng quốc gia (mật độ 1.119 km²/trạm), 10 trạm KTTV chuyên dùng (mật độ 336 km²/trạm) và 28 trạm đo mưa tự động (mật độ 120 km²/trạm).

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh có 13/21 hồ chứa và 4/4 đập dâng có trạm quan trắc mực nước tự động. Nhưng chỉ có thiết bị quan trắc tự động tại hồ chứa nước Sông Trâu hoạt động ổn định, cung cấp số liệu tương đối chính xác.

So với tiêu chuẩn và so với các địa phương khác có cùng điều kiện tự nhiên thì hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn Quốc gia, và mạng lưới các trạm quan trắc tự động mưa, mực nước của tỉnh còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời, chính xác.

Dữ liệu mưa tự động (22 trạm) được đo và báo cáo theo thời gian thực trên nền tảng Web và các thiết bị di động và làm việc tương đối hiệu quả và chất lượng đo đạc khá tốt.. Số liệu quan trắc tự động lượng mưa của ngành KTTV hiện nay chỉ sử dụng nội bộ của Đài KTTV tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ. Thời gian đến cần chia sẻ các số liệu này theo thời gian thực cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để tổng hợp, tham mưu công tác chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai, nhất là ứng phó khẩn cấp với mưa lớn, lũ lụt.

1.2. Mạng lưới quan trắc địa chấn:

Tỉnh Ninh Thuận chưa ghi nhận hiện tượng động đất những năm gần đây. Khi có tình huống Viện Vật lý Địa cầu sẽ thông báo theo quy định.

1.3. Hệ thống công trình chống sét:

Với 36 cột chống sét trên địa bàn 7/7 huyện, thành phố đã hạn chế nguy cơ sét đánh, phòng tránh thiệt hại cho người, tài sản của nhà nước và nhân dân do mưa giông, kèm theo sấm sét gây ra.. Hệ thống này cần tiếp tục từng bước xây dựng hoàn thiện; vận hành tốt các trạm đã có.

2. Hệ thống thủy lợi, thủy điện (hồ, đập, chống úng, hạn, xâm nhập mặn):

2.1. Hệ thống công trình thủy lợi

Với sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, trong những năm qua, tỉnh đã được đầu tư các công trình trọng điểm cấp quốc gia, cấp tỉnh đa mục tiêu như:

- Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ-Hồ chứa nước sông Cái. Dung tích 219 triệu m³, tổng mức đầu tư 5.951 tỷ đồng tỷ đồng, hoàn thành năm 2020.

- Dự án Hồ chứa nước sông Phan. Dung tích 85 triệu m³, tổng mức đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành 2023.

- Đập hạ lưu sông Dinh, tổng mức đầu tư hơn 691,5 tỷ đồng, hoàn thành 2020.

Hiện nay đã có tất cả 21/22 hồ chứa thủy lợi xây dựng phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều hồ chứa chưa xây dựng được bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa và lắp đặt hệ thống giám sát, vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du đập⁸. Ngoài ra, 08 hồ chứa hiện đang xuống cấp, hư hỏng⁹ sẽ là mối hiểm họa cho dân cư vùng hạ lưu nếu xảy ra sự cố công trình.

2.2. Các công trình cấp nước bằng đập dâng:

⁸ Mới chỉ có hồ Sông Sắt bố trí thiết bị giám sát: camera, sensor đo độ mở tràn, sensor đo độ mở cống, còi thông báo xả lũ; Các hồ Lanh Ra, Tân Giang, Bà Râu, Sông Trâu, Trà Co chỉ mới bố trí còi thông báo xả lũ; các hồ còn lại chưa được lắp đặt thiết bị giám sát và còi thông báo xả lũ.

⁹ 08 hồ đang xuống cấp, hư hỏng: Sông Sắt, Phước Trung, Cho Mo, Lanh Ra, Ba Chi, Ma Trai.

Duy tu bảo dưỡng thường xuyên 57 đập dâng trên các nhánh sông suối nhỏ.

2.3. Công trình thủy điện:

Các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh là các thủy điện nhỏ, hoạt động đảm bảo an toàn. Cần tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của Bộ Công Thương và Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ xử lý các vướng mắc để khởi công sớm, xây dựng nhà máy thủy điện tích năng Bắc Ái công suất 1.200 MW (4 tổ máy x 300 MW) tại dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ-Hồ chứa nước sông Cái.

Hệ thống thủy lợi, thủy điện trong tỉnh điều tiết lũ, giảm và chậm lũ cho vùng hạ du. Đồng thời hệ thống thủy lợi với các công trình trọng điểm nêu trên bảo đảm cấp nước ổn định phục vụ tưới sản xuất, sinh hoạt và kết hợp phát điện. Tuy nhiên, với khí hậu khô nóng khắc nghiệt, nguồn nước một số hồ chứa chưa đáp ứng cho nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt ngày càng gia tăng.

2.4. Công trình hổng hạn, xâm nhập mặn:

Tiếp tục hoàn thiện một số hạng mục nhỏ còn lại (tuyến đê bờ nam sông Cái Phan Rang, quy trình vận hành, tập huấn đào tạo) của Công trình Đập hạ lưu sông Dinh, bàn giao cho Công ty Khai thác Công trình thủy lợi quản lý để phát huy công năng đa mục tiêu của công trình này.

3. Công trình cấp nước sinh hoạt:

Hệ thống cung cấp nước sạch bằng các công trình cấp nước tập trung chỉ đáp ứng được các đô thị, và một phần nhu cầu của dân cư nông thôn. Còn lại phần lớn người dân nông thôn còn sử dụng nước từ sông, suối và các giếng đào, giếng khoan gia đình. Mỗi khi có nắng hạn gay gắt, kéo dài, khoảng 50.000 nhân khẩu thiếu nước sinh hoạt, 110.000 gia súc thiếu thức ăn, nước uống¹⁰; khi mưa lớn kéo dài, xuất hiện lũ lụt thường làm hư hỏng các đường ống dẫn nước từ các đập dâng về hộ gia đình, và ô nhiễm nguồn nước, dẫn đến nhiều hộ dân không có nước sử dụng, nhất là tại các khu vực thấp trũng và trung du miền núi. UBND các huyện, thành phố; các đơn vị quản lý vận hành phải có phương án bảo đảm an toàn công trình cấp nước tập trung, các tuyến ống cấp nước, các giếng khoan khai thác nước ngầm khi ảnh hưởng mưa lớn, bão, lũ lụt.

UBND tỉnh đã phê duyệt và công bố Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp để phòng, chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh bao gồm 86 hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn 7/7 huyện, thành phố¹¹ là rất kịp thời.

UBND tỉnh cần tiếp tục chỉ đạo rà soát, mở rộng danh mục mở rộng hồ, ao, đầm không được san lấp để đảm bảo sự phát triển bền vững.

¹⁰ Năm 2020, tính có **12.156 hộ/49.475** khẩu ở nhiều khu dân cư thiếu nước sinh hoạt; khoảng **110.000** gia súc (bò, dê, cừu) thiếu thức ăn, nước uống và có nguy cơ suy dinh dưỡng, phát sinh dịch bệnh.

¹¹ Huyện Bắc Ái: 07 hồ, 07 ao; huyện Ninh Sơn: 02 hồ, 07 ao; 3. Huyện Ninh Hải: 03 hồ, 15 ao, 01 đầm; huyện Ninh Phước: 07 hồ, 16 ao; huyện Thuận Bắc: 04 hồ, 03 ao; huyện Thuận Nam: 06 hồ, 04 ao, 01 đầm; thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: 03 hồ.

4. Công trình thoát nước, chống úng:

4.1. Hệ thống kênh tiêu thoát nước: 06 hệ thống kênh tiêu thoát nước chính chưa đảm bảo khả năng thoát do chưa được nạo vét thường xuyên.

4.2. Hệ thống thoát nước đô thị và các điểm dân cư: Hệ thống thoát nước TP Phan Rang-Tháp Chàm xây dựng đã lâu nên đã xuống cấp, cần đầu tư sửa chữa, nâng cấp. Hệ thống thoát nước các thị trấn và thị tứ hầu như chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, cần đầu tư xây dựng mới.

5. Các công trình đê, kè chống sạt lở, sạt lún bờ sông, bờ biển, lũ quét:

Trong những năm qua, hệ thống đê kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển tỉnh đã được ưu tiên đầu tư xây dựng ở các vị trí xung yếu nhằm hạn chế sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo vệ các khu dân cư ven biển

Các tuyến đê, kè mới được đưa vào vận hành, khai thác xong đã phát huy hiệu quả tốt, mặt cắt ngang kè phù hợp với hải triều, địa chất nền cũng như kết hợp giao thông thuận lợi. Tuy nhiên, do chưa có quy hoạch tổng thể hệ thống đê kè biển của toàn tỉnh và nguồn vốn hạn chế nên hệ thống đê kè đã được đầu tư xây dựng chưa đồng bộ. Tuyến đê biển hiện có chỉ đảm bảo chống đỡ gió bão cấp 9-10. Đê bờ Bắc sông Dinh (bảo vệ thành phố Phan Rang, Tháp Chàm) chỉ chống lũ với tần suất 10% cho lũ sớm, lũ muộn, lũ tiểu mãn), lũ lớn chính vụ.

Để đảm bảo công tác PCTT trên địa bàn, thời gian tới tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa các tuyến đê hiện có, nhất là các tuyến đê xung yếu; đồng thời quy hoạch tổng thể hệ thống đê kè trên địa bàn tỉnh; triển khai, phân cấp hệ thống đê kè để có cơ sở bố trí nguồn vốn duy tu, bảo dưỡng hàng năm.

6. Hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai:

Tỉnh hiện có 03 điểm bắn pháo hiệu, 05 máy thông tin trực kênh PCTT-TKCN trên biển, 04 trụ đèn báo bão, 06 hồ chứa đã lắp đặt hệ thống còi báo xả lũ và hệ thống Đài thông tin duyên hải Phan Rang.

Với 21/21 hồ chứa và 4/4 đập dâng do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh: Chưa có đập, hồ chứa nào lắp đặt hoàn thiện, đầy đủ hệ thống giám sát, vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

Nhìn chung hệ thống giám sát, cảnh báo vẫn chưa hoàn thiện, trong thời gian đến cần tập trung đầu tư để công tác giám sát, cảnh báo thiên tai được tốt hơn, nhất là các hồ chứa.

7. Các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão:

UBND tỉnh đã vận dụng nhiều nguồn kinh phí để đầu tư hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu (02 khu neo đậu cấp vùng, 01 khu neo đậu cấp tỉnh đủ điều kiện hoạt động năm 2023), nhờ vậy mà các khu neo đậu trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng được nhu cầu neo đậu, tránh trú bão của các tàu cá của tỉnh và các tỉnh khác. Tuy nhiên việc quy hoạch các khu neo đậu chưa được đồng bộ, mặc khác luồng lạch và khu đậu tàu bị bồi lắng gây khó khăn cho tàu ra vào cập cảng, nhất là các tàu có công suất lớn hơn 300CV.

Mỗi khi có bão mạnh, bão rất mạnh, việc sắp xếp tàu thuyền trong và ngoài tỉnh trong khu neo đậu để đảm bảo an toàn về cháy, nổ, phòng ngừa dịch bệnh còn nhiều bất cập.

8. Hệ thống điện, thông tin liên lạc, truyền thanh, truyền hình trong phòng chống thiên tai:

Điện lực Ninh Thuận đã xây dựng phương thức vận hành hệ thống điện khi xảy ra thiên tai, trong đó ưu tiên cấp điện cho các phụ tải quan trọng cho các cơ quan, đơn vị công quan trọng như: Bệnh viện, Đài phát thanh và truyền hình, Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN các cấp, Đài khí tượng thủy văn. Ngoài ra phương thức vận hành điện còn thể hiện được phương án sa thải lưới điện theo diễn biến của bão và phương án xử lý khi xảy ra lũ, ngập lụt.

Sở Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các đơn vị viễn thông xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc trong mùa mưa bão; chuẩn bị đầy đủ phương tiện, thiết bị, vật tư dự phòng như các thiết bị viba, xe lưu động, máy nổ, máy phát điện, xăng dầu, ắc quy và các thiết bị kỹ thuật khác để sẵn sàng triển khai, ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra; kiểm tra bảo dưỡng các máy thuộc dạng ưu tiên phục vụ công tác PCTT, dự phòng một số bộ vô tuyến ít kênh VSAT để ứng cứu cho mạng tại các nơi có hồ chứa nước và các xã miền núi. Trường hợp khẩn cấp sẽ tham mưu UBND tỉnh đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các tập đoàn viễn thông Roaming tạm thời giữa các nhà mạng di động để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo PCTT tại địa phương.

Truyền tin về thiên tai và công tác chỉ đạo, chỉ huy đến tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển thông qua Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh các địa phương, hệ thống Đài Thông tin Duyên hải Phan Rang, hệ thống thông tin của Bộ đội Biên phòng, Chi cục Thủy sản và các hệ thống thông tin khác như hộ gia đình, cá nhân,...

Hệ thống hiện hành bảo đảm thông tin liên lạc chỉ huy, điều hành phòng

chống thiên tai trên toàn tỉnh và phục vụ các nhu cầu của khách hàng. Khi có thiên tai lớn (cấp độ 4, 5) thông tin di động sóng ngắn Codan, thông tin chuyên dùng Inmarsat,... sẽ được cơ quan chức năng tăng cường cho địa phương, có thể đáp ứng nhanh chóng thông tin, liên lạc.

9. Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn:

Hệ thống giao thông đường bộ xuyên suốt từ tuyến Quốc lộ đến tỉnh lộ, giao thông nông thôn, đến cả vùng sâu vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Tuy nhiên trong thời gian qua mới chỉ ưu tiên đầu tư một số tuyến lớn ở khu vực trung tâm, vẫn còn nhiều khu vực giao thông bị chia cắt, nhất là tại các hệ thống giao thông liên huyện, liên xã thường bị ngập, sạt lở, gây khó khăn ứng phó thiên tai tại các khu vực thường xuyên bị ngập lụt và khu vực miền núi.

10. Nhà tránh trú thiên tai cộng đồng:

Nơi trú tránh an toàn là các cơ quan nhà nước các cấp; các cơ sở tôn giáo, các nhà tránh trú cộng đồng đã được nhà nước đầu tư xây dựng trong những năm gần đây, các nhà kiên cố do hộ gia đình xây dựng. Thời gian qua tỉnh đã vận dụng từ nhiều nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng, khu tái định cư đảm bảo an toàn tại các khu vực thường xuyên bị tác động bởi thiên tai.

Tuy nhiên số lượng nhà tránh trú thiên tai cộng đồng tại một số khu vực vẫn chưa đảm bảo, nhất là tại các khu vực miền núi Bắc Ái, Ninh Sơn, Thuận Bắc, Thuận Nam và các khu vực có mật độ dân số thấp dân cư sống không tập trung.

11. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng

Các công trình, hạng mục công trình đã xây dựng phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng còn hạn chế so với yêu cầu thực tế của tỉnh. Cần tiếp tục quan tâm, đầu tư trong những năm tiếp theo

12. Cơ sở hạ tầng khác kết hợp phòng chống thiên tai:

Ngoài các cơ sở hạ tầng chuyên dùng cho công tác PCTT đã nêu ở trên, các công trình hạ tầng ở các ngành, lĩnh vực khác cũng được trưng dụng để phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai khi có yêu cầu, bao gồm: Trụ sở các cơ quan đơn vị, bệnh viện, trạm y tế, doanh trại quân đội, trường học, nhà văn hóa... đã được chú trọng đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn với gió bão, mưa lớn gây lũ, lũ quét.

IX. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

1. Hệ thống văn bản chỉ đạo điều hành

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025; Các nghị quyết, đề án, chương trình hành động của Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận; các quyết định của UBND tỉnh về: điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; về phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022; về điều chỉnh bổ sung vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2022.

2. Kết quả lồng ghép PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

Thực hiện Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 và Thông tư 10/2022/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội, những năm qua Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức tham vấn lấy ý kiến

các Sở, ngành và địa phương về lập kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, huyện và hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện các nội dung lồng ghép trên các lĩnh vực sau:

Trong giai đoạn 2020-2022 tỉnh đã tập trung nguồn lực thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng chống thiên tai như: đầu tư xây dựng mới, sửa chữa các công trình hồ chứa, đập dâng, đê kè chống sạt lở bờ biển, bờ sông, khu neo đậu tàu thuyền, quy hoạch sắp xếp dân cư ở vùng thiên tai đặc biệt khó khăn.

3. Kết quả lồng ghép PCTT vào kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực:

3.1. Lĩnh vực nông nghiệp:

- Đã triển khai chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những khu vực thiếu nguồn nước tưới và hướng dẫn cho nông dân các biện pháp tưới tiết kiệm để tiết kiệm nguồn nước. Chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng trọt sang nuôi trồng thủy sản ở những khu vực thường xuyên bị ngập và xâm nhập mặn;

- Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân. Triển khai các dự án kiên cố hóa kênh mương;

- Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tái tạo thảm phủ, giảm cường độ của các loại hình thiên tai như sạt lở đất, lũ, ngập lụt.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM):

Tỉnh đã nỗ lực quyết tâm thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; 6 Chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân, giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại. Trong năm 2023, các năm tiếp theo, ngoài nguồn lực từ ngân sách Nhà nước, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh huy động nguồn lực từ vốn tín dụng, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư. Cùng với đó là lồng ghép nguồn vốn các chương trình, đề án trên địa bàn để thực hiện các nội dung chương trình. Tập trung chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các địa phương phấn đấu đạt chuẩn NTM theo kế hoạch năm 2023 và giai đoạn 2023-2025.

3.2. Lĩnh vực quy hoạch, xây dựng:

Đã tiến hành quy hoạch và đầu tư xây dựng hoàn thành 5 dự án đầu tư bố trí dân cư vùng thiên tai theo Quyết định 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay đã có 412 hộ thực hiện di dời ổn định tại các điểm dân cư.

3.3. Lĩnh vực giao thông:

- Khai thông dòng chảy sông suối, các cửa sông và thực hiện cấm mốc hành lang thoát lũ;

- Mở rộng, nâng cấp hệ thống giao thông, từ quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến đường huyện, đường xã, các trục đường giao thông nông thôn, vừa đảm bảo an toàn giao thông, vừa đảm bảo cho công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Xây dựng hệ thống biển cảnh báo tại các khu vực trọng yếu thường xuyên xảy ra thiên tai như lũ quét, sạt lở đất, khu vực thấp trũng để người dân phòng tránh.

3.4. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

Xây dựng mạng lưới quan trắc thủy văn chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai; tổ chức cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa, sông, suối; lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch sử dụng đất tỉnh.

3.5. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

- Quan tâm đầu tư xây dựng kiên cố, sửa chữa nâng cấp các trường học, vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, vừa là nơi sơ tán cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra;

- Lồng ghép, tích hợp các nội dung về PCTT trong chương trình phổ thông để tuyên truyền, giáo dục học sinh cách nhận diện, phòng, chống thiên tai.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn chuyên sâu cho 299 đối tượng là cán bộ, giáo viên, cán bộ y tế học đường và nhân viên trong ngành giáo dục các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông về giáo dục phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và ứng phó với BĐKH, lồng ghép với kỹ năng sống và nâng cao tính chống chịu; phương pháp xây dựng kế hoạch triển khai trường học an toàn hàng năm theo 03 trụ cột; khung trường học an toàn PCTT và hướng dẫn thực hiện, đánh giá; năng lực sử dụng hệ thống quản lý trước, trong và sau thiên tai ngành giáo dục để theo dõi, đánh giá tác động của tình trạng khẩn cấp đối với giáo dục (vận hành, khai thác dữ liệu để theo dõi tình hình). Triển khai thực hiện trường học an toàn ở các bậc học từ mầm non - phổ thông theo 3 trụ cột tăng cường tính chống chịu và thích ứng theo các phương pháp tương tác có sự tham gia của trẻ em.

3.6. Lĩnh vực lao động - thương binh - xã hội:

Thời gian qua, khi thiên tai bão, lũ, dịch bệnh covid - 19 xảy ra trên địa bàn tỉnh, đời sống đại bộ phận người dân gặp rất nhiều khó khăn, theo chức năng, nhiệm vụ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ động, phối hợp tham mưu hỗ trợ kịp thời cho các đối tượng theo đúng quy định. Thực hiện các chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, xóa nhà tạm cho các hộ nghèo, khó khăn, người khuyết tật. Thực hiện hỗ trợ đột xuất cho các đối tượng bị thiệt hại và ảnh hưởng bởi thiên tai. Đã chủ động, phối hợp với các tổ chức, nhà hảo tâm từ thiện trong và ngoài tỉnh, thông qua các cơ quan, đơn vị nhà nước đã tiếp nhận, giới thiệu địa phương, địa chỉ cần cứu trợ hoặc các tổ chức, nhà hảo tâm, từ thiện liên hệ trực tiếp người dân cần trợ giúp để tổ chức hỗ trợ kịp thời về vật chất, tinh thần cho người dân bị ảnh hưởng do bởi thiên tai. Tuy nhiên, công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn, nhất là nguồn lực kinh phí thực hiện hỗ trợ đột xuất cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai còn hạn chế và mức kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng thấp so với đời sống kinh tế - xã hội.

3.7. Lĩnh vực y tế:

Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp mở rộng một số khoa phòng các bệnh viện, trung tâm y tế và trạm y tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

3.8. Lĩnh vực khoa học công nghệ:

Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức thông báo các tổ chức, cá nhân về định hướng đăng ký, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm đối với các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào quản lý phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, phát triển giống cây trồng có khả năng chịu hạn, ứng ngập tốt hơn nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

3.9. Lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng:

Từ năm 2016 đến 2021, diện tích rừng tăng 15.117,32 ha, từ 142.079,89 ha năm 2016 lên 157.197,21 ha vào năm 2021, trung bình mỗi năm tăng 2.519,55 ha; tỷ lệ che phủ rừng tăng 4,55 %, từ 42,30% năm 2016 lên 46,85 % vào năm 2021, bình quân mỗi năm tăng 0,758 %. Độ che phủ rừng đến tháng 12/2021 đạt 46,85%.

3. 10 Thuận lợi và khó khăn:

a) Thuận lợi

Qua các chương trình, dự án cán bộ PCTT các cấp và người dân được tập huấn, diễn tập, kỹ năng tự vệ và cứu nạn được rèn luyện. Phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị được phân phối đến cấp xã. Kế hoạch PCTT và Phương án ứng phó thiên tai các cấp được cập nhật hàng năm là công cụ hỗ trợ trong công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

Tỉnh đã bước đầu xây dựng hệ thống đo mưa, đo mực nước tự động, camera giám sát lưu vực sông Cái Phan Rang; bản đồ mô phỏng ngập lụt, nước biển dâng do bão mạnh, siêu bão; quy hoạch tiêu thoát lũ lưu vực sông Cái Phan Rang

Các công trình đê, kè, đập dâng, hồ chứa nước, kênh tưới; công trình giao thông; công trình cấp thoát nước; công trình xây dựng có yếu tố phòng, chống thiên tai đã được Chính phủ, các bộ ngành liên quan, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND chú trọng đầu tư lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế xã hội của tỉnh như Hệ thống Thủy lợi Tân Mỹ-Hồ chứa sông Cái.

Qua gần 7 năm thực hiện lồng ghép (2016-2023), công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực, từ bị động ứng phó chuyển sang chủ động phòng ngừa. Năng lực phòng chống thiên tai được tăng cường, giảm nhiều thiệt hại do thiên tai.

b) Khó khăn:

Việc lồng ghép nội dung phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai vào Quy hoạch tỉnh theo Thông tư số 10/2021/TT- BKHĐ ngày 22/12/2021 đã giải quyết khó khăn trong việc lựa chọn các biện pháp phòng, chống thiên tai; quan điểm, định hướng khi lồng ghép nội dung PCTT; cách thức đánh giá, báo

cáo kết quả lồng ghép; các đầu mối để địa phương tham vấn khi thực hiện.

Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở dữ liệu, trang thiết bị chuyên dùng cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã còn hạn chế. Một số UBND cấp huyện, cấp xã vùng sâu, vùng xa thiếu thôn cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dùng PCTT. Cấp thiết phải có kế hoạch và ưu tiên bố trí kinh phí thường xuyên phục vụ công tác PCTT cấp huyện, cấp xã; trong đó quan tâm việc mua sắm vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo phương châm “4 tại chỗ”.

Các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai hư hỏng, xuống cấp cần nhiều thời gian và nguồn lực để thực hiện; Kế hoạch quản lý lũ trên sông Cái Phan Rang, là sông chính của tỉnh, chưa thực hiện nên không đủ dữ liệu kiểm soát lưu vực sông: hành lang thoát lũ, cao độ nền đối với các khu quy hoạch, các trục tiêu, các khu vực tránh trú bão... Việc phát triển hạ tầng, đô thị hóa nhanh chóng và sự quan tâm không đúng mức của các cấp chính quyền địa phương đã gây ngập úng các vùng trũng thấp với mức độ ngập sâu hơn, thời gian ngập lâu hơn và vùng ngập cũng phát triển nhiều hơn. Phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ trái phép ở các hồ chứa, khai thác rừng sản xuất không đúng quy định làm suy thoái, giảm lượng sinh thủy nguồn nước gây hạn hán những năm thiếu nước; gây lũ quét, sạt lở đất những năm mưa nhiều.

Ngoài hồ chứa nước Sông Cái, dung tích phòng lũ các hồ chứa lớn của tỉnh còn nhỏ: hồ Sông Sắt 26,6 triệu m³; hồ Sông Trâu 6,97 triệu m³; hồ Lanh Ra 4,04 triệu m³. Trong những năm tới cần nghiên cứu, triển khai nâng dung tích phòng lũ cho các hồ chứa, nhằm tăng khả năng phòng lũ, giảm ngập úng hạ lưu. Dự án trọng điểm của tỉnh chậm tiến độ do nhiều nguyên nhân mặc dù UBND tỉnh rất quan tâm, có chỉ đạo quyết liệt trong việc triển khai thực hiện, nhưng hiện nay dự án vẫn gặp một số khó khăn cần tập trung tháo gỡ.

Cần rà soát, bổ sung Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung (theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014) cho phù hợp với thực tiễn. Hộ nghèo không đủ tiền sửa chữa nhà cửa với mức hỗ trợ thấp; không đủ điều kiện để vay vốn ngân hàng.

Nhu cầu về tái định cư, ổn định cho nhân dân vùng thiên tai là cấp thiết (mới triển khai 5 dự án từ 2013-2020, giai đoạn 2023-2025 cần đầu tư 03 dự án, giai đoạn 2026-2030 01 dự án). Việc tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng các khu tái định cư, di dời và ổn định đời sống người dân vùng ảnh hưởng thiên tai cần sự hỗ trợ ngân sách của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương.

3.11. Đề xuất, kiến nghị

- Xây dựng kế hoạch quản lý tổng hợp lũ sông Cái Phan Rang.
- Hỗ trợ kinh phí để thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh và Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí để đầu tư, tu bổ nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh, nhất là công trình đê điều để chủ động ứng phó với thiên tai với kinh phí dự kiến 853 tỷ đồng¹².

X. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai

10.1. Hiện trạng

1. Ngay khi kết thúc các đợt thiên tai, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định thứ tự ưu tiên, xây dựng kế hoạch khôi phục và tái thiết từ nguồn lực địa phương như ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm và nhân dân. Trường hợp vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, UBND tỉnh báo cáo, đề nghị Trung ương hỗ trợ.

2. Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, tái thiết sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các cấp triển khai ngay công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, đoàn thanh niên; công tác khắc phục sạt lở về đê điều, giao thông, kênh mương; cất nhà tạm cho dân, cấp phát hàng cứu trợ được kịp thời, sớm ổn định cuộc sống người dân.

3. Các đơn vị được phân công cụ thể triển khai thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng, trong đó có sự tham gia tích cực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp,...

4. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh - Ban cứu trợ tỉnh đã tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh và phân phối hàng cứu trợ, vận động được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Tiền, hàng cứu trợ cấp phát đến người dân kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Mặc dù trong những năm gần đây bị thiên tai, bão, lũ, hạn hán nhưng với sự tham gia của hệ thống chính trị, các tổ chức và cá nhân tình nguyện; sau thiên tai không xảy ra nạn đói, dịch bệnh, sớm ổn định đời sống và sản xuất người dân.

5. Chính quyền địa phương huy động nguồn lực tại chỗ: Lực lượng xung kích PCTT cấp xã, các đơn vị lực lượng vũ trang trên địa bàn, người dân địa phương chung tay giúp đỡ gia đình bị thiệt hại do thiên tai

Công tác khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra được thực hiện khẩn trương và hiệu quả, sớm ổn định đời sống và khôi phục sản xuất cho nhân dân, đưa các hoạt động kinh tế, văn hóa – xã hội, quốc phòng an ninh trở lại bình thường. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các Sở, ban, ngành Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp, đặc biệt là cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện bị thiệt

¹² (1) Xây dựng mới Kè chống sạt lở bờ phường Đông Hải đoạn từ công viên Bình Sơn đến đê Đông Hải. Kinh phí 350 tỷ đồng; (2) Kè chống chống sạt lở tại khu phố Ninh Chữ 1, huyện Ninh Hải, TMDT 46 tỷ; (3) Đê bao Đầm Nại đoạn từ Cầu Tri Thủy đến Núi Cà Đú. Kinh phí 120 tỷ đồng; (4) Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu Sông Lu I, Lu II. Kinh phí 197 tỷ đồng; (5) Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu Sông Quao. Kinh phí 140 tỷ đồng. (6) Hỗ trợ Tỉnh 02 xe ô tô, để chủ động chở lực lượng ứng phó khi có thiên tai xảy ra tại các nơi xung yếu.

hại đã xác định việc khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra làm nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất, cấp bách; tập trung cao nhất lãnh đạo, chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để sớm khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

10.2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ và sử dụng nguồn lực hỗ trợ khẩn cấp để sửa chữa cơ sở hạ tầng, ổn định cuộc sống, sinh kế bền vững:

Công tác khắc phục hậu quả, tái thiết do thiên tai gây ra luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo, Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia quan tâm, hỗ trợ cho tỉnh về gạo, giống và kinh phí khắc phục cơ sở hạ tầng thiết yếu, đầu tư, tu bổ công trình PCTT.

- Việc hỗ trợ, khôi phục sau thiên tai tại địa phương được thực hiện theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Ngay sau khi nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, UBND tỉnh đã triển khai

+ Hỗ trợ hàng nghìn tấn gạo cứu đói/năm cho nhân dân trước Tết.

+ Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nông nghiệp, hỗ trợ giống.

+ Phân bổ vốn khắc phục từ ngân sách dự phòng của Chính phủ khắc phục các trọng điểm xung yếu sạt lở bờ biển, bờ sông, giao thông, kênh mương,... Hỗ trợ đầu tư, tu bổ công trình PCTT. Các công trình thi công hoàn thành đúng kế hoạch¹³.

10.3 Thực hiện các dự án ổn định dân cư vùng thiên tai:

Đã đầu tư xây dựng hoàn thành 05 dự án với 412 hộ thực hiện di dời ổn định tại các điểm dân cư. Tuy nhiên, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh cần

¹³ Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình PCTT, tiêu biểu: **1. Thủy lợi:** Dự án kênh cấp 2, cấp 3 hồ chứa nước Lanh Ra; **Dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ;** Dự án hệ thống kênh cấp 2, cấp 3 hồ chứa nước Sông Biêu; **Dự án hồ chứa nước Sông Than;** **Dự án đập hạ lưu Sông Dinh.** **2. Đê kè:** Tuyên đê phòng lũ bờ Bắc sông Dinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm; Sửa chữa khẩn cấp đoạn đê phường Đông Hải; đê bảo vệ bờ biển và kè chống sạt lở bờ sông khu vực thôn Phú Thọ, phường Đông Hải. **4. Khu tái định cư: 05 công trình** **5. Công trình tránh trú cộng đồng đa mục tiêu:** Trường Mẫu giáo Phước Hữu, xã Phước Hữu huyện Ninh Phước; Trường Mẫu giáo Công Hải, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc; xây dựng 11 nhà tránh trú bão đa mục tiêu trên địa bàn tỉnh; **6. Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai: Kè chống sạt lở bờ biển thôn Mỹ Hiệp, xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải (80 tỷ đồng) năm 2021.** **7. Cảnh báo sớm:** Xây mới trụ đèn báo bão Đông Hải, Sơn Hải; Trụ đèn tín hiệu luồng tàu Cảng Cà Ná, xã Cà Ná; Xây dựng các cột thu lôi chống sét tại các thôn, xã nguy cơ cao. **8 Về hỗ trợ gạo:** Đã tổ chức cứu đói 183.108 lượt hộ/762.801 lượt khẩu với 14.851,7 tấn gạo, chủ yếu tổ chức cứu đói cho người dân có nguy cơ thiếu đói do hạn hán gây ra, tập trung trên địa bàn các huyện.

tiếp tục đầu tư 03 dự án để bố trí ổn định 139 hộ, trong đó 82 hộ vùng sạt lở bờ biển: Vùng sạt lở bờ sông, suối: 232 hộ với kinh phí dự kiến thực hiện 242 tỷ chủ yếu từ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và 01 dự án giai đoạn 2026-2030 với 80 hộ, TMĐT dự kiến 89 tỷ đồng¹⁴. Với điều kiện hiện nay của tỉnh, rất cần sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương.

XI. Nguồn lực tài chính

Được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương cùng với nguồn lực của tỉnh, trong những năm vừa qua đã ưu tiên nguồn lực cho công tác phòng chống thiên tai qua hình thức đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua nội dung lồng ghép). Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh và các tổ chức liên quan đã huy động nguồn lực cho công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai; góp phần ổn định đời sống nhân dân, phục hồi sản xuất và tái thiết sau thiên tai. Các nguồn tài chính được huy động:

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; ODA, viện trợ của nước ngoài để khắc phục HQTT, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng PCTT và hạ tầng xã hội.

- Nguồn hỗ trợ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp đến nhân dân việc xây dựng lại nhà ở, hỗ trợ thực phẩm, hàng tiêu dùng và các nhu yếu phẩm.

- Ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã có bố trí kinh phí dự phòng cho công tác PCTT và TKCN để mua sắm vật tư, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa và ứng phó trong thiên tai; đầu tư công, hỗ trợ khắc phục cơ sở hạ tầng về thủy lợi, giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, công trình chống sạt lở...; hỗ trợ các hoạt động PCTT của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

- Nguồn kinh phí Quỹ PCTT tỉnh hỗ trợ các hoạt động PCTT trên địa bàn tỉnh.

- Ngân sách các sở, ngành, đơn vị trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác PCTT và TKCN, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm ưu tiên vốn đầu tư trong kế hoạch hằng năm và trung hạn để xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, trên cơ sở tuân thủ theo nguyên tắc sau:

- Đối với nguồn vốn viện trợ ODA không hoàn lại, ưu tiên cho các lĩnh vực: Hoàn thiện thể chế, chính sách, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý; chính sách hợp tác công-tư; dự án nâng cao năng lực quản lý, điều hành công tác phòng chống thiên tai cho cán bộ quản lý các cấp, nhất là cấp xã.

- Đối với nguồn vốn vay ODA, ưu tiên xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng, chống thiên tai: Các dự án nâng cấp các hồ chứa nước; dự án xây dựng, củng cố hệ thống đê sông; xây dựng hệ thống quan trắc dự báo, cảnh báo mưa, lũ; các dự án thủy lợi chống sạt lở bờ sông, bờ suối thích ứng với BĐKH, chống ngập úng cho các địa phương, các khu công nghiệp và khu dân cư tập trung thường bị ngập sâu dài ngày; các dự án xây dựng tiêu thoát lũ.

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách hàng năm cho việc triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT vào cộng đồng đến năm 2030”, và tăng cường năng lực quản lý, thực hiện các dự án xây dựng mới, nâng cấp, tu bổ các công trình, các dự án quy hoạch, các dự án tăng cường trang thiết bị dự báo, cảnh báo, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả và phục hồi sản xuất.

Nguồn lực tài chính cho công tác PCTT và TKCN đã được trung ương, tỉnh, các địa phương quan tâm, tuy chưa đáp ứng yêu cầu (chỉ mới đáp ứng 10-30%) nhưng đã góp phần cải thiện từng bước năng lực ứng phó của hệ thống và khả năng chống chịu của cơ sở hạ tầng PCTT và TKCN của tỉnh, nhất là nguồn Quỹ PCTT đã bổ sung, hỗ trợ kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai địa phương

¹⁴ **Giai đoạn 2023-2025:** Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại thôn Vĩnh Trường, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, quy mô 82 hộ, TMĐT dự kiến 52 tỷ; Dự án di dân tái định cư xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, quy mô 100 hộ, TMĐT dự kiến 108 tỷ đồng; Dự án di dân tái định cư vùng sạt lở núi đá lùn, xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc, quy mô 132 hộ, TMĐT dự kiến 82 tỷ đồng; **Giai đoạn 2026-2030:** Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại các thôn Tân Định, Tân Tiến và Tân Lập, xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn; quy mô 80 hộ, TMĐT dự kiến 80 tỷ

cũng như xây dựng các công cụ hỗ trợ cho văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp.

XII. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai hiệu quả

a) Trước tác động của biến đổi khí hậu, nguy cơ và tác động của thiên tai đến tỉnh là rất lớn trong những năm đến. Do đó, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành, các đơn vị cần chú trọng nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai hiệu quả qua đầu tư, tập trung khắc phục các hạn chế tồn tại các mặt, các lĩnh vực phân tích ở chương III. Giai đoạn 2023-2025, tỉnh cần tập trung xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông; Phương án ứng phó tổ hợp bất lợi bão mạnh, mưa lớn cực đoan gây lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn toàn tỉnh ở các cấp, Triển khai đạt mục tiêu đề án 553; sớm hoàn thành các công trình chiến lược trọng điểm cấp quốc gia, cấp tỉnh như Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ - Hồ chứa nước thủy lợi sông Cái; Hồ chứa nước sông Than; Đập hạ lưu sông Dinh.

b) Nâng cao năng lực, trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp nhằm đảm bảo thống nhất và phối hợp chặt chẽ từ tỉnh đến địa phương, chủ động ứng phó và xử lý sự cố, thiên tai kịp thời mọi tình huống xấu xảy ra.

c) Chỉ đạo, điều hành, xử lý công tác PCTT trên địa bàn các cấp luôn thông suốt trong mọi tình huống, đặc biệt khi có bão mạnh, lũ lớn xảy ra.

d) Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành phải thường xuyên ở tại địa điểm Chỉ huy để nhận thông tin và ra lệnh điều động lực lượng ứng phó thiên tai.

e) Khi xảy ra bão mạnh, lũ lớn, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh là người ra lệnh cuối cùng và duy nhất thống nhất trong công tác chỉ đạo để đạt hiệu quả cao nhất.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

1. Đánh giá tình hình thiên tai

Dưới tác động của Biến đổi khí hậu và các hoạt động kinh tế - xã hội, thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Đặc biệt do điều kiện tự nhiên về địa lý, địa hình khác biệt hơn so với các địa phương khác nên tỉnh chịu ảnh hưởng của hầu hết các loại hình thiên tai. Bảng 1.2 phân loại tác động đến dân sinh, kinh tế và cơ sở hạ tầng của từng loại hình thiên tai, trong đó bão, ATNĐ, lũ và ngập lụt là các loại hình thiên tai có tác động mạnh nhất.

Bảng 1.2 Phân loại các nhóm thiên tai ở Ninh Thuận

Tác động mạnh	Tác động vừa	Tác động nhẹ	Chưa bị tác động
Hạn hán	Sạt lở đất, xói lở bờ sông, bờ biển	Lốc	Sóng thần
Nắng nóng	Cháy rừng	Mưa đá	Động đất
Bão	Xâm nhập mặn	Sương mù	Sương muối

Áp thấp nhiệt đới	Mưa lớn	Lũ quét	Rét hại
Lũ	Sét	Gió mạnh trên biển	Sụt lún đất
Ngập lụt		Nước biển dâng	

1.1 Bão và ATNĐ:

Bão và áp thấp nhiệt đới là một trong những loại hình thiên tai phổ biến ở nước ta. Theo phân vùng Bão thì tỉnh Ninh Thuận thuộc vùng VI bao gồm các tỉnh Phú Yên – Khánh Hòa – Ninh Thuận. Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện ở khu vực này trong thời gian từ tháng 10 đến tháng 12, trong đó tập trung chủ yếu trong tháng 11. Theo thống kê từ năm 1961 – 2021 có tổng số 54 cơn bão ảnh hưởng đến khu vực này, trung bình từ 0,5 – 1 cơn/năm. Riêng địa bàn tỉnh Ninh Thuận thì trung bình 3 năm có 1 cơn bão đổ bộ vào khu vực này.

Do tác động của biến đổi khí hậu, cho nên số lượng cơn bão ảnh hưởng tới Ninh Thuận ngày một nhiều hơn; xuất hiện trái với quy luật TBNN. Điển hình như cơn bão số 1 năm 2012 xuất hiện ngay giữa mùa khô hạn, có hoàn lưu kết hợp với không khí lạnh tăng cường gây ra đợt mưa to đến rất to cho khu vực tỉnh Ninh Thuận, lượng mưa phổ biến từ 200 đến 250 mm.

Một số cơn bão điển hình: (i) Cơn bão gây mưa lớn nhất ở Ninh Thuận: Bão số 11 (tên quốc tế là bão MIRINAE) hoạt động từ ngày 25/10-2/11/2009. Bão đã gây mưa lớn ở Ninh Thuận vào các ngày 2-3/11/2009; hoặc cơn bão số 8 (tên quốc tế là FAITH) hoạt động từ ngày 11/12 đến 14/12/1998; (ii) Bão gây lũ lớn ở Ninh Thuận: Bão PEIPAH hoạt động từ ngày 01 - 10/11/2007 gây mưa lớn ở Ninh Thuận vào ngày 10/11/2007.

Khu vực chịu tác động trực tiếp của bão, áp thấp nhiệt đới và nước biển dâng là 15 xã/phường ven biển; Cảng cá Cà Ná, Đông Hải, Ninh Chữ và các tàu thuyền hoạt động đánh bắt trên biển.

- Rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới:

+ Rủi ro về người chết, mất tích và bị thương. Các mảnh tôn vỡ bị thổi bay trong bão, nhà bị sập đổ có thể gây thiệt hại về sức khỏe hoặc tính mạng con người. Rủi ro về tính mạng con người cũng có thể xảy ra do thiếu lương thực, thực phẩm hoặc không được tiếp tế kịp thời;

+ Rủi ro về cơ sở hạ tầng (nhà ở, trường học, bệnh viện, trạm y tế, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc,...) bị hư hỏng, hoặc bị phá hủy do gió bão;

+ Rủi ro về tàu thuyền có thể bị chìm hoặc hư hại;

+ Rủi ro về về nông nghiệp, thủy sản: gió mạnh trong bão và mưa có thể làm hoa màu, cây cối bị hư hại, lương thực, thực phẩm đã thu hoạch hoặc dự trữ bị hư hỏng; gia súc, gia cầm, thủy hải sản bị thiệt hại;

+ Rủi ro về môi trường: cây xanh bị đổ, gãy, ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước và phát sinh dịch bệnh sau mưa bão;

- Các khu vực trọng điểm khi bão đổ bộ vào địa bàn:

+ Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm: Các phường Đông Hải, Mỹ Đông, Mỹ Hải, Mỹ Bình và Văn Hải;

+ Huyện Thuận Bắc: Xã Công Hải;

+ Huyện Ninh Hải: Các xã Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải, Tri Hải và thị trấn Khánh Hải;

+ Huyện Ninh Phước: Xã An Hải;

+ Huyện Thuận Nam: Các xã Phước Dinh, Phước Diêm và Cà Ná.

1.2. Lũ, ngập lụt

Lũ, ngập lụt cũng là loại hình thiên tai phổ biến tại Việt Nam và gây hậu quả nặng nề. Chế độ lũ, ngập lụt khu vực tỉnh phụ thuộc chủ yếu vào dòng chảy sông Cái Phan Rang. Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12, trong đó tập trung chủ yếu vào tháng 10 và 11. Tuy là vùng khô hạn, ít mưa, nhưng trong những trường hợp thời tiết ảnh hưởng bởi bão, áp thấp nhiệt đới hay các nhiễu động hoàn lưu, thì ở Phan Rang - Tháp Chàm nói riêng, lưu vực sông Cái và toàn tỉnh nói chung, cũng hình thành những trận mưa lớn cả về cường độ lẫn tổng lượng, gây nên lũ, lũ quét và lũ lớn trên các triền sông, suối, làm ngập lụt các khu dân cư tập trung đông dân (bao gồm Phan Rang - Tháp Chàm và các thị trấn), các điểm dân cư ven sông, suối, và các khu vực sản xuất nông nghiệp trọng yếu của tỉnh. Thiệt hại do lũ và ngập lụt trên từng địa bàn và toàn tỉnh trong những trận lũ lớn là rất nặng nề.

- Theo thống kê trong 40 năm qua (từ 1980-2020), trên sông Cái đã xảy ra 35 trận lũ, trong đó vượt báo động III tại Tân Mỹ có 11 trận và tại Phan Rang có 9 trận. Các trận lũ gây ra ngập lớn trong 60 năm qua được ghi nhận gồm:

+ Trận lũ ngày 17/07/1964 (số liệu điều tra): Tân Mỹ có lưu lượng đỉnh lũ xấp xỉ 5.000 m³/s, mực nước đỉnh lũ 43,65 m; Mực nước đỉnh lũ tại Đập Nha Trinh 20,95 m và tại Phan Rang 5,81 m.

+ Trận lũ ngày 02/07/1986: Mực nước đỉnh tại Tân Mỹ 40,01 m, tại Phan Rang 5,08 m.

+ Trận lũ ngày 09/07/1993: Mức nước đỉnh tại Tân Mỹ 40,27 m, tại Đập Nha Trinh 19,23 m và tại Phan Rang 4,49 m.

+ Trận lũ ngày 30/10 - 4/11/2010: Do ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường mạnh, kết hợp với ảnh hưởng của hoàn lưu ATNĐ và nhiễu động đới gió Đông trên cao, khu vực tỉnh xuất hiện mưa đặc biệt lớn, tại Phan Rang đạt 757mm. Trên sông Cái Phan Rang tại trạm Phan Rang đã xuất hiện đỉnh lũ là: 5,38m, vượt đỉnh lũ lịch sử. Lũ lớn kết hợp với xả lũ của các hồ chứa ở thượng lưu đã gây nên tình trạng ngập lụt trên diện rộng và kéo dài nhiều ngày và hàng loạt sự cố về đập vật liệu địa phương xảy ra trong đợt lũ này.

+ Trận lũ ngày 9/10/2011: Trên sông Cái Phan Rang tại Trạm Tân Mỹ đỉnh lũ đạt 37,95m, thấp hơn báo động III là 0,05m lúc 02 giờ ngày 9/10; tại Trạm Phan Rang đạt 3,02m, thấp hơn báo động II là 0,48m lúc 5 giờ ngày 9/10. Trên sông Lu tại Trạm Phước Hà đạt 63,23m, trên mức báo động III là 0,23m lúc 0 giờ ngày 9/10; tại Trạm Phước Hữu đạt 12,95m, trên mức báo động III là 0,65m lúc 3 giờ ngày 9/10.

+ Trận lũ ngày 25/12/2018: Trên sông Cái Phan Rang tại Trạm Thủy văn Tân Mỹ đỉnh lũ đạt 38,42m, cao hơn báo động III là 0,92m ngày 25/12; tại Trạm Thủy văn Phan Rang đạt 4,75m, cao hơn báo động III là 0,25m ngày 25/12. Trên sông Lu tại Trạm Thủy văn Phước Hà đạt 64,76m, cao hơn báo động III là 1,76m ngày 25/12; tại Trạm Thủy văn Phước Hữu đạt 13,56m, cao hơn báo động III là 1,26m ngày 25/12.

- Khu vực thường xuyên bị ngập lụt:

+ Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: Khu phố 1, 6 thuộc phường Đô Vinh; thôn Tân Sơn 1,2, Cà Đú, Công Thành thuộc xã Thành Hải; khu phố 1, 2, 3 và 6 thuộc phường Mỹ Hải; thôn Phú Thọ thuộc phường Đông Hải; khu phố 6, 7, 8 và 9 thuộc phường Mỹ Đông; khu phố 4 và 8 thuộc phường Tấn Tài; khu vực Gò Mô, Xóm Chiếu thuộc phường Đạo Long; khu phố 1 và 2 thuộc phường Phú Hải; các hộ dân sống dọc đê sông Dinh;

+ Huyện Ninh Sơn: Thôn Phú Thủy thuộc xã Mỹ Sơn; thôn Lương Cang 1, 2, Lương Tri, Đắc Nhơn 2 thuộc xã Nhơn Sơn;

+ Huyện Ninh Phước: Thôn Thuận Hòa, Phước Khánh, Phước Lợi, Vạn Phước thuộc xã Phước Thuận; thôn Phước Thiện 3, Ninh Quý 2 và 3 thuộc xã Phước Sơn; thôn Thái Giao, Hoài Ni thuộc xã Phước Thái; khu phố 2, 5 và 6 thuộc thị trấn Phước Dân; thôn Từ Tâm, Thành Tín thuộc xã Phước Hải; thôn Long Bình 1, 2, Hòa Thạnh, An Thạnh 1 và 2 thuộc xã An Hải;

+ Huyện Thuận Nam: Thôn Lạc Tiến, Quán Thê thuộc xã Phước Minh; thôn Nho Lâm, Văn Lâm 1, 2 và 3 thuộc xã Phước Nam;

+ Huyện Thuận Bắc: Thôn Ba Tháp, Mỹ Nhơn thuộc xã Bắc Phong; thôn Bà Râu 1 và 2 thuộc xã Lợi Hải; thôn Suối Giếng thuộc xã Công Hải;

+ Huyện Ninh Hải: Thôn Phước Nhơn 1, An Xuân 1 thuộc xã Xuân Hải; thôn Hộ Diêm thuộc xã Hộ Hải; thôn Gò Thao, Gò Đền, Thủy Lợi thuộc xã Tân Hải; thôn Phương Cự 3 thuộc xã Phương Hải; thôn Mỹ Tường 1 thuộc xã Nhơn Hải;

+ Huyện Bác Ái: Thôn Suối Lở thuộc xã Phước Thành; thôn Rã Trên, Tham Dú, Đồng Dầy thuộc xã Phước Trung; khu vực xả lũ hồ Trà Co thuộc xã Phước Tiến;

+ Các hộ dân dọc 2 bên triển sông Cái từ đập Nha Trinh đến cuối sông Cái.

- Những rủi ro do ngập lụt:

+ Rủi ro về người (chết, mất tích do đuối nước hoặc bị cuốn trôi, bị thương)

+ Rủi ro về cơ sở hạ tầng: nhà cửa, trường học, bệnh viện, trạm y tế, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc và các hạ tầng khác có thể bị lũ cuốn trôi hoặc làm sập, đổ do bị ngâm nước hoặc bị hư hỏng do các vật trôi nổi trong nước lũ va đập vào.

+ Rủi ro về nông nghiệp, thủy sản: lũ lụt làm hoa màu, cây trồng bị hư hỏng khi bị ngập trong nước; lương thực, thực phẩm đã thu hoạch hoặc dự trữ bị ướt, hư hỏng; vật nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản bị chết, cuốn trôi,...

+ Thiệt hại về môi trường: lũ, ngập lụt có thể gây ô nhiễm nước mặt, nước sinh hoạt hoặc làm ngấm mặn các giếng khơi và tầng chứa nước. Ngoài ra, lũ còn làm cho môi trường bị ô nhiễm khi hệ thống nước thải theo dòng nước lũ đi vào vùng dân cư hoặc tăng mức độ lây nhiễm dịch bệnh như truyền nhiễm, tiêu chảy, sốt xuất huyết,...

1.3 Hạn hán, nắng nóng

Ninh Thuận là vùng có nguồn nước mặt vào loại khan hiếm nhất của cả nước, với lượng mưa bình quân nhiều năm toàn tỉnh khoảng 1.100 mm. Bản thân lượng mưa ít ỏi của tỉnh hàng năm cũng phân bố rất không đều cả theo không gian và thời gian. Lượng mưa có xu thế tăng nhanh từ đồng bằng lên vùng núi cao. Trong khi vùng thượng nguồn sông Cái Phan Rang có lượng mưa trên 2.000 mm thì vùng ven biển chỉ có lượng mưa xấp xỉ 700 mm.

Ninh Thuận thường xảy ra khô hạn từ tháng 01 đến tháng 8, lượng mưa thiếu hụt từ 40 - 50% so với lượng mưa trung bình nhiều năm (TBNN) cùng kỳ. Hầu hết các lưu vực sông thường xảy ra khô hạn khi nắng nóng kéo dài. Hạn hán xảy ra các năm gần đây như: Năm 2014, 2015, 2016, 2018 và năm 2020 gây thiệt hại, ảnh hưởng lớn đời sống và hoạt động sản xuất của nhân dân.

Hạn hán có thể gây thiệt hại cho sản xuất đặc biệt là ngành nông nghiệp như: gây thiếu nước tưới làm giảm năng suất cây trồng, thiếu nước ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản, thiếu nước uống cho gia súc gia cầm và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Nắng nóng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, đặc biệt là người cao tuổi và trẻ em.

- Khu vực ảnh hưởng của hạn hán:

- + Huyện Ninh Phước: Các xã Phước Hữu, Phước Thái, Phước Vinh, Phước Hải và An Hải;
- + Huyện Ninh Hải: Các xã Thanh Hải, Nhơn Hải, Vĩnh Hải, Tri Hải và Xuân Hải;
- + Huyện Ninh Sơn: Các xã Quảng Sơn, Hòa Sơn, Nhơn Sơn, Lâm Sơn, Mỹ Sơn và Ma Nới;
- + Huyện Thuận Bắc: Các xã Phước Kháng, Phước Chiến và Bắc Sơn;
- + Huyện Bác Ái và Thuận Nam: Trên địa bàn toàn huyện.

1.4 xâm nhập mặn

Trong những năm thiếu hụt lượng mưa so với trung bình nhiều năm, song song với tình trạng hạn hán là tình trạng xâm nhập mặn. Đặc biệt tại các cửa sông tiếp giáp với biển, hiện tượng xâm nhập mặn từ biển vào sông xảy ra khá phổ biến. Khi đó lượng nước từ sông đổ ra biển giảm thấp, thủy triều từ biển sẽ mang nước mặn lấn sâu vào lòng sông làm nước sông bị nhiễm mặn. Nồng độ mặn sẽ giảm dần khi càng tiến sâu vào nội đồng. Vùng hạ lưu sông Cái Phan Rang đoạn từ đập dâng Lâm Cẩm tới cửa Đông Hải xảy ra tình trạng xâm nhập mặn mạnh. Đặc biệt đoạn từ cầu Đạo Long 2 tới đập Cánh Chim (hạ lưu Cầu Móng khoảng 1km), là vùng nhạy cảm với khả năng xâm nhập mặn; những thời điểm triều cường, mực nước đỉnh triều lớn mức độ xâm nhập mặn cao có thể lan truyền đến đập Cánh Chim.

- Các khu vực thường xuyên xảy ra xâm nhập mặn là:

- + Huyện Thuận Nam: Thôn Sơn Hải 1, 2, Vĩnh Trường, Từ Thiện thuộc xã Phước Dinh; thôn Lạc Tân, Lạc Tiến thuộc xã Cà Ná; thôn Thương Diêm 1, 2 thuộc xã Phước Diêm;
- + Huyện Ninh Phước: Thôn An Thạnh, Hòa Thanh thuộc xã An Hải;
- + Huyện Ninh Hải: Thôn Vĩnh Hy, Thái An, Mỹ Hòa thuộc xã Vĩnh Hải; thôn Mỹ Tân, Mỹ Trường thuộc xã Thanh Hải; thôn Khánh Tường, Khánh Nhơn thuộc xã Nhơn Hải; thôn Tri Thủy, Khánh Hội thuộc xã Tri Hải; thôn Phương Cựu 1, 2 thuộc xã Phương Hải; khu phố Ninh Chữ 2 thuộc thị trấn Khánh Hải;
- + Huyện Thuận Bắc: Thôn Bình Tiên thuộc xã Công Hải;
- + Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm: Khu phố 9, 10, thôn Phú Thọ thuộc phường Đông Hải; khu phố 4, 5 thuộc phường Mỹ Đông; diện tích đất sản xuất nông nghiệp phía ngoài đê sông Dinh.

- Xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng và nguồn nước sinh hoạt cho nhân dân, cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.5. Sạt lở đất

- Sạt lở bờ sông, bờ biển:

Ninh Thuận có bờ biển dài 105km, và sông Cái Phan Rang có chiều dài 130km. Hàng năm dưới tác động của sóng và biến động dòng chảy lũ gây sạt lở tại một số khu vực. Các khu vực có nguy cơ sạt lở cao bao gồm: bờ biển đoạn từ khu vực cầu Khánh Nhơn đến xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải và dọc theo sông Cái đoạn từ hạ lưu Cầu Móng đến cửa ra sông Cái.

Tình hình sạt lở bờ sông Cái Phan Rang, đặc biệt là bên phía bờ hữu ngày càng nghiêm trọng. Tại những vị trí này dòng chảy lũ xói sâu xói sâu vào chân bờ sông, gây sập, sạt lở khu dân cư và đất sản xuất của nhân dân.

- Sạt lở đất, đá:

Vào mùa mưa tại khu vực miền núi, nơi có độ dốc lớn thường xảy ra sạt lở đất đá.

Khu vực có nguy cơ cao gồm:

- + Các thôn Tả Nôi, Gia Hoa thuộc xã Ma Nới; các thôn Tân Lập, Tân Định thuộc xã Hòa Sơn, huyện Ninh Sơn;
- + Thôn Hành Rạc xã Phước Bình; thôn Suối Lờ, Ma Nai xã Phước Thành, huyện Bác Ái;
- + Các thôn Đá Mài Trên, cầu Đá thuộc xã Phước Kháng; các thôn Xóm Bằng, Láng Me xã Bắc Sơn; khu vực dọc tuyến đường tỉnh lộ 706 (đường từ xã Phước Chiến - xã Phước Kháng) xã Phước Chiến; khu vực dọc tuyến đường từ xã Phước Kháng - Suối Le, huyện Thuận Bắc;
- + Thôn Sơn Hải 2 thuộc xã Phước Dinh; các thôn Thương Diêm 1, 2 xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam.
- + Thôn Vĩnh Trường, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (sạt lở bờ biển)

- Sạt lở đường:

Khu vực thường xuyên xảy ra sạt lở là: Ở những đoạn đường đèo Ngoạn Mục thuộc thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn; Tuyến đường tỉnh lộ 701 trên địa bàn xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam (đường ven biển: Đoạn Mũi Dinh đi Cà Ná); Tuyến đường tỉnh lộ 706 (đoạn đường từ xã Phước Thành huyện Bác Ái - xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc); Tuyến đường tỉnh lộ 707 (đoạn đường từ xã Phước Hòa - xã Phước Bình, huyện Bác Ái); Đoạn đường vào thôn Bình Tiên thuộc xã Công Hải; đoạn đường Phước Kháng, Suối Le thuộc xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc;

1.6. Cháy rừng

Cháy rừng do tự nhiên là một loại hình thiên tai mới được đưa vào luật và có ảnh hưởng lớn đến tỉnh. Trong điều kiện thời tiết cực đoan như hiện nay, nắng nóng, khô hạn kéo dài có chiều hướng gia tăng thì nguy cơ cháy rừng tự nhiên luôn ở mức cao. Tại tỉnh, hiện tượng cháy rừng có khả năng xuất hiện vào mùa khô, khi thời tiết nắng nóng, không có mưa kéo dài, có thể gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng khi xảy ra.

Khu vực có khả năng xảy ra cháy rừng cao nhất thuộc địa bàn huyện Ninh Sơn, huyện Thuận Nam và huyện Bác Ái.

1.7. Lũ quét, lũ ống:

- Các khu vực trọng điểm lũ ống, lũ quét:

+ Huyện Ninh Sơn: Khu vực đèo Ngoạn Mục, suối SaKai, suối Gia Chiêu, suối Tầm Ngân 1, thượng nguồn của các sông suối bắt nguồn từ Lâm Đồng trên địa bàn xã Lâm Sơn; các thôn Nha Húi, Mỹ Hiệp, Phú Thủy thuộc xã Mỹ Sơn; các thôn Tân Lập, Tân Hòa, Tân Định thuộc xã Hòa Sơn; các thôn Ú, Gia Hoa thuộc xã Ma Nối;

+ Huyện Bác Ái: Thôn Núi Rây thuộc xã Phước Chính; thôn Suối Lở thuộc xã Phước Thành;

+ Huyện Thuận Bắc: Các thôn Kiên Kiên 1, 2, Bà Râu 1, 2 thuộc xã Lợi Hải; các thôn Ba Tháp, Gò Sạn thuộc xã Bắc Phong; các thôn Suối Giếng, Xóm Đền thuộc xã Công Hải; xã Phước Kháng; thôn Động Thông thuộc xã Phước Chiến.

2. Cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội. Cấp độ rủi ro thiên tai được sử dụng trong công tác dự báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo ứng phó phù hợp và được phân thành 5 cấp theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai. Tỉnh Ninh Thuận có nguy cơ xảy ra các loại hình thiên tai với các cấp độ khác nhau.

2.1. Cấp độ rủi ro do bão, áp thấp nhiệt đới

Cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới trong khoảng từ cấp 3 đến cấp 5. Bão, áp thấp nhiệt đới được xem xét xác định tăng lên 1 cấp khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Áp thấp nhiệt đới, bão trên Biển Đông, vùng biển ven bờ kết hợp với hoạt động của gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam mạnh.

- Áp thấp nhiệt đới, bão trên đất liền nơi đang xảy ra mưa lớn, lũ, ngập lụt lớn hoặc trùng với thời kỳ triều cường, nước biển dâng cao ở vùng ven bờ.

Bảng 1-3: Cấp độ rủi ro thiên tai do bão khi ảnh hưởng đến tỉnh Ninh Thuận

Cấp ATNĐ, bão	Loại bão	Cấp độ rủi ro	
6 – 9	ATNĐ, bão	3	3
10 – 11	Bão mạnh	3	3
12 – 13	Bão rất mạnh	4	3
14 - 15	Bão rất mạnh	5	4
≥ 16	Siêu bão	5	4
Khu vực ảnh hưởng		Đất liền	Biển Đông

2.2. Cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt

Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt đối với khu vực tỉnh Ninh Thuận từ cấp 1 đến cấp 3. Cấp độ rủi ro thiên tai được xem xét xác định tăng lên 1 cấp, đến cấp cao nhất là cấp 5, khi có tổ hợp tác động của áp thấp nhiệt đới, bão có cấp độ rủi ro thiên tai thấp hơn cấp độ rủi ro của lũ, ngập lụt; được tăng lên 2 cấp đến cấp cao nhất là cấp 5 khi có tổ hợp tác động của áp thấp nhiệt đới, bão và sự cố vỡ đập hồ chứa ở thượng nguồn.

Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt khi có tổ hợp tác động của áp thấp nhiệt đới, bão có cấp độ rủi ro thiên tai bằng hoặc lớn hơn cấp độ rủi ro của lũ, ngập lụt, được xem xét xác định theo cấp độ rủi ro thiên tai của bão, áp thấp nhiệt đới.

Bảng 1-4: Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ khi ảnh hưởng đến Ninh Thuận

Mực nước lũ	Cấp độ rủi ro
Từ BĐ III + 1m trở lên	3
Từ BĐ III đến dưới BĐ III + 1m	2
Từ BĐ I đến dưới BĐ III	1

2.3. Cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy khu vực tỉnh Ninh Thuận được quy định từ cấp 1 đến cấp 2. Rủi ro thiên tai do lũ quét sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy được xem xét xác định ở mức độ rủi ro cao hơn một cấp, đến cấp cao nhất là cấp 4, trong trường hợp tổ hợp tác động của nhiều thiên tai nguy hiểm khác như mưa rất to kéo dài, sạt lở đất trên diện rộng ở khu vực xảy ra lũ quét.

Bảng 1-5: Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ quét

Vùng có nguy cơ	Cấp độ rủi ro		
Rất cao	1	2	2
Cao	1	1	2
Trung bình	-	-	1
Thấp	-	-	-
Tổng lượng mưa 24 giờ (mm)	100-200	Từ 200-400	>400
Thời gian mưa trước đó (ngày)	1-2	>2	

2.4. Cấp độ rủi ro do mưa lớn

Rủi ro thiên tai do mưa lớn được quy định từ cấp 1 đến cấp 4 tùy thuộc vào lượng mưa và thời gian mưa kéo dài trên khu vực đồng bằng, ven biển hoặc trung du, miền núi.

Bảng 1-6: Cấp độ rủi ro do mưa lớn

Lượng mưa (mm)	Cấp độ rủi ro					
> 400/24 giờ	3	3	4	3	4	4
200 – 400/24	2	3	3	2	3	4
100-200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	3
Khu vực ảnh hưởng	Đồng bằng, ven biển			Trung du, miền núi		
Thời gian kéo dài đợt mưa (ngày)	1-2	2-4	>4	1-2	2-4	>4

2.5. Cấp độ rủi ro do gió mạnh trên biển

Cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển được quy định từ cấp 2 đến cấp 3. Cấp độ rủi ro thiên tai do gió mạnh trên biển được xem xét tăng thêm một cấp, đến cấp cao nhất là cấp 4, khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

Gió mạnh trên biển xảy ra đồng thời với hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão trên Biển Đông hoặc vùng biển ven bờ;

Gió mạnh trên biển xảy ra vào đầu mùa hoặc cuối mùa bão và duy trì trong nhiều ngày liên tục.

Bảng 1-7: Cấp độ rủi ro do gió mạnh trên biển

Cấp gió	Cấp độ rủi ro	
≥ 9	3	2

7-8	3	2
6	2	
Khu vực ảnh hưởng	Vùng biển ven bờ	Vùng biển ngoài khơi (bao gồm cả các đảo, quần đảo)

2.6. Cấp độ rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá

Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá được quy định từ cấp 1 đến cấp 2 tùy thuộc vào phạm vi ảnh hưởng của loại hình thiên tai này.

Bảng 1-8: Cấp độ rủi ro do lốc, sét, mưa đá

Phạm vi và khu vực ảnh hưởng	Cấp độ rủi ro
Từ 1/2 số quận (huyện), phường (xã) trở lên của tỉnh	2
Dưới 1/2 số huyện, phường (xã) trong phạm vi tỉnh	1

2.7. Cấp độ rủi ro do nắng nóng

Bảng 1-9: Cấp độ rủi ro do nắng nóng

Nhiệt độ cao nhất trong ngày ($^{\circ}\text{C}$)	Cấp độ rủi ro			
>41	1	2	3	4
39-41	1	2	2	3
37-39	-	-	-	-
Thời gian kéo dài (ngày)	3 - 5	5-10	10-25	>25

2.8. Cấp độ rủi ro do hạn hán

Bảng 1-10: Cấp độ rủi ro do hạn hán

Khoảng thời gian lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50% trong khu vực (tháng)	Cấp độ rủi ro		
Trên 5	2	3	4
Trên 3 đến 5	1	3	4
Từ 2 đến 3	1	2	3
Thiếu hụt nguồn nước trong khu vực hạn hán (%)	20-50	50-70	>70

2.9. Cấp độ rủi ro do xâm nhập mặn

Bảng 1-11: Cấp độ rủi ro do xâm nhập mặn

Khoảng cách xâm nhập sâu trong sông	Cấp độ rủi ro	
	>90 km	3
Trên 50-90 km	2	3
Trên 25-50 km	1	2
Từ 15-25 km		1
Độ mặn	1 ‰	4 ‰

2.10. Cấp độ rủi ro nước dâng

Bảng 1-12: Cấp độ rủi ro do nước dâng

Độ cao mực nước ven biển (tính từ mực nước biển trung bình) (m)	Cấp độ rủi ro
>6	3
5-6	3
4-5	3
3-4	3
2-3	2
1-2	
Khu vực ảnh hưởng	Dải ven biển và cửa sông tỉnh Ninh Thuận

2.11. Cấp độ rủi ro do sóng thần

Bảng 1-13: Cấp độ rủi ro do sóng thần

Độ cao sóng H (m)	Cường độ sóng thần	Cấp độ rủi ro
<2m	VI	1
2-4	VII-VIII	2
4-8	IX-X	3
8-16	XI	4
>16	XII	5

2.12. Cấp độ rủi ro do cháy rừng tự nhiên

Bảng 1-14: Cấp độ rủi ro do cháy rừng tự nhiên

Vùng ảnh hưởng	Nhiệt độ cao nhất ngày ($^{\circ}\text{C}$)	Độ ẩm không khí trung bình ngày (%)	Tốc độ gió cao nhất ngày (km/h)	Cấp độ rủi ro				
				1	2	3	4	5
Vùng rừng ngập mặn phèn, rừng ngập nước mặn ngọt thường xuyên	>40	<40	<1,5	1	1	1	1	1
	35-40	40-50	1,5-2	1	1	1	1	1
	30-35	50-60	2-2,5	1	1	1	1	1
Rừng phi lao chắn cát ven biển	>40	<40	<1,5	1	1	2	3	4
	35-40	40-50	1,5-2	1	1	2	2	3
	30-35	50-60	2-2,5	1	1	1	2	3
Rừng trồng hỗn hợp giao cây bản địa, rừng trồng thuần loại cây khó cháy	>40	<40	<1,5	1	2	3	3	4
	35-40	40-50	1,5-2	1	2	3	3	4
	30-35	50-60	2-2,5	1	2	3	3	4
Rừng tràm, rừng giang, tre, nứa đã thành thực tự nhiên, rừng trồng các loại cây dễ cháy	>40	<40	<1,5	1	2	3	4	5
	35-40	40-50	1,5-2	1	2	3	4	5
	30-35	50-60	2-2,5	1	2	3	4	5
Thời gian kéo dài (ngày)				3-5	5-10	10-15	15-20	>20

3. Đánh giá rủi ro

3.1. Phương pháp luận đánh giá rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai (R) được đánh giá theo cách tiếp cận trong xác định, phân cấp cấp độ rủi ro của IPCC, thông qua các yếu tố hiểm họa (H), phơi lộ (trước hiểm họa) (E) và tính dễ bị tổn thương (V). Đây là phép tiếp cận đánh giá rủi ro định tính, phù hợp với điều kiện chưa có được hệ thống quản lý số liệu về thiên tai và định giá tiêu chuẩn.

$$R = H \times V \times E \quad (1)$$

Trong đó:

- Hiểm họa thiên tai H: là khả năng xảy ra trong tương lai của các hiện tượng tự nhiên hoặc do con người gây ra, có tác động bất lợi đến các đối tượng dễ bị tổn thương, nằm trong phạm vi ảnh hưởng của hiểm họa đó.

- Mức độ phơi lộ trước thiên tai E: được sử dụng để chỉ sự hiện diện (theo vị trí) của con người, các hoạt động sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội, văn hóa, ... ở những nơi có thể chịu những ảnh hưởng bất lợi bởi các hiểm họa và vì thế sẽ bị tổn hại, mất mát, hư hỏng tiềm tàng trong tương lai;

- Tính dễ bị tổn thương V: đề cập đến khuynh hướng của các yếu tố dễ bị tác động của hiểm họa như con người, cuộc sống của họ và tài sản. V được xác định ở hai khía cạnh: a- Độ nhạy cảm S; b- Năng lực thích ứng AC. Độ nhạy cảm có mối quan hệ tỉ lệ thuận với tính dễ bị tổn thương. Năng lực thích ứng lại có mối quan hệ tỉ lệ nghịch với tính dễ bị tổn thương.

Thông tư 02/2021/TT-BNNPTNT quy định các cấp rủi ro thiên tai và tính dễ bị tổn thương cho từng loại/nhóm thiên tai. Vì vậy, phân cấp rủi ro thiên tai và tính dễ bị tổn thương trong phạm vi tỉnh Ninh Thuận được thực hiện theo thông tư này.

3.2. Nội dung đánh giá rủi ro

a) Xác định hiểm họa H

Trong phạm vi tỉnh, các thiên tai thường xuyên xảy ra gây thiệt hại về người và kinh tế xã hội đã được xác định bao gồm: Lũ lụt; bão và áp thấp nhiệt đới; hạn hán và xâm nhập mặn; sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển; cháy rừng do tự nhiên (theo TT 02/2021/TT-BNNPTNT).

Hiểm họa H được xác định từ các các yếu tố: cường độ hiểm họa, phạm vi tác động, thời gian duy trì hiểm họa, tần suất xuất hiện và khả năng phát sinh những hiểm họa khác đi kèm.

Xác định hiểm họa dựa trên mối quan hệ giữa các hiện tượng tự nhiên gây thiên tai và hiểm họa như trong hình 5.1, với tiêu chí xác định ưu tiên như sau:

Mức độ thiệt hại;

Gây ảnh hưởng trên phạm vi lớn của tỉnh;

Tần suất xuất hiện.

Dựa trên thống kê về thiên tai của tỉnh và 3 tiêu chí lựa chọn ở trên, lũ lụt, hạn hán, bão và ATNĐ là những loại hình thiên tai xảy ra nhiều nhất, cường độ càng mạnh hơn dưới tác động của biến đổi khí hậu. Hạn hán là loại hình thiên tai bị tác động nặng nề hơn khi dòng cung cấp nước tối thiểu hoàn toàn mất và nhu cầu dùng nước trong sinh hoạt cũng như sản xuất tăng mạnh. Với tác động của Biến đổi khí hậu (BĐKH) cũng như sự thay đổi nhanh chóng về sử dụng đất, các thiên tai như trượt lở, lũ quét cũng gia tăng trong phạm vi tỉnh. Các loại hình thiên tai như sạt lở bờ sông, bờ biển, cháy rừng, xâm nhập mặn cũng đang gia tăng trong phạm vi tỉnh, vì vậy trong chuyên đề này vẫn tiến hành đánh giá rủi ro thiên tai. Đối với các loại hình thiên tai khác mức độ ảnh hưởng không lớn và chưa gây thiệt hại kinh tế lớn. Vì vậy, chưa đưa vào đánh giá rủi ro trong giai đoạn này. Tuy nhiên, các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của các hiện tượng này vẫn được đề cập ở các mục tiếp theo.

Như vậy, đánh giá rủi ro thiên tai trong phạm vi tỉnh sẽ tập trung vào các hiểm họa H sau:

- Hạn hán: Hiểm họa do hạn hán gồm các thành phần thiếu hụt lượng mưa, dòng chảy, hồ chứa, thời gian thiếu hụt lượng mưa, thời gian thiếu hụt dòng chảy và hồ chứa;

- Bão: Hiểm họa do bão gồm các thành phần vận tốc gió bão và thời gian duy trì;

- Lũ/ngập lụt: được biểu thị bằng độ sâu ngập, diện tích ngập, tốc độ dòng chảy và thời gian duy trì;

- Trượt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển: được biểu thị bằng mức độ nhạy cảm với trượt lở đất, như tiếp xúc với sông, biển, khu vực có lượng mưa ngày max lớn, độ dốc lớn

- Xâm nhập mặn: được biểu thị bằng mật độ lưới sông, khoảng cách đến cửa biển;

- Mưa lớn: biểu thị bởi lượng mưa ngày max, số ngày mưa lớn trong năm

- Cháy rừng: biểu thị bởi nhiệt độ cao nhất, số ngày không mưa trong năm, diện tích rừng

(Kết quả lập bản đồ phân vùng hiểm họa xem trong chuyên đề đánh giá rủi ro thiên tai)

b) Xác định tính dễ bị tổn thương

Tính dễ bị tổn thương là những đặc điểm vật lý, kinh tế-xã hội trên khu vực chịu tác động của hiểm họa. Trong phạm vi bản kế hoạch phòng thiên tai tỉnh, tính dễ bị tổn thương được xác định bao gồm các chỉ số: Nhà cửa, dân cư, sử dụng đất và công trình hạ tầng và đều chi tiết ở cấp Xã.

- Chỉ số Nhà cửa: bao gồm các chỉ tiêu về số lượng nhà

- Chỉ số Dân cư: bao gồm số dân trung bình của một đơn vị hành chính cấp xã;

- Chỉ số Sử dụng đất: bao gồm diện tích đất nông nghiệp, đất ở, đất rừng, đất nuôi trồng thủy sản, Tỷ lệ đất ở (Nông thôn, đô thị)/công trình công cộng/trụ sở cơ quan/tôn giáo, Tỷ lệ đất nuôi trồng thủy sản, tỷ lệ đất xây dựng/phi nông nghiệp/sản xuất khác, tỷ lệ đất nghĩa trang, tỷ lệ đất lâm nghiệp/đất lúa khác, tỷ lệ mặt nước/đất chưa sử dụng, Tỷ lệ đất quốc phòng/an ninh;

- Chỉ số Cơ sở hạ tầng: bao gồm các chỉ tiêu Mật độ đường giao thông, Số lượng trường học các cấp, Số lượng các công trình chức năng khác.

(Kết quả lập bản đồ phân vùng tính dễ bị tổn thương xem trong chuyên đề đánh giá rủi ro thiên tai)

c) Xác định năng lực phòng chống thiên tai

Năng lực phòng chống thiên tai được thể hiện thông qua các chỉ tiêu Trình độ dân trí, tiềm lực kinh tế, cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, trang thiết bị, phương tiện, lực lượng phòng chống thiên tai.

- Trình độ dân trí bao gồm các yếu tố: Học vấn, được tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai;

- Tiềm lực kinh tế bao gồm: Thu nhập bình quân đầu người, nguồn thu ngân sách địa phương, nguồn ngân sách đầu tư trên lĩnh vực phòng chống thiên tai;

- Cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai bao gồm: Các công trình phòng chống thiên tai ở địa phương như Hồ chứa, đê, kè, đập dâng, kênh tưới, trường học, cơ sở y tế...

- Trang thiết bị phòng chống thiên tai bao gồm các phương tiện, trang thiết bị được các cấp các ngành hỗ trợ hoặc được mua sắm trong thời gian qua;

- Lực lượng phòng chống thiên tai gồm: Lực lượng xung kích, quân đội, dân quân, thanh niên trên địa bàn hoặc hợp đồng tác chiến hỗ trợ;

(Kết quả lập bản đồ phân vùng năng lực phòng chống thiên tai xem trong chuyên đề đánh giá rủi ro thiên tai)

3.3. Xác định rủi ro thiên tai

Trên cơ sở các bản đồ hiểm họa, bản đồ tình trạng dễ bị tổn thương, bản đồ năng lực phòng chống thiên tai, dựa vào phương pháp luận lập bản đồ rủi ro thiên tai như đã đề cập ở phần trên, tiến hành lập bản đồ rủi ro thiên tai.

(Kết quả lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai xem trong chuyên đề đánh giá rủi ro thiên tai)

3.4. Đánh giá tổng hợp mức độ rủi ro của từng loại hình thiên tai tác động lên từng đối tượng do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:

Dưới tác động của biến đổi khí hậu các yếu tố thời tiết, khí hậu có nhiều thay đổi, biểu hiện rõ nét nhất là sự thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa và mực nước biển, làm cho các loại hình thiên tai như nắng nóng, hạn hán, bão, lũ lụt, sạt lở đất, nước biển dâng, mưa lớn diễn biến phức tạp và ngày càng cực đoan, khó lường hơn.

Bảng 1-15: Tác động của BĐKH, thiên tai đến các vùng, ngành và lĩnh vực

Khu vực	Địa điểm	Các tác động	Ngành chịu tác động	Đối tượng dễ bị tổn thương
Vùng ven biển	TP. Phan Rang – Tháp Chàm, H. Ninh Hải, H.Ninh Phước, H. Thuận	- Nước biển dâng; - Gia tăng bão và ATNĐ; - Gia tăng lũ lụt và sạt	- Nông nghiệp và PTNT; - Giao thông vận tải; - Xây dựng hạ tầng; - Môi trường;	- Nông dân, ngư dân; - Người khuyết tật, người nghèo,

	Nam, H. Thuận Bắc	lở đất; - Hạn hán	- Thương mại dịch vụ	trẻ em, người cao tuổi. . .
Vùng đồng bằng	TP. Phan Rang – Tháp Chàm, H. Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Nam, Thuận Bắc	- Lũ lụt; - Sạt lở đất; - xâm nhập mặn	- Nông nghiệp và PTNT; - Công nghiệp; - Xây dựng, giao thông; - Môi trường; - Thương mại, dịch vụ	- Nông dân, ngư dân; - Người khuyết tật, người nghèo, người cao tuổi, trẻ em. . .
Vùng núi	H. Ninh Sơn H. Bác Ái	- Sạt lở đất; - Nắng nóng; - Hạn hán; - Lũ quét	- An ninh lương thực; - Giao thông vận tải; - Tài nguyên môi trường; - Đa dạng sinh học; - Y tế, sức khỏe cộng đồng	- Người dân tộc thiểu số; - Người già, phụ nữ, trẻ em
Vùng đô thị	TP. Phan Rang – Tháp Chàm	- Nước biển dâng; - Gia tăng bão và ATNĐ; - Gia tăng lũ lụt và ngập úng;	- Công nghiệp; - Thương mại, dịch vụ; - Giao thông vận tải; - Tài nguyên môi trường; - Đa dạng sinh học; - Y tế, sức khỏe cộng đồng	- Người nghèo, người có thu nhập thấp; - Người nhập cư; - Người già, phụ nữ, trẻ em

CHƯƠNG V CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Tổ chức phòng ngừa, giảm thiểu

1. Giải pháp phi công trình:

1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách:

a) Hàng năm rà soát, ban hành quyết định kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và phân công cụ thể nhiệm vụ các thành viên nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác PCTT;

b) Bảo đảm hoạt động hành chính của Cơ quan quản lý Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh nhằm xây dựng và thực hiện kế hoạch thu, chi của Quỹ hàng năm;

c) Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở PCTT để tiếp tục hỗ trợ thực hiện trong giai đoạn 2021-2025¹⁵. Có giải pháp vận động hỗ trợ nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong, ngoài tỉnh, phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh không còn nhà thiếu kiên cố và đơn sơ;

d) Rà soát, xây dựng, ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh của theo Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ để kịp thời hỗ trợ cho bà con nhân dân vùng bị thiệt hại do thiên tai;

¹⁵ Thực hiện theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, và Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão lụt khu vực Miền Trung

đ) Có chính sách duy trì, phát triển ao, hồ nhỏ để tận dụng tối đa nguồn nước tưới, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao hạn hán¹⁶;

e) Triển khai các quy định có liên quan như pháp luật về đê điều, thủy lợi, tài nguyên nước, cứu hộ cứu nạn, vận động, quyên góp, cứu trợ,... rà soát, xây dựng các chính sách liên quan đến công tác PCTT và TKCN bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với thực tiễn;

g) Cập nhật ban hành những yêu cầu kỹ thuật đặc thù về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, các quy định về bảo đảm yêu cầu PCTT, nhất là tiêu chuẩn tiêu thoát nước ở các đô thị, phòng, chống bão, lũ, ngập lụt, sạt lở đối với cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, cũng như nhà ở của người dân;

h) Xây dựng hướng dẫn và triển khai lồng ghép nội dung PCTT vào Kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư 10/2021/TT-BKHĐT về hướng dẫn lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội;

i) Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho PCTT; khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đầu tư cho PCTT;

k) Nghiên cứu, chính sách ưu tiên, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực và bảo hiểm RRTT trên địa bàn;

l) Quy định trách nhiệm đóng góp tài chính nhằm hỗ trợ phục hồi, ổn định đời sống và sản xuất vùng bị ảnh hưởng, thiệt hại do thiên tai đối với các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai; các chế tài đảm bảo thực thi pháp luật trong các hoạt động phòng, chống thiên tai.

1.2. Tăng cường năng lực quản lý thiên tai:

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả;

b) Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp; Xây dựng kế hoạch thu chi có hiệu quả Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định.

c) Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác PCTT các cấp, nhất là huyện, cấp xã;

d) Rà soát, xây dựng lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

đ) Nâng cao năng lực Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp: Đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ sở dữ liệu, các công cụ hỗ trợ và nâng cấp trụ sở làm việc Văn phòng Ban Chỉ huy các cấp, đảm bảo nhiệm vụ tham mưu, trực ban. Chuyển dần hoạt động Văn phòng BCH cấp tỉnh từ kiêm nhiệm sang chuyên trách.

e) Tăng cường năng lực và trang thiết bị phù hợp cho các lực lượng tham gia PCTT và TKCN, trong đó đầu tư trang thiết bị chuyên dùng.

¹⁶ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh phê duyệt và công bố Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp đê phòng, chống ngập úng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

g) Hoàn chỉnh, đảm bảo thông suốt hệ thống thông tin liên lạc PCTT và TKCN.

h) Rà soát Cơ chế phối hợp giữa Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các Tổ chức chính trị, xã hội, các cơ quan liên quan cùng tham gia công tác PCTT¹⁷.

i) Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và TKCN định kỳ tại các cấp.

1.3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án:

a) Rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2026 các cấp theo quy định;

b) Cập nhật Phương án ứng phó thiên tai (nhất là bão mạnh, lũ lớn, hạn hán) các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị phù hợp với tình hình và nhiệm vụ quản lý.

c) Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn 2030 thích ứng với biến đổi khí hậu;

1.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp tỉnh:

a) Thực hiện xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn (KTTV): Quỹ Cộng đồng PTTT hỗ trợ cho tỉnh 15 trạm đo mưa tự động cảnh báo sớm mưa lũ. Tiếp tục đề nghị Quỹ hỗ trợ trong những năm đến.

b) Lắp đặt thiết bị quan trắc KTTV chuyên dùng tại các hồ chứa và đập dâng:

- Quan trắc mực nước: 21/21 hồ chứa nước đều quan trắc bằng thủ công. Đến nay có 13/21 hồ, 04 đập dâng được lắp đặt thiết bị quan trắc mực nước tự động¹⁸;

- Quan trắc lượng mưa: 21/21 hồ chứa đều lắp đặt thiết bị quan trắc bằng thủ công. Đến nay 08/21 hồ chứa¹⁹ và 03 trạm đo mưa lưu vực hồ Sông Sắt được lắp đặt thiết bị quan trắc lượng mưa tự động.

- Lắp đặt thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du đập: 02/21 hồ chứa đã lắp đặt còi báo động xả lũ²⁰.

- Lắp đặt hệ thống giám sát, vận hành: Hồ sông Sắt đã được lắp đặt hệ thống giám sát vận hành tại tràn xả lũ.

- Lắp đặt hoàn thiện thiết bị quan trắc công trình đập:

¹⁷ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi,....

¹⁸ 13 hồ gồm: Sông Trâu, Bà Râu, Sông Sắt, Trà Co, Phước Trung, Cho Mo, Lanh Ra, Bầu Zòn, Tân Giang, Sông Biều, Núi Một, Nước Ngọt, Thành Sơn và 04 đập dâng gồm: Tân Mỹ, Sông Pha, Nha Trinh và Lâm Cẩm.

¹⁹ 08 hồ gồm: Sông Trâu, Sông Sắt, Trà Co, Phước Trung, Cho Mo, Lanh Ra, Tân Giang, Sông Biều.

²⁰ 02 gồm: Hồ Lanh Ra và Sông Sắt. Tín hiệu còi được thực hiện như sau: (1) Trước khi xả lũ: Kéo 03 hồi còi liên tiếp mỗi hồi 50 giây, giãn cách 05 giây; (2) Hết xả lũ: Tín hiệu còi thực hiện bằng 01 hồi còi dài 60 giây; (3) Hàng tháng thực hiện thử còi 01 lần vào lúc 16 giờ 30 phút vào ngày cuối tháng: Tín hiệu còi là 01 hồi 30 giây.

+ Các đập, hồ chứa trong giai đoạn thiết kế đã có lắp đặt thiết bị quan trắc công trình theo TCQG, quy trình kỹ thuật quốc gia và các quy định của pháp luật.

+ Đã thực hiện sửa chữa hệ thống quan trắc 07 hồ chứa nước²¹ để phục vụ tốt cho việc vận hành khai thác hồ, đánh giá mức độ bền vững của công trình, phát hiện kịp thời những hư hỏng để quyết định biện pháp sửa chữa an toàn đập.

1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai cộng đồng; tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về PCTT và tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTT: Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn do Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện phối hợp tổ chức; lồng ghép các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng: Nâng cao nhận thức, kiến thức, và kỹ năng của cộng đồng về phòng tránh thiên tai bằng nhiều thức: Truyền thông để phát thanh trên Đài PT và TH tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã; phổ biến kiến thức PCTT trong nhà trường; tuyên truyền với hình thức báo chí, băng rôn, tờ rơi, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ,... nhất là trong các sự kiện hằng năm: Tuần lễ Quốc gia về PCTT (17/5-22/5); Ngày Quốc tế Giảm nhẹ thiên tai (13/10);

c) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về các loại hình thiên tai, bổ túc những kiến thức cơ bản, phổ biến kinh nghiệm về công tác phòng chống thiên tai để giảm tác động của thiên tai đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh.

d) Tổ chức tập huấn, cung cấp kiến thức cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai các cấp.

đ) Tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý RRTT vào cộng đồng đến năm 2030”.

e) Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

g) Đưa kiến thức phòng chống thiên tai vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa của một số cấp học, bậc học; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng, sự kiện văn hóa cấp thôn, xã.

²¹ 07 hồ gồm: Sông Trâu, Bà Râu, Lanh Ra, Nước Ngọt, Trà Co, Phước Trung, Phước Nhơn.

h) Tổ chức cho cộng đồng dân cư tham gia đánh giá rủi ro thiên tai, lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai ở cấp xã, xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và kỹ năng lồng ghép hoạt động phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã.

i) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo phòng, chống thiên tai cho lực lượng cán bộ chuyên trách; tập huấn kỹ năng xử lý tình huống cho lực lượng trực tiếp quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai và lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai.

1.6. Chương trình trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn:

- Trong giai đoạn 2016-2020, diện tích giao khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh là 334.617,37 lượt ha; diện tích trồng rừng tập trung toàn tỉnh là 3.435,73 ha, trong đó diện tích trồng rừng sản xuất là 251,71 ha.

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2022 là 47,11% (theo Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 4/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2022).

1.7. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ

Tổ chức thực hiện các nghiên cứu về đánh giá tác động của các loại hình thiên tai đến tỉnh, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác quy hoạch, điều chỉnh hệ thống tiêu chuẩn quy hoạch, thiết kế thích ứng biến đổi khí hậu.

a) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, tự động hóa, viễn thám trong quan trắc, theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai phục vụ công tác quản lý rủi ro thiên tai.

b) Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình phòng chống thiên tai đảm bảo bền vững, thân thiện với môi trường.

c) Nghiên cứu đầu tư phát triển, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và định hướng hoạt động nông nghiệp của tỉnh.

d) Ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý bảo vệ và giám sát rừng, phòng chống thiên tai. Tích hợp, kết nối vào hệ thống quản trị dữ liệu của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

đ) Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm cho các vùng rau, cây ăn quả trên địa bàn tỉnh để giúp tiết kiệm nguồn nước và nâng cao năng suất cây trồng trong điều kiện thời tiết khô hạn. Ứng dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến theo hướng tiết kiệm chi phí đầu vào (giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật ...) để giảm mức độ phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.

2. Giải pháp công trình:

2.1. Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi:

a) Xây mới, sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa

Khảo sát địa điểm phù hợp để lập phương án đầu tư xây dựng từ 1-2 công trình hồ chứa, đập dâng tại các địa bàn có nguy cơ cao về hạn hán thiếu nước.

Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn hồ chứa giai đoạn 2021-2025. Trong đó tập trung nâng cấp, sửa chữa 06 hồ chứa và đập dâng đang bị xuống cấp, đồng thời nghiên cứu nâng cấp một số hồ chứa đảm bảo điều kiện để nâng dung tích từ 3 - 5 hồ chứa trên địa bàn.

b) Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê điều

Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ. Củng cố, nâng cấp các tuyến đê kè: kè Mỹ Hòa, kè Ninh Chữ, huyện Ninh Hải.

Đầu tư xây dựng các công trình xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, đặc biệt tại các vị trí xung yếu, ưu tiên khu vực dân cư đông đúc và các cơ sở hạ tầng quan trọng. Đối với các tuyến đê, kè có nguồn kinh phí đầu tư quá lớn cần đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành hỗ trợ kinh phí để đầu tư.

c) Đầu tư nạo vét và cắm mốc hành lang thoát lũ cho các tuyến sông chính: Một số tuyến bờ sông, bãi sông, bờ suối có các hoạt động xâm phạm đến hành lang tiêu thoát lũ, đặc biệt là tại khu vực Phan Rang-Tháp Chàm và huyện Thuận Nam, do vậy cần tổ chức thực hiện cắm mốc hành lang thoát lũ và tiến hành nạo vét cho các tuyến sông chính trên bảo đảm dòng chảy sông được thông thoáng, giảm ngập úng.

2.2. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến PCTT:

a) Xây dựng nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai

Tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí ngân sách tỉnh, Quỹ Phòng chống thiên tai và vận động các nguồn kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, và các khu tái định cư chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng.

b) Di dời, bố trí lại dân cư vùng thường xuyên bị thiên tai

Sau khi rà soát quy hoạch các khu tái định cư, phân kỳ đầu tư để triển khai xây dựng các khu tái định cư cho các cộng đồng dân cư có nguy cơ ngập lụt, lũ quét, lũ ống và sạt lở đất giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

c) Xây dựng các trường học kết hợp làm nơi tránh trú bão, lũ

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiên cố hóa trường lớp giai đoạn 2021-2025. Trong đó tập trung đầu tư xây dựng mới ở những điểm trường thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vừa đảm bảo an toàn cho việc dạy và học, vừa có thể là nơi tránh trú thiên tai cho bà con nhân dân khu vực xung quanh.

d) Nâng cấp bệnh viện, trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã:

Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ trang thiết bị với cơ sở hạ tầng, nhân lực, mở rộng, nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và cấp cứu bệnh nhân;

Vận dụng các nguồn vốn vay từ ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư nâng cấp sửa chữa và mua sắm trang thiết bị y tế cho các trạm y tế có cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đảm bảo.

2.3. Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai.

Tập trung nguồn lực, mở rộng, nâng cấp xây dựng các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ. Kiên cố hóa và mở rộng nâng cấp các tuyến đường ĐH, ĐX, giao thông nông thôn hiện có, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại, dân sinh. Xây dựng thay thế các công trình cầu có tải trọng thấp, cầu trần, cầu treo bằng các công trình cầu có tải trọng cao và vượt lũ. Phần đầu đến năm 2025, các tuyến ĐH có 100% được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, 80% mặt đường có chất lượng tốt, 70% công trình cầu, cống đạt quy mô vĩnh cửu; 88% đường bê tông giao thông nông thôn được bê tông hóa, 75% đường có chất lượng tốt, trên 99% có đường bê tông nối đến trung tâm của thôn;

Xây dựng các tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện miền núi như Ninh Sơn, Bác Ái và vùng thường xuyên bị ngập lũ ở đồng bằng các sông suối thuộc tỉnh; Các tuyến đường huyện, đường xã do UBND các cấp chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện của địa phương phù hợp với tình hình phát triển KTXH, trong đó, các nội dung này lồng ghép chủ yếu trong Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2.4. Công trình hạ tầng cấp, thoát nước

a) Tiếp tục đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Trong đó chú trọng đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sạch tại các khu vực dân cư thường xuyên xây ra hạn hán và có điều kiện kinh tế khó khăn.

b) Bảo đảm chống ngập úng cục bộ cho các khu vực đô thị:

Tổ chức thực hiện nạo vét các cửa sông, hệ thống cống thoát nước trong nội thị thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và các đô thị bảo đảm tiêu thoát nước mưa, chống úng ngập. Đối với vùng có mạng tiêu tiến hành

sửa chữa, tu bổ bảo đảm tiêu thoát nước. Kết hợp làm biển cảnh báo tại các vị trí nguy hiểm: cửa thu nước, nơi giao cắt cống thoát và đường bộ, cầu qua mương tiêu.

2.5. Công trình hồ thủy điện:

Kiểm soát được quy trình vận hành hồ chứa của các hồ thủy điện. Điều chỉnh mục tiêu và quy trình hồ chứa thủy điện để hài hòa cả ba mục tiêu: phát điện, phòng chống lũ và phòng chống hạn.

Lắp đặt hệ thống báo động, cảnh báo cho người dân vùng hạ du hồ chứa.

2.6. Công trình khu neo đậu tàu thuyền:

Thường xuyên tổ chức nạo vét luồng lạch, kiểm tra bảo dưỡng hệ thống phao tiêu, báo hiệu, đèn tín hiệu, công trình neo buộc tàu đảm bảo hoạt động hiệu quả tại các khu neo đậu Đông Hải, Ninh Chữ, Cà Ná.

Xây dựng kè bảo vệ bờ, chống bồi lấp khu neo đậu, kết hợp bến cập tàu; xây dựng kè chắn cát chống sạt lở, bảo vệ luồng vào; nạo vét luồng chạy tàu và khu neo đậu có bề rộng, cao độ đáy bảo đảm cho tàu lưu thông và neo đậu; xây dựng trụ neo tàu bảo đảm cho các tàu neo, đậu an toàn;

Tiếp tục thực hiện mở rộng diện tích vùng nước, nạo vét và xây dựng kết cấu hạ tầng các khu neo đậu, nâng tổng sức chứa của các khu neo đậu tàu thuyền trên địa bàn tỉnh.

2.7. Công trình ngăn mặn:

Nghiên cứu khảo sát, lập kế hoạch đầu tư hệ thống công ngăn mặn, giữ ngọt cung cấp nước tưới và sinh hoạt cho các khu vực.

2.8. Xây dựng công trình đo đạc, giám sát, cảnh báo thiên tai:

a) Kết hợp giữa đầu tư công và xã hội hóa các dịch vụ khí tượng thủy văn. Trong đó dự kiến trong giai đoạn 2023-2025 sẽ lắp đặt thêm 01 trạm khí tượng, 20 trạm thủy văn tài nguyên nước và 02 trạm đo mưa tự động dùng cho công tác dự báo, cảnh báo thiên tai của Đài khí tượng thủy văn tỉnh và phục vụ công tác chỉ huy ứng phó thiên tai của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

b) Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu;

Thiết lập cơ sở dữ liệu trung tâm; cập nhật mô hình dự báo ngập lụt; lắp đặt thêm các trạm quan trắc dòng chảy hạ du lưu vực sông Cái Phan Rang, sông Dinh...

c) Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, mực nước;

- Lắp đặt các thiết bị đo mưa, mực nước tại các hồ chứa nâng cấp, xây mới.

- Lắp đặt các thiết bị đo mực nước, camera giám sát vận hành các hồ chứa thủy lợi lớn và vừa do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi tỉnh quản lý.

d) Lắp đặt thiết bị cảnh báo các khu vực bị ngập sâu: ngầm tràn, trũng thấp; sạt lở đất: Các khu vực thường xuyên bị ngập sâu đường giao thông; vùng trũng thấp ven sông, suối; khu vực có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét được lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo;

e) Lắp đặt, xây dựng hệ thống đường truyền phục vụ giám sát hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và xây dựng hệ thống kho dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh;

g) Xây dựng, rà soát điều chỉnh quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh và bản đồ ngập lụt các hồ chứa trên địa bàn tỉnh; cập nhật dữ liệu thông tin vận hành hồ chứa vào hệ thống.

Tiếp tục huy động nhiều nguồn lực, nhất là từ khối tư nhân, từ cộng đồng để đầu tư Nhà cộng đồng kết hợp làm trường học và nhà tránh trú bão đa mục tiêu.

II. Biện pháp ứng phó

1. Đối tượng, phạm vi tác động của các loại hình thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:

Đối tượng, phạm vi tác động của các loại hình thiên tai đã nêu cụ thể tại mục 1, chương IV, Đánh giá rủi ro thiên tai.

2. Phương châm ứng phó:

- Đảm bảo an toàn về người và tài sản của nhân dân, chủ động sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm, hạn chế thấp nhất mọi rủi ro gây ra;
- Bảo vệ các công trình quan trọng về An ninh Quốc gia, phòng, chống thiên tai, đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt;
- Đảm bảo an ninh trật tự, thông tin liên lạc trong xử lý, ứng phó với RRTT;
- Phối hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh với các cấp, các ngành, các huyện, thành phố trong chỉ đạo, chỉ huy phòng chống, ứng phó thiên tai và TKCN;
- Huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm cần thiết theo phương châm "Bốn tại chỗ" để ứng phó với thiên tai.

3. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai:

3.1. Thiên tai cấp độ 1:

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP như sau:

- Cấp xã (xã, phường, thị trấn): Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ (Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn) để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan PCTT cấp trên. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch UBND cấp xã hoặc người được ủy quyền. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện hỗ trợ.

- Cấp huyện (huyện, thành phố): Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền (Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai nòng cốt là Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn) để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo PCTT cấp trên.

3.2. Thiên tai cấp độ 2:

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP như sau:

- Cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó RRTT cấp độ 2; huy động nguồn lực theo thẩm quyền (Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng TKCN và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ PCTT và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn) để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo QG về PCTT và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hỗ trợ.

- Cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ như đối với cấp độ RRTT cấp độ 1; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

3.3 Thiên tai cấp độ 3:

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP như sau:

- Cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn; chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai, tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo, chỉ huy của Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN.

Cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ như đối với ứng phó RRTT cấp độ 2 ở trên đảm bảo phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

3.4. Thiên tai cấp độ 4:

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP như sau:

- Cấp tỉnh: Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN..

- Cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ như đối với ứng phó RRTT cấp độ 3 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

3.5. Rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4 (tình trạng khẩn cấp):

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; phân công trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

III. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu:

a) Sau bão lũ, UBND các địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; sử dụng nguồn Quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn ngân sách dự phòng để phục hồi khẩn cấp, phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói, bị rét;

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, xã tìm kiếm người bị nạn trên đất liền, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích PCTT địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân;

c) Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện ven biển tìm kiếm ngư dân bị mất tích, hỗ trợ cứu nạn tàu thuyền bị chìm, bị nạn; hỗ trợ ổn định cuộc sống ngư dân;

d) Sở Y tế triển khai sơ cấp cứu, chữa bệnh cho nhân dân bị nạn; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát;

đ) Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đề xuất UBND tỉnh khắc phục sửa chữa các công trình bị hư hỏng do thiên tai gây ra; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm,...

e) Sở Giao thông vận tải hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông thông suốt. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cấm biển cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh;

g) Công ty Điện lực Ninh Thuận tổ chức khắc phục nhanh sự cố; vận hành an toàn hệ thống điện, sớm phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân;

h) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ xây cất lại; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ kịp thời;

i) Sở Công Thương huy động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xuất các mặt hàng thiết yếu cấp phát cho nhân dân, không để dân bị đói, bị rét;

k) Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh sử dụng nguồn dự phòng ngân sách thực hiện bổ sung có mục tiêu cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai sau khi UBND các huyện, thành phố đã sử dụng ngân sách cấp mình để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.”

l) Quỹ PCTT tỉnh chi cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình PCTT theo quy định;

m) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Phụ nữ tỉnh phối hợp với UBND các cấp tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại do thiên tai, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, sớm ổn định cuộc sống.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, lập nhu cầu hỗ trợ:

UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

a) UBND cấp huyện tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở địa phương về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh;

b) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND tỉnh cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo;

c) Sở Giao thông vận tải đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, đường sắt, đường thủy; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục;

d) Sở Xây dựng đánh giá thiệt hại các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ khắc phục;

đ) Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; diện tích đất canh tác bị xâm thực, nhiễm mặn, xói lở; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy hải sản, tàu thuyền bị thiệt hại. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất Trung ương hỗ trợ khẩn cấp;

e) Các sở, ngành, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và đề xuất hỗ trợ;

g) Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương;

Chậm nhất 5 ngày sau khi kết thúc đợt thiên tai, UBND cấp huyện, các sở, ngành, đơn vị phải báo cáo thiệt hại và đề xuất hỗ trợ về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) tổng hợp, báo cáo Trung ương.

3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai:

3.1. Tái thiết khẩn cấp:

Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các sở, ngành, địa phương lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, kè, kênh mương, công, tràn; cầu, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

3.2. Tái thiết trung hạn:

Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

a) Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bảo đảm an toàn hồ, nguồn nước cho vùng hạ lưu; nâng cấp, tu bổ hệ thống đê kè bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động, tiết kiệm nước; xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường ngập lũ, bão; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khôi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập úng; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH;

b) Sở Xây dựng quản lý quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn PCTT. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ; nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp độ rủi ro thiên tai” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão;

c) Sở Giao thông vận tải lập kế hoạch nâng cấp hệ thống đường tỉnh; kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống trên đường tỉnh bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ; nâng cấp, mở rộng các công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp PCTT-TKCN;

d) Sở Thông tin và Truyền thông lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành PCTT. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong tỉnh;

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn nội dung phòng tránh, xử lý và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do mưa lũ gây ra;

e) Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với vùng rừng, ven sông suối, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp;

g) Sở Công Thương chỉ đạo Công ty Điện lực Ninh Thuận và các đơn vị vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh cũng như các nhà máy thủy điện có kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn; có kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình;

h) Sở Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng chống thiên tai;

i) Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, mở rộng mạng lưới khí tượng thủy văn; sử dụng thiết bị, công nghệ mới đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo chính xác diễn biến thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành;

k) UBND các cấp lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình PCTT trên địa bàn: đập dâng, công trình thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi trú tránh bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã miền núi, ven sông, ven biển thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn;

l) Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp cơ sở huấn luyện, kho tàng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp PCTT và TKCN. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn, diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ nhằm tăng cường khả năng tự vệ và ứng cứu trong thiên tai.

4. Một số biện pháp cụ thể với loại hình thiên tai:

4.1. Đối với lũ, ngập lụt, nước dâng:

a) Biện pháp phi công trình

- Rà soát, vận hành hồ chứa xả lũ theo quy trình, đảm bảo an toàn cho hạ du và công trình;
- Xây dựng bản đồ rủi ro lũ lụt hạ du hồ chứa, vùng trũng, vùng ven sông, ven biển tương ứng với các kịch bản lũ lụt khác nhau;
- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm cho các khu vực nguy hiểm;
- Đối với khu vực dân cư, tăng cường khả năng tiêu thoát nước của hệ thống bằng cách nâng tần suất tính toán mưa tiêu thiết kế; tính toán năng lực tiêu của hệ thống tiêu hiện tại khi mở rộng đô thị hay giảm diện tích hồ điều hòa, san lấp các khu vực ngập nước;
- Quản lý khôi phục rừng đầu nguồn, các hồ chứa thượng nguồn không làm mất cân bằng bùn cát trong quá trình thi công và vận hành;
- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán, di dời dân khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ, ngập lụt, nước dâng.

b) Biện pháp công trình

- Bố trí các khu vực phân lũ, chậm lũ, chủ động làm giảm cường độ lũ xuống hạ du;
- Nâng cao cốt nền xây dựng các công trình và nhà ở người dân: Dựa vào mực nước lũ lịch sử đã xảy ra trong khu vực để tính toán chiều cao cốt nền phù hợp;
- Khai thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ: Triển khai phương án trong quy hoạch phòng chống lũ để xác định vị trí sẽ phải nạo vét để giảm thiểu ngập lụt;
- Xây dựng các công trình cầu quy mô nhỏ, cầu tạm để qua các suối, khu vực ngập sâu, thay thế các ngầm, tràn,...;
- Xây dựng hệ thống kiểm tra, đo đạc, giám sát an toàn hồ chứa;
- Đầu tư tu bổ, nâng cấp các công trình đê điều, hồ đập, đảm bảo tần suất chống lũ thiết kế và vận hành an toàn;

4.2. Đối với bão:

a) Biện pháp phi công trình

- Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro bão và ngập lụt do bão mạnh, siêu bão gây ra để có các phương án ứng phó kịp thời;
- Tăng cường khả năng cảnh báo sớm để ngư dân có thời gian chuẩn bị ứng phó, đặc biệt là công tác dự báo bão khi bão vào gần bờ, trên đất liền;
- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán dân khỏi vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, nhất là khu vực ven biển;
- Trồng, quản lý, bảo vệ các rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

b) Biện pháp công trình

- Xây dựng nhà ở an toàn chống gió lớn, gió bão;
- Xây dựng các nhà tránh trú cộng đồng an toàn;
- Rà soát, bổ sung, đầu tư nâng cấp các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão;
- Đầu tư xây dựng hệ thống đê kè biển đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế.

4.3. Đối với sạt lở đất, lũ quét:

a) Biện pháp phi công trình:

- Sử dụng các kết quả bản đồ đánh giá rủi ro để xác định các vị trí có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;
- Tăng cường công tác dự báo mưa: bổ sung các trạm đo mưa, tăng độ chính xác của bản tin dự báo mưa, đồng thời ứng dụng khoa học công nghệ bằng cách sử dụng các công nghệ tiên tiến cảnh báo sớm;
- Thông tin, truyền tin, cảnh báo sớm đến từng hộ gia đình, người dân; tổ chức cắm các biển hiệu cảnh báo ở khu vực nguy hiểm;
- Tiến hành quy hoạch sử dụng đất để phục vụ công tác di dời dân, trồng rừng, phát triển nông nghiệp, bố trí dân cư an toàn gắn với sinh kế bền vững;
- Nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng cho người dân để phòng tránh;

- Rà soát, thống kê, lập phương án sơ tán, di dời dân khỏi vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ quét.

b) Biện pháp công trình

- Đối với các khu vực có mật độ dân cư cao, các công trình lịch sử, hạ tầng cơ sở quan trọng có thể được bảo vệ bằng hệ thống tường kè bao kết hợp các rãnh thoát nước;

- Lắp đặt các hệ thống cảnh báo, đo đạc, ống thu nước ngầm tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất.

4.4. Hạn hán, xâm nhập mặn:

a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường công tác dự báo dài hạn để có các phương án phòng tránh cho sản xuất, đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi;

- Thông tin, truyền thông đến cộng đồng để chủ động các biện pháp phòng ngừa và ứng phó;

- Điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng, con vật nuôi phù hợp để tránh các thời điểm hạn hán, xâm nhập mặn hoặc chủ động và linh hoạt thích ứng;

- Tuyên truyền các biện pháp tưới tiết kiệm để sử dụng hiệu quả nguồn nước.

b) Biện pháp công trình

- Triển khai thực hiện các biện pháp dự trữ nước ngọt: duy trì 86 ao hồ, đầm, xây dựng hồ chứa, bể dự trữ, giếng... đa dạng hóa phương án khai thác nguồn nước;

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng hệ thống đường ống chuyên nguồn, tiếp nguồn giữa các hồ chứa, đập dâng;

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi cấp, giữ nước ngọt, các công ngăn triều, xâm nhập mặn;

- Xây dựng hệ thống tưới tự động, tưới tiết kiệm nước.

4.5. Lốc, sét, mưa đá:

a) Biện pháp phi công trình:

- Tăng cường năng lực cảnh báo, dự báo

- Hướng dẫn người dân tăng cường nhận thức, kiến thức để phòng tránh, để lựa chọn mô hình, vật liệu nhà an toàn.

b) Biện pháp công trình

- Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo;

- Xây dựng hệ thống thu sét;

- Xây dựng các công trình nhà ở an toàn chống lốc, sét, mưa đá.

4.6. Cháy rừng do tự nhiên:

a) Biện pháp phi công trình:

Tăng cường dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy, ứng dụng công nghệ phát hiện điểm cháy rừng.

b) Biện pháp công trình

- Xây dựng đường băng cản lửa, kênh mương ngăn lửa trên các khu rừng có nguy cơ cháy cao;

- Xây dựng các chòi quan sát phát hiện cháy rừng, tháp quan trắc lửa rừng;

- Lắp đặt hệ thống biển cấm, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy rừng.

CHƯƠNG VI

LỒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Nguyên tắc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai

1. Kế hoạch có nội dung phòng, chống thiên tai và được lồng ghép, xây dựng phù hợp với đặc thù thiên tai của từng vùng, địa phương để phát triển bền vững; góp phần phát triển ngành, phát triển kinh tế xã hội và chủ động thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai là một hoạt động của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, kế hoạch. Trường hợp quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt mà chưa có nội dung phòng, chống thiên tai thì thực hiện bổ sung khi điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch đó.

3. Các biện pháp phòng, chống thiên tai khi lồng ghép được tiến hành có trọng tâm, có thứ tự ưu tiên, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương.

4. Quá trình lồng ghép cần xem xét, xác định quy mô của rủi ro thiên tai đối với các lĩnh vực phát triển. Việc đánh giá, xác định nguy cơ và các biện pháp giảm nhẹ rủi ro được đề xuất theo từng lĩnh vực.

II. Phương pháp lồng ghép

Quy trình thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch được thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Xây dựng quan điểm, định hướng lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch thực hiện;

- Bước 2: Lựa chọn các biện pháp phòng, chống thiên tai để lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phát triển ngành;

- Bước 3: Định hướng lồng ghép các biện pháp phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phát triển ngành;

- Bước 4: Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Kế hoạch.

III. Cách thức lồng ghép

1. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến con người và sinh kế:

1.1. Chính sách hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai:

Căn cứ các chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở của Trung ương, tỉnh, các tổ chức phi chính phủ và nguồn hỗ trợ xã hội hóa của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cùng với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và Sở Lao động- Thương binh và xã hội tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai Đề án hỗ trợ xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai giai đoạn 2021- 2025.

1.2. Di dời người dân ra khỏi vùng nguy cơ nguy hiểm của thiên tai:

Triển khai thực hiện các dự án bố trí dân cư theo Kế hoạch số 1803/KH-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di dân tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

1.3. Nâng cao tiêu chuẩn an toàn các công trình cơ sở hạ tầng:

Trong các dự án quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, khi khảo sát và tính toán kết cấu cần phân tích thêm tác động của thiên tai để nâng cao tiêu chuẩn an toàn của công trình, cũng như không làm cho tình hình thiên tai thêm nghiêm trọng, đặc biệt là khả năng thoát lũ.

1.4. Nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng của cán bộ, người dân về an toàn phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH:

Việc nâng cao nhận thức của cộng đồng sẽ nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, làm giảm thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

1.5. Nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai (hồ, đập, đê, kè, trạm bơm):

Các công trình hồ, đập trên địa bàn tỉnh đều thực hiện đa mục tiêu, vừa cung cấp nước sinh hoạt, vừa cung cấp nước tưới, vừa nuôi trồng thủy sản, vừa chống hạn, vừa phòng lũ,... Tuy nhiên hiện nay nhiều công trình đã bị xuống cấp cần nguồn vốn rất lớn để đầu tư nâng cấp, sửa chữa. Vì vậy trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cần phải ưu tiên đầu tư công trình hồ, đập, trạm bơm và các công trình phòng chống thiên tai khác.

1.6. Khơi thông dòng chảy đảm bảo thoát lũ:

Trong thời gian qua, tình hình ngập lụt, ngập úng cục bộ tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh diễn ra thường xuyên, và nghiêm trọng. Tình trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân do dòng chảy bị cản trở. Để khắc phục được tình trạng này, thời gian đến ngành cần nạo vét, thông luồng, chỉnh trị dòng chảy đảm bảo thoát lũ an toàn.

2. Lồng ghép trong các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của thiên tai đến các ngành kinh tế, xã hội:

2.1. Ngành nông nghiệp và PTNT:

a) Trồng trọt:

Phát triển nông nghiệp xanh, sạch gắn với khả năng phòng, chống thiên tai:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên và diễn biến của thiên tai;
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước tiết kiệm, khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước gắn với bảo vệ môi trường, hướng tới nền kinh tế xanh cho phát triển bền vững;
- Vận động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc sử dụng rác thải hữu cơ từ nông nghiệp làm phân bón phục vụ sản xuất;
- Phối hợp với các địa phương hỗ trợ chứng nhận các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ lựa chọn giống, kỹ thuật để người dân thực hiện mô hình canh tác các loại cây trồng mới không sử dụng nhà kính nhưng có hiệu quả cao.

b) Chăn nuôi:

- Quy hoạch chuồng trại, nơi ở cao ráo, đảm bảo an toàn cho đàn vật nuôi; Chuyển đổi con vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên và diễn biến của thiên tai;
- Giám đàn vật nuôi: Khi có thiên tai xảy ra thực hiện biện pháp giám đàn (chọn loại thải những con kém chất lượng, bệnh tật...) để có điều kiện bảo vệ đàn vật nuôi còn lại có chất lượng để khôi phục sau thiên tai (nái sinh sản, hậu bị, đực giống);
- Thực hiện cung cấp nhanh dịch vụ thú y để chẩn đoán điều trị bệnh, tiêm vắc xin, hỗ trợ sức khỏe cho đàn vật nuôi để bảo vệ và tái lập đàn vật nuôi;
- Dự trữ, cung cấp thức ăn, nước uống là biện pháp có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đàn vật nuôi trong khi gặp thiên tai như: lũ lụt, sạt lở đất, đói rét... để tái sản xuất sau thiên tai.

c) Thủy sản:

- Lựa chọn các giống thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương;
- Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng cho nhân dân để tránh thời điểm hạn hán, lũ lụt và tổ chức bảo vệ ao hồ thủy sản khi thiên tai xảy ra.

d) Lâm nghiệp

- Phát triển nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có bằng các biện pháp khác nhau. Tăng dần tỷ lệ rừng giàu, có thảm phủ đa dạng;
- Khai thác nguồn lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng, tăng cường hoạt động khoán bảo vệ rừng từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Triển khai nghiên cứu các mô hình khuyến lâm, lai tạo các giống cây trồng lâm nghiệp mới có năng suất cao;
- Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, các đề tài ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp;
- Củng cố hệ thống khuyến lâm và cán bộ kiểm lâm ở cơ sở;
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ nguồn tài nguyên rừng;
- Tranh thủ các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ ngành lâm nghiệp để thử nghiệm và nhân rộng cách tiếp cận mới về lâm nghiệp, hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, kinh doanh, khai thác chế biến gỗ đáp ứng theo yêu cầu thị trường;
- Phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách TW tập trung ưu tiên cho các dự án trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, vườn Quốc gia...

Biện pháp để bảo vệ rừng đầu nguồn trong PCTT:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Lâm nghiệp; các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước có liên quan công tác giao rừng, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp;

- Tiếp tục thể hiện quyết liệt có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh liên quan đến công tác quản lý và bảo vệ phát triển rừng;

- Phục vụ cho quản lý bền vững tài nguyên rừng; triển khai ứng dụng phần mềm theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; giao rừng, cho thuê rừng theo định hướng của Trung ương;

- Huy động các nguồn lực, lồng ghép với các kế hoạch, chương trình, dự án. Lồng ghép các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ cây giống, phân bón, kỹ thuật cho các hộ gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là các hộ nghèo để phát triển trồng rừng quy mô nhỏ;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp để giảm chi phí sản xuất;

- Tăng cường công tác phòng chống cháy rừng;

- Tăng cường tuần tra, kiểm tra rừng, phòng ngừa, ngăn chặn, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng; nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Ngành công thương:

- Nhằm chủ động ứng phó kịp thời cho các khu vực thường bị chia cắt, cô lập khi xảy ra thiên tai, Sở Công thương chủ động liên hệ, vận động các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, nhu yếu phẩm đóng trên địa bàn tỉnh đảm bảo dự trữ, chuẩn bị một lượng hàng hóa thiết yếu nhất định (UBND tỉnh sẽ mua bằng tiền ngân sách tỉnh khi cần thiết), để bảo đảm kịp thời sẵn sàng phục vụ nhân dân ở các vùng khi có thiên tai xảy ra;

- Yêu cầu các chủ đập thủy điện, các doanh nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh tích cực chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra trong mùa mưa bão;

- Thực hiện kiểm tra công tác PCTT của các chủ đập, hồ chứa thủy điện khi phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, Phương án phòng, chống thiên tai và Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập hồ chứa thủy điện theo phân cấp và ủy quyền;

- Thực hiện công tác thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu trước khi vận hành của các dự án xây dựng nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp chính quyền ở địa phương; duy trì việc phát thanh tuyên truyền liên tục trong thời gian dài bảo đảm để người dân tiếp thu, có ý thức trong việc bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp một cách có hiệu quả, không để xảy ra các hành vi vi phạm hành lang an toàn;

- Phối hợp với Cục Quản lý thị trường và các ngành, chủ động kiểm tra chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu sản xuất, chế biến, bảo quản cho đến khâu tiêu thụ nhất là những mặt hàng đóng gói và thực phẩm tươi sống; làm tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác chống buôn lậu, sản xuất, mua bán hàng giả và gian lận thương mại trên phạm vi toàn tỉnh, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các giải pháp bình ổn giá; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai để đầu cơ tăng giá vật tư, hàng hoá gây khó khăn cho đời sống nhân dân tại những vùng thiên tai, lũ lụt;

- Hướng dẫn các hồ chứa thủy điện lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa, Phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08/7/2019 của Bộ Công thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện;

- Tổng hợp, báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh với UBND tỉnh trước ngày 30/8 hàng năm.

2.3. Ngành xây dựng:

Biện pháp đảm bảo an toàn công trình xây dựng kết hợp PCTT:

a) Đối với các công trình chuẩn bị thi công hoặc đang thi công:

- Kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 107, Luật Xây dựng;

- Năng lực của các nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế, điều hành dự án, giám sát và thi công xây dựng phù hợp với cấp và loại công trình. Đồng thời phải có Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo luật định;

- Biện pháp thi công và lý lịch của thiết bị thi công trong đó tập trung kiểm tra công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường; có biện pháp neo giữ, gia cố giàn giáo thi công, lưới bao che, hàng rào tôn, cần trục tháp, máy vận thăng đảm bảo an toàn;

- Đối với công trình đang thi công tầng hầm yêu cầu có biện pháp gia cố đất tránh sạt lở đất, đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và công trình lân cận;

- Kiểm tra các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo Thông tư 53/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Các thiết bị nâng sử dụng trong xây dựng: Kiểm tra việc kiểm định an toàn, các thiết bị phải được quản lý, sử dụng phù hợp với QCVN 02: 2011/BLĐTBXH, QCVN 07: 2012/BLĐTBXH.

- Đối với công trình có sử dụng cần trục tháp:

Kiểm tra việc kiểm định an toàn; kiểm tra các chi tiết neo, giằng, nối đất; kiểm tra biện pháp, phương án vận hành, bảng tính toán sự làm việc ổn định của kết cấu trong mùa mưa bão và công nhân vận hành phải có đủ sức khỏe và có chứng chỉ nghề phù hợp. Trường hợp cần trục vươn ra ngoài ranh đất công trình yêu cầu Chủ đầu tư lập phương án vận hành và trình UBND cấp huyện thống nhất phương án;

Phải thực hiện đầy đủ biện pháp neo giằng, hạ thấp theo phương án bảo đảm an toàn cần trục tháp đã được lập và tuân thủ nghiêm túc Chỉ thị số 02/CT-BXD ngày 20/6/2017 của Bộ Xây dựng, Quy chuẩn QCVN 18:2014/BXD về an toàn xây dựng. Khi có thông báo bão ngoài biển Đông có khả năng ảnh hưởng đến đất liền, yêu cầu các chủ đầu tư hạ thấp để đảm bảo an toàn công trình và nhân dân xung quanh;

- Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật đang thi công: Khẩn trương thi công hoàn thành các hạng mục, phần việc có nguy cơ mất an toàn, có phương án xử lý chống ngập úng, khơi thông dòng chảy, kiểm tra gia cố các điểm xung yếu dễ sạt lở của kênh mương, cống rãnh, ao, hồ chứa, có biển cảnh báo an toàn nơi nguy hiểm.

- Đối với công trình giao thông đô thị:

Phải có phương án PCTT và TKCN đảm bảo an toàn cho công trình, phương tiện thiết bị thi công cũng như phương tiện tham gia giao thông trên đường nhất là con người. Các đơn vị chủ đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, lập kế hoạch PCTT và TKCN cho từng công trình cụ thể, chú ý phối hợp với lực lượng thi công và phương án đảm bảo giao thông trong mọi tình huống, sự cố xảy ra;

Không được vớt bỏ vật liệu phế thải làm tắc nghẽn dòng chảy, khi thi công xong phải thanh thải dòng chảy để dòng chảy đảm bảo thông, thoát nước tốt;

Khi có mưa, bão, lũ, lụt sắp xảy ra phải tiến hành kiểm tra tình hình và đôn đốc các bộ phận thực hiện phương án phòng chống bão, lụt, nhất là hạ thấp các thiết bị trên cao và neo chằng chắc chắn;

- Kiểm tra theo một số yêu cầu khác nêu tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 18:2014/BXD về an toàn trong xây dựng.

b) Đối với các công trình đang khai thác, sử dụng:

Đối với công trình dân dụng:

- Tuyên truyền, hỗ trợ và yêu cầu người dân thực hiện gia cố, giằng chống, đặc biệt đối với các nhà thiếu kiên cố và nhà đơn sơ;

- Tổ chức kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn, lập danh sách và phân loại nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại văn bản số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão để tuyên truyền, hỗ trợ, yêu cầu người dân thực hiện gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn cho người dân, nhà ở trong mùa mưa bão;

- Đối với công trình công cộng (nhà làm việc, chung cư, nhà tập thể, trường học, trung tâm y tế...): Kiểm tra, gia cố, sửa chữa để đảm bảo an toàn khi có mưa bão; sắp xếp tài liệu, trang thiết bị văn phòng và kho tàng ngăn nắp, đảm bảo an toàn, đặc biệt các công trình trường học, chung cư... là địa điểm sử dụng làm nơi tập kết, sơ tán trong trường hợp bão, lụt; trường hợp các khu nhà đã xuống cấp nghiêm trọng phải lập biện pháp phòng, chống mưa bão cho từng khu nhà và có phương án di dời để đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và tài sản của các hộ dân cư khi bão đổ bộ vào;

- Các công trình có sử dụng mái tôn, mái fibro xi măng, trần nhựa, cửa kính, công trình gắn pa nô, biển quảng cáo trên cao phải được kiểm tra, rà soát và có biện pháp sửa chữa, gia cố;

- Kiểm tra bồn chứa nước trên cao (neo, chằng, giữ...) theo hướng dẫn của Bộ xây dựng tại văn bản số 1299/VKH-VCNKH ngày 24/9/2015 về việc khuyến cáo lắp đặt bồn nước.

Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Rà soát các quy hoạch thoát nước và kiểm tra hệ thống tiêu thoát nước của khu vực đô thị nhằm đảm bảo việc chống ngập úng đô thị; kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, kiểm soát quy trình cắt tia cây xanh đô thị đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão, đảm bảo an toàn điện, cung cấp nước sạch cho các vùng bị úng ngập;

Kiểm tra kế hoạch duy tu, bảo trì và nạo vét hệ thống tiêu thoát nước chính tại các khu vực thường xuyên xảy ra ngập úng cục bộ khi có mưa, bão và có các giải pháp khắc phục tình trạng ngập úng cục bộ khi có mưa lớn; Rà soát và kiểm tra các phương án, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong đô thị như hào kỹ thuật, tuynel, trạm biến áp, cột, điện... khi xảy ra mưa bão; Lập phương án đảm bảo an toàn cho các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và có giải pháp bảo vệ, phòng ngừa khắc phục sự cố khi xảy ra mưa bão;

- Đối với các cột điện ly tâm bê tông cốt thép: Yêu cầu đơn vị quản lý kiểm tra, đánh giá và gia cường, giằng chống đảm bảo an toàn trước mùa mưa, bão; bố trí cảnh báo khu vực nguy hiểm tại những vị trí xung quanh cột điện ly tâm có nguy cơ gây mất an toàn.

Đối với các công trình thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, công trình thu phát sóng viễn thông, pa nô, bảng quảng cáo:

- Khi đầu tư, xây dựng mới công trình thu phát sóng viễn thông thực hiện các quy định theo Điều 5, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Xây dựng” về Hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thu động;

- Thực hiện kiểm định, lập và phê duyệt Quy trình Quy trình bảo trì công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình theo hướng dẫn tại Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 25/01/2017 của Bộ Xây dựng;

- Tiến hành rà soát, kiểm tra rà soát mức độ an toàn chịu lực, ổn định hiện trạng của công trình, tiến hành các biện pháp gia cố, giằng chống đảm bảo an toàn, tháo dỡ các thiết bị, bộ phận không đảm bảo an toàn khi có mưa bão, có kế hoạch di dời các hộ dân trong phạm vi bị ảnh hưởng đến nơi an toàn khi cần thiết.

Đối với các đơn vị khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng:

- Xây dựng phương án giằng neo kèo cột, che chắn và chống tốc mái cho nhà xưởng, nhà làm việc, nhà ở cho công nhân nội trú, kho tàng, đặc biệt là các kho chứa thành phẩm, bán thành phẩm; khơi thông cống rãnh thoát nước nội bộ tránh xảy ra ngập cục bộ; duy trì sự làm việc bình thường của các máy phát điện dự phòng để chủ động cung cấp điện cho các lò nung sây hoạt động;

- Lập phương án và chủ động sửa chữa, gia cố kịp thời trụ sở, nhà xưởng, kho tàng, nhà ở không đảm bảo an toàn sau mưa bão nhằm sớm ổn định sản xuất và đời sống cán bộ công nhân viên trong đơn vị;

Đối với công trình khai thác vật liệu xây dựng:

- Kiểm tra các điều kiện khai thác, đảm bảo an toàn theo đúng thiết kế đã duyệt;

- Kiểm tra, rà soát hiện trạng mức độ an toàn tại các mỏ khai thác, bãi thải đất đá, hồ lắng, hồ chứa bùn thải ... (kể cả các bãi thải, hồ chứa bùn thải, hồ lắng đã dừng hoạt động); không để đá treo, chập tầng, sạt, trượt bờ moong... thực hiện các giải pháp để đưa về trạng thái an toàn theo quy định; đánh giá mức độ an toàn của đê, đập, bờ bao hồ chứa bùn thải, hồ lắng, bãi thải, bờ moong...; rà soát, bổ sung hồ sơ thiết kế, khả năng chịu tải của đê, đập, bờ bao (có tính đến sự tác động của mưa bão, dòng chảy); xử lý khắc phục ngay các hiện tượng trượt, lún, nứt, thấm, sạt lở đê, đập, bờ bao;

- Thực hiện các biện pháp xử lý, tránh tình trạng bùn thải tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân trong khu vực;

- Khai thác theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế mỏ, ranh giới, diện tích, độ sâu cho phép; có biện pháp giảm độ sâu phần đáy moong, thoát nước không để tạo thành hồ chứa nước nhằm đảm bảo an toàn;

- Rào, chắn xung quanh khu vực đã tác động khai thác, phía trên các vách moong hiện hữu (đặc biệt là khu vực đã tạo thành hồ chứa nước), cấm biển báo nguy hiểm, bố trí lực lượng bảo vệ thường xuyên kiểm tra không để người dân, gia súc vào khu vực mỏ (đặc biệt nghiêm cấm việc tắm, bơi lội tại hồ chứa nước, đi lại trên vách, bờ moong). Thường xuyên kiểm soát khu vực khai thác khoáng sản và các khu vực khác có liên quan, trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, sạt, trượt, lở đất, đá... phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định;

- Có các biện pháp phòng, chống các sự cố, chủ động về lực lượng, phương tiện để sẵn sàng tham gia ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai có thể xảy ra (nhất là vào mùa mưa, lũ). Bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố mất an toàn gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và tài sản.

Đối với công trình giao thông đô thị:

- Tiến hành kiểm tra, sửa chữa những công trình, hạng mục công trình, các vị trí xung yếu đã bị hư hỏng hoặc có khả năng dễ bị phá hoại do thiên tai và mùa mưa bão, gây ách tắc giao thông. Cố gắng phấn đấu bảo đảm giao thông, thông suốt và an toàn trong mọi tình huống;

- Khôi phục và bổ sung các cọc tiêu, cột thủy trí, biển báo hiệu đường bộ trên các tuyến đường do các đơn vị quản lý;

- Khơi mương, cống rãnh, thanh thoát dòng chảy, phát dọn cây cỏ đảm bảo tầm nhìn, cưa hạ các loại cây có nguy cơ đổ, ngã làm ách tắc giao thông. Khơi dọn rác, cây trôi, vật cản hiện còn đang vướng động hoặc sẽ bị vướng động ở các trụ cầu và công trình giao thông;

- Các đơn vị quản lý thường xuyên tuần đường, kiểm tra các công trình giao thông, có kế hoạch gia cố, sửa chữa các vị trí xung yếu trước mùa mưa bão để đảm bảo an toàn cho công trình.

2.4. Ngành Tài nguyên Môi trường:

- Thu thập, khai thác và sử dụng dữ liệu về khí tượng thủy văn ở địa phương theo quy định của pháp luật;

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Tham mưu lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước;

- Quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt là đối với diện tích đất rừng, đất ven sông suối...;

- Triển khai thực hiện tốt các nội dung phòng chống thiên tai trong kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Theo dõi, chỉ đạo việc thu gom, xử lý chất thải, nhất là công tác vệ sinh môi trường trong và sau thiên tai

2.5. Ngành Giáo dục và Đào tạo:

Các biện pháp nâng cấp các trường học đảm bảo an toàn PCTT và kết hợp làm nơi tránh trú an toàn:

- Thành lập Ban chỉ huy PCTT và TKCN của Sở, của Phòng Giáo dục và Đào tạo, của các Trường THPT; chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng phó, phòng tránh thiên tai phù hợp với đặc thù của địa phương; xây dựng phương án bố trí nơi ăn, ở cho học sinh và cộng đồng dân cư; xây dựng phương án huy động nguồn lực, kinh phí để đáp ứng nhu cầu khi thiên tai xảy ra;

- Tham mưu các cấp đầu tư xây dựng, nâng cấp các trường học có nguy cơ ngập lụt, có phương án di dời khi ngập lụt xảy ra. Chỉ đạo các đơn vị kịp thời sửa chữa, cải tạo, cắt tỉa cây xanh, kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện, nước trước mùa mưa bão;

- Thường xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo và thông báo kịp thời tới giáo viên, học sinh, sinh viên và phụ huynh;

- Phối hợp với các chính quyền địa phương trang bị một số thiết bị ứng cứu phù hợp cho nhà trường để tạo nơi cứu hộ và trú ẩn;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt Luật phòng chống thiên tai; kế hoạch phòng chống thiên tai của tỉnh, huyện, ngành, ... phối hợp cảnh báo kịp thời đến phụ huynh và cộng đồng dân cư, sẵn sàng đón nhận dân cư vào trường học trú tránh khi có thiên tai xảy ra;

- Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào chương trình dạy học chính khóa ở các môn Địa lý, GDCD, ... Các hoạt động ngoài giờ lên lớp, chuyên đề, chủ đề, ... tăng cường công tác giảng dạy môn Địa lý địa phương;

- Chỉ đạo các đơn vị trường học, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố tổ chức dạy bơi cho học sinh (dạy theo chủ đề tự chọn trong chương trình chính khóa hoặc ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp);

- Tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên những kỹ năng phòng, chống, tránh, sơ cứu, cấp cứu người bị nạn khi thiên tai xảy ra;

CHƯƠNG VII NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Tổng kinh phí thực hiện:

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các hoạt động của Kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận dự kiến là: **2.784.852 triệu đồng**, cụ thể:

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn vốn (Triệu đồng)		
			Trung ương	Địa phương	Vốn ngoài nước
1	Hoạt động phi công trình giai đoạn 2023-2025 (Phụ lục 1)	427.540	222.300	205.240	
2	Danh mục đầu tư công các công trình phòng chống thiên tai giai đoạn 2023-2025 (Phụ lục 2)	2.115.312	1.276.851	146.691	691.770
3	Danh mục các dự án tái định cư giai đoạn 2023 – 2025 (Phụ lục 3)	242.000	242.000		
	Tổng cộng	2.784.852	1.741.151	351.931	691.770

II. Nguồn lực thực hiện

1. Ngân sách Trung ương, vốn vay ODA, ADB:

Đầu tư các dự án nâng cấp công trình thủy lợi, các dự án giao thông, kè biển, kè sông, khu neo đậu tàu thuyền, các dự án tái định cư, cơ sở vật chất y tế, trồng rừng... có quy mô và kinh phí đầu tư lớn.

2. Ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh, huyện và xã):

Đầu tư nâng cấp hệ thống kè kết hợp giao thông nông thôn, công trình phòng chống sạt lở, dự án di dời dân, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra...

Xử lý các yêu cầu về ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

3. Quỹ phòng chống thiên tai :

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

4. Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội huy động:

Hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế từ việc huy động trong xã hội. Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội,.. huy động, hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại; cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

5. Vốn đầu tư, xã hội hoá từ khối tư nhân, các nguồn vốn hợp pháp khác:

Vận động khối tư nhân đầu tư theo các chính sách hỗ trợ đầu tư, vay vốn; xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, thuỷ lợi phối kết hợp đa mục tiêu, phục vụ tham quan, dịch vụ, du lịch, quảng bá sản phẩm, hình ảnh,...; khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở bảo đảm an toàn với thiên tai.

Các nguồn vốn hợp pháp khác phục vụ cho công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Tùy vào tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương, các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ sẽ kiểm tra, rà soát, cụ thể hóa các nhiệm vụ và đề xuất dự toán kinh phí, nghiên cứu khả năng cân đối ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định.

II. Tiến độ thực hiện

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và trình bày tại chương V, chi tiết được thể hiện tại các phụ lục 1, 2, 3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

I. Về nhiệm vụ chung

1. Trên cơ sở thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền quy định;

2. Tổ chức triển khai Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn đến các cấp, các ngành đặc biệt là cấp cơ sở (*xã, thôn*). Các cấp, các ngành thực hiện rà soát các loại hình thiên tai (*quy định tại Luật phòng chống thiên tai*) để xác định cụ thể các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn của từng địa

phương, ngành; trên cơ sở đó, chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó tương ứng từng loại hình, cấp độ rủi ro thiên tai;

3. Tăng cường tập huấn, tuyên truyền, cảnh báo thiên tai đến cơ sở (*cấp xã, thôn*) và đến tận người dân, đặc biệt người dân ở vùng sâu, vùng xa, miền núi để người dân sẵn sàng ứng phó trước các tình huống thiên tai bất thường, cực đoan. Chú trọng công tác tuyên truyền, tập huấn cho ngư dân và các chủ phương tiện tàu, thuyền những kiến thức cần thiết về tránh, trú bão, áp thấp nhiệt đới và diễn biến thời tiết nguy hiểm xảy ra trên biển;

4. Tổ chức rà soát, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, ngành; nâng cao năng lực, trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra của Ban Chỉ huy nhằm đảm bảo thống nhất và phối hợp chặt chẽ từ tỉnh đến các địa phương, cơ sở, chủ động ứng phó và xử lý kịp thời mọi tình huống xấu có thể xảy ra; đồng thời tổ chức tập huấn, diễn tập các phương án phòng, chống lụt, bão và các loại hình thiên tai khác;

5. Tiếp tục củng cố lực lượng, nâng cấp, hiện đại hóa phương tiện, thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả phương châm "4 tại chỗ";

6. Chỉ đạo rà soát, tăng cường quản lý việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là công trình giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước, khu dân cư, đô thị tại các khu vực ven sông, suối, ven biển, đồi núi,... đảm bảo hạn chế tác động do thiên tai gây ra. Chủ động lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực;

7. Rà soát, chủ động sơ tán dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng thiên tai, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

8. Tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn của đê điều, hồ đập, thiết bị phục vụ cho xả lũ, phương tiện, vật tư dự phòng để chủ động ứng phó khi có sự cố và đảm bảo an toàn công trình, vùng hạ du;

9. Bảo đảm mạng lưới thông tin liên lạc, hệ thống cảnh báo, dự báo hoạt động thông suốt trong mùa mưa bão và trong mọi tình huống;

10. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, đơn vị và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện công tác phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định;

11. Tăng cường tuyên truyền và triển khai thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai; thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình thiên tai, chủ động triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai đã được phê duyệt;

12. Báo cáo kịp thời về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh các nội dung về công tác phòng, chống thiên tai của địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chủ động xử lý, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền khi xảy ra các tình huống thiên tai.

II. Nhiệm vụ cụ thể

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình thời tiết, bão lũ để tổ chức tích trữ và xả lũ các hồ chứa đảm bảo đúng quy trình vận hành các hồ chứa nước, vừa đảm bảo an toàn hồ đập, vừa phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân; kiểm tra chặt chẽ tình hình an toàn hồ chứa. Phối hợp với các ngành, địa phương rà soát đánh giá chất lượng các hồ chứa để phát hiện có biện pháp xử lý kịp thời các sự cố trước mùa mưa lũ; đối với các hồ chứa có nguy cơ mất an toàn phải xây dựng phương án tích nước hợp lý hoặc hạn chế tích nước; có phương án PCTT cho từng hồ chứa và vùng hạ du; bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư kinh phí để thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ”;

b) Chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp với các ngành, địa phương liên quan kiểm tra đảm bảo an toàn các công trình thủy lợi, đê kè,... đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục những công trình, hạng mục công trình hư hỏng có nguy cơ mất an toàn;

c) Chỉ đạo Chi cục Thủy sản phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Ban Quản lý Khai thác các Cảng cá và các địa phương ven biển thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, công tác đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền, kiên quyết không cho các phương tiện không đảm bảo an toàn đi biển. Đồng thời nắm tình hình tàu thuyền hoạt động trên biển, tổ chức TKCN tàu thuyền hoạt động đánh bắt trên biển bị tai nạn. Hướng dẫn cho chủ tàu cá, thuyền trưởng và người nuôi trồng thủy sản phương pháp tránh, trú, neo đậu tàu thuyền; các giải pháp bảo vệ ao, đầm, lồng, bè nuôi trồng thủy sản khi có thiên tai (gió mạnh, sóng lớn, bão, ATNĐ,...) xảy ra;

d) Chỉ đạo Ban Quản lý Khai thác các Cảng cá phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Thủy sản và các địa phương ven biển xác định số lượng tàu thuyền trong và ngoài tỉnh đang neo đậu tại các cảng, bến cá; thống nhất phương án bố trí sắp xếp neo đậu tàu thuyền tránh trú gió mạnh, bão, ATNĐ an toàn;

đ) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ ở những vùng thường xuyên bị hạn hán.

2. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh:

a) Kiểm tra, đôn đốc các Sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác PCTT và TKCN; xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể hàng năm;

b) Phối hợp với các địa phương, đơn vị tổ chức tuyên truyền Luật phòng chống thiên tai và các văn bản pháp luật về PCTT; có kế hoạch kiểm tra, sửa chữa các trụ đèn báo bão, các trạm thủy văn, các trạm đo mưa trên địa bàn tỉnh;

c) Kiểm tra, đôn đốc việc triển khai công tác PCTT các ngành, địa phương trước mùa mưa lũ hàng năm; chủ động đề xuất UBND tỉnh quyết định các biện pháp cần thiết để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra;

d) Thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai... để chủ động tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống, ứng phó và khắc phục HQT có hiệu quả.

đ) Đề xuất hỗ trợ, mua sắm trang thiết bị văn phòng và chuyên dùng; công cụ hỗ trợ để tăng cường năng lực cho Văn phòng Ban chỉ huy cấp tỉnh, các sở, ngành, địa phương.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

a) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố lập phương án cụ thể để vận chuyển, hỗ trợ nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với lực lượng Kiểm lâm, UBND cấp huyện, cấp xã chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị, lực lượng,... để chủ động trong phòng, chữa cháy rừng;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành liên quan xây dựng phương án chủ động ứng phó, đảm bảo cứu nạn, cứu hộ kịp thời trong mọi tình huống do thiên tai gây ra;

c) Chịu trách nhiệm chung trong việc cứu hộ, cứu nạn, xây dựng phương án huy động, bố trí lực lượng, phương tiện cần thiết cho từng vùng, từng địa bàn sẵn sàng ứng cứu các tình huống khẩn cấp về lũ, bão thực hiện nhiệm vụ TKCN và tham gia hộ đê, hồ đập khi có sự cố xảy ra; giúp đỡ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, lụt, bão; bảo đảm quân đội là lực lượng chủ lực trong công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Trường hợp vượt quá khả năng cứu hộ, cứu nạn, chủ động đề xuất UBND tỉnh quyết định các biện pháp cần thiết để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra;

d) Hàng năm, lập Kế hoạch hiệp đồng nhiệm vụ PCTT và TKCN các đơn vị lực lượng vũ trang của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu V. Các lực lượng vũ trang trong kế hoạch hiệp đồng gồm: Các lực lượng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Lữ đoàn 101/Vùng 4 Hải quân, Trung tâm Phối hợp TKCN Hàng hải khu vực 4, Lữ đoàn Đặc công 5, Trung đoàn Không quân 937, Tiểu đoàn Phòng không 24,... để phối hợp với các địa phương thực hiện nhiệm vụ.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Chi cục Thủy sản và các địa phương ven biển thường xuyên kiểm tra trang thiết bị, chế độ thông tin liên lạc, phòng chống cháy nổ, kiên quyết không cho cho các phương tiện không đảm bảo an toàn đi biển;

b) Thường xuyên nắm chắc diễn biến tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn, bão, ATNĐ trên các vùng biển, kịp thời thông báo cho chủ phương tiện, thuyền trưởng biết để chủ động phòng tránh bảo đảm an toàn. Tất cả các loại tàu thuyền phải tìm nơi trú ẩn và neo đậu an toàn ở các luồng lạch, cửa biển đã được

quy định như: Đông Hải, Ninh Chữ, Vĩnh Hy, Cà Ná; kiên quyết không để tàu thuyền vào neo đậu các khu không đảm bảo an toàn. Chỉ đạo chặt chẽ duy trì kết nối thông tin liên lạc giữa các cơ quan chức năng, gia đình chủ tàu với thuyền trưởng trong suốt thời gian phương tiện hoạt động trên biển; có trách nhiệm thông báo và liên lạc với các tàu cá trong tỉnh để thông báo tình hình và theo dõi việc trú bão của tàu thuyền;

c) Khi có bão, ATNĐ trên biển, phối hợp với Đài Thông tin Duyên hải Phan Rang, Chi cục Thủy sản và các địa phương ven biển nắm chắc số lượng, vị trí tàu thuyền trên biển, hướng dẫn di chuyển đến nơi an toàn; sẵn sàng phương tiện, lực lượng tham gia hộ đê, hồ đập, TKCN khi xảy ra sự cố. Huy động lực lượng Bộ đội Biên phòng giúp đỡ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ;

d) Chịu trách nhiệm cứu hộ, cứu nạn trên biển, xây dựng phương án, huy động và bố trí lực lượng, phương tiện cho từng vùng, từng địa bàn sẵn sàng ứng cứu các tình huống khẩn cấp xảy ra trên biển. Quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu vượt quá khả năng, chủ động đề xuất UBND tỉnh quyết định các biện pháp cần thiết để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

5. Công an tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thành phố trong việc giải quyết tranh chấp nước (*nếu có xảy ra*) và bảo vệ các công trình thủy lợi; có phương án cụ thể vận chuyển, hỗ trợ nước sinh hoạt cho nhân dân;

b) Xây dựng phương án cụ thể đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có thiên tai xảy ra; chỉ đạo các lực lượng của ngành phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc sơ tán dân khỏi những vùng nguy hiểm, sẵn sàng phương tiện, lực lượng tham gia hộ đê, hồ đập TKCN và khắc phục HQT. Bố trí lực lượng tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại các khu vực bị ảnh hưởng bão lũ, không để ách tắc giao thông, kiểm soát phương tiện qua các đoạn đường ngập sâu, nguy hiểm;

c) Tổ chức lực lượng thực hiện công tác cứu nạn, cứu hộ đối với các sự cố, tai nạn: Sập, đổ nhà, công trình, cây cối; sạt lở đất, đá; tai nạn đuối nước tại sông, suối, thác nước, hồ, ao, giếng nước, hố sâu có nước, bãi tắm; tại khu du lịch, khu vui chơi giải trí,... theo Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các địa phương xây dựng phương án, tổ chức phân luồng giao thông cho từng địa bàn cụ thể; rà soát các công trình giao thông ảnh hưởng đến thoát lũ để có biện pháp xử lý; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, bố trí vật tư ở những khu vực trọng điểm để đảm bảo giao thông trên các trục giao thông chính trong mọi tình huống khi xảy ra thiên tai bão lũ;

b) Phối hợp với các địa phương ven biển rà soát, chấn chỉnh công tác đăng ký, đăng kiểm, quản lý hoạt động của phương tiện vận tải thủy, du lịch theo quy định;

c) Phối hợp với các ngành, địa phương trong công tác bảo đảm an toàn cho các phương tiện giao thông vận tải trên biển khi có bão lũ, ATNĐ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Xây dựng phương án cụ thể, chi tiết đảm bảo mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác PCTT và TKCN trên địa bàn tỉnh luôn thông suốt trong mọi tình huống, đặc biệt là khi có bão mạnh, lũ lớn xảy ra.

8. Sở Công Thương: Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và địa phương tổ chức dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, sẵn sàng cung cấp cho nhân dân các vùng bị thiên tai, bão lũ khi có yêu cầu.

9. Sở Y tế: Chuẩn bị lực lượng cán bộ y tế, cơ sở thuốc, phương tiện, vật tư, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cấp cứu, khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh trước, trong và sau thiên tai.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Khi đầu tư sửa chữa hoặc xây dựng mới các trường học cần được đầu tư kiên cố bảo đảm an toàn trước mùa mưa lũ và kết hợp làm nơi sơ tán, trú tránh an toàn cho cộng đồng dân cư khi thiên tai xảy ra. Sửa chữa các công trình giáo dục bị hư hỏng để đảm bảo an toàn trước mùa mưa, bão, lũ;

b) Chỉ đạo tổ chức dạy bơi chính khóa và ngoại khóa nâng cao kỹ thuật bơi, kỹ năng phòng, tránh tai nạn thương tích đuối nước cho học sinh;

c) Chỉ đạo thực hiện lồng ghép kiến thức PCTT vào chương trình giáo dục các cấp, tăng cường hoạt động giáo dục trải nghiệm cho nội dung Giáo dục địa phương/Hoạt động giáo dục trải nghiệm các chủ đề về Biến đổi khí hậu;

d) Chỉ đạo các trường học đảm bảo an toàn phòng, chống thiên tai; lấy trường học làm nơi sơ tán đến và nơi trú ẩn an toàn cho cộng đồng dân cư;

đ) Lập quy hoạch xây dựng các trường học, cơ sở giáo dục, đào tạo kết hợp PCTT tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của từng vùng, địa phương;

e) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện, các trường học trực thuộc xây dựng phương án bảo vệ trường, lớp khi có thiên tai xảy ra; chủ động đề xuất việc cho học sinh nghỉ học đối với từng vùng trên địa bàn tỉnh khi có thiên tai: mưa, bão, lũ lớn,...; có kế hoạch cho học sinh học bù vào những ngày nghỉ khác;

g) Tập huấn khung Trường học an toàn Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; hướng dẫn triển khai thực hiện các tiêu chí đánh giá trường học an toàn và thực hiện đánh giá trường học an toàn tại các trường mầm

non, tiểu học và trung học; xây dựng kế hoạch thực hiện trường học an toàn trước thiên tai;

h) Tập huấn phương pháp, nội dung và cách thức tổ chức diễn tập phòng chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu trong trường học kết nối với cộng đồng cho các trường mầm non, tiểu học và trung học.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn người dân cách sử dụng giếng khoan, giếng đào đảm bảo vệ sinh, trữ nước trong các ao hồ, đầm,... để sử dụng ổn định, nhất là thời gian xảy ra hạn hán;

b) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố kiểm tra bản đồ địa chất, khảo sát, thăm dò tầng nước ngầm để có biện pháp khai thác phục vụ nước sinh hoạt, sản xuất của người dân trong mùa khô hạn;

c) Kiểm tra việc bảo đảm công tác vệ sinh môi trường, đặc biệt về môi trường sinh thái và ô nhiễm nguồn nước trước, trong và sau thiên tai. Đồng thời, có kế hoạch phối hợp với các sở, ngành liên quan phổ biến, tuyên truyền kiến thức, kinh nghiệm về công tác vệ sinh môi trường và bảo vệ nguồn nước.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Có trách nhiệm thông báo, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa nô, biển quảng cáo,... đúng kỹ thuật do ngành xây dựng quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có bão, lốc xoáy, gió giật;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo an toàn người, cho khách du lịch, phương tiện tham quan du lịch, các cơ sở du lịch.

13. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố đề xuất hỗ trợ cho nhân dân bị thiệt hại do thiên tai.

14. Sở Xây dựng: Hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn công trình phù hợp với thiên tai; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương kiểm tra các nhà, xưởng, công trình, các công trường đang thi công (*nhất là vấn đề an toàn đối với giàn dáo, cần cầu...*) không bảo đảm an toàn khi xảy ra thiên tai.

15. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư công để thực hiện các công trình phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Lồng ghép, hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

16. Sở Tài chính: Căn cứ đề xuất của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương, quỹ dự trữ tài chính và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định hiện hành.

Trường hợp thiệt hại lớn, vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tổng hợp nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai để tổng hợp, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

17. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận:

a) Triển khai công tác kiểm tra các công trình thủy lợi trong phạm vi quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống bão, lũ, phòng chống hạn (nhất là các hồ chứa nước, khu vực hạ du có khu dân cư sinh sống). Trước mùa mưa lũ tiến hành kiểm tra và có kế hoạch sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xuống cấp;

b) Lập quy trình quản lý vận hành hồ chứa theo quy định. Xây dựng và triển khai phương án phòng chống thiên tai; phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn công trình khi có sự cố xảy ra và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Tổ chức kiểm định an toàn đập để có biện pháp quản lý phù hợp và sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn cho công trình;

c) Xây dựng phương án cấp nước phục vụ tốt sản xuất vụ nông nghiệp cho các công trình đơn vị quản lý, phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện việc điều tiết, vận hành các công trình thủy lợi theo đúng quy trình. Tổ chức, phối hợp với chính quyền địa phương nơi có công trình thủy lợi để huy động lực lượng, phương tiện, vật tư ... sẵn sàng ứng phó thiên tai.

18. Công ty Điện lực Ninh Thuận: có kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp, phát điện khi có thiên tai xảy ra, chú trọng ưu tiên cung cấp điện cho các trạm bơm để phục vụ công tác ứng phó hạn; thường xuyên kiểm tra, thực hiện duy tu, bảo dưỡng các hệ thống điện, kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố bảo đảm cung cấp điện đầy đủ, an toàn phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

19. Đài Khí tượng Thủy văn Ninh Thuận: Tổ chức theo dõi thường xuyên tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai để dự báo, cảnh báo và thông tin kịp thời chính xác cho UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có biện pháp xử lý kịp thời các tình huống thiên tai có hiệu quả.

20. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Thuận và các phương tiện thông tin đại chúng: Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Ban Chỉ huy phòng PCTT và TKCN tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện đưa tin chính xác, kịp thời về tình hình diễn biến của thiên tai và các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đến các Sở, ngành và địa phương để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai kịp thời, hiệu quả; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về PCTT trên phương tiện thông tin đại chúng.

21. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Cập nhật, phê duyệt, triển khai Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, chú trọng lực lượng tại cơ sở, cộng đồng theo phương châm “4 tại chỗ”;

c) Tổ chức thực hiện các nội dung của kế hoạch và các chương trình, đề án, dự án PCTT; báo cáo kết quả thực hiện thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý;

d) Bố trí ngân sách hàng năm và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương và kế hoạch PCTT;

đ) Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan hỗ trợ vận chuyển nước sinh hoạt cho người dân. Tập trung ưu tiên về nước sinh hoạt, nước uống cho gia súc tại các xã không có nguồn nước;

e) Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh duy trì tổ dùng nước để chủ động điều tiết nước tưới luân phiên, tiết kiệm;

g) Chủ động hướng dẫn người dân, cộng đồng tổ chức nhân rộng các mô hình chuyển đổi cây trồng cạn tiết kiệm nước tưới, áp dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm, tận dụng phụ phẩm chế biến, dự trữ dùng làm thức ăn gia súc khi có thiên tai;

h) Rà soát, cập nhật, xác định những khu vực nguy hiểm khi xảy ra thiên tai lũ, bão trên địa bàn, chủ động sơ tán dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; trường hợp chưa tổ chức tái định cư lâu dài được, phải xây dựng phương án và sẵn sàng thực hiện sơ tán dân khi cần thiết. Chủ động dự trữ lương thực, thuốc men, nhu yếu phẩm tại vùng thường xuyên bị chia cắt khi có mưa lũ đến từng thôn, xã; bố trí trang thiết bị, phương tiện TKCN tại chỗ, vật tư và kinh phí dự phòng để chủ động PCTT có hiệu quả;

i) Huy động các nguồn lực theo quy định; chủ động sử dụng ngân sách của địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định để phòng chống, khắc phục HQTT, nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân, phục hồi sản xuất;

k) Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai, Phương án ứng phó thiên tai các cấp ở địa phương; đặc biệt tập trung triển khai phương án ở cấp xã để thực hiện đến tận thôn, xóm; hàng năm trước mùa mưa, lũ phải tổ chức tuyên truyền cho người dân để nâng cao khả năng phòng, tránh;

l) Tổ chức rà soát, đánh giá, xác định lại các vùng dân cư có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất làm cơ sở để lập quy hoạch xây dựng hạ tầng, sắp xếp bố trí dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất;

m) UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm chỉ đạo các phường, xã và các hộ dân sống dọc theo đê sông Dinh chuẩn bị vật tư, vật liệu để đóng các cửa phai dân sinh trên tường chống tràn tuyến đê không cho nước lũ tràn qua đê khi nước lũ vượt trên BĐ cấp III; bố trí lực lượng, vật tư, phương tiện sẵn sàng tham gia cứu hộ đê sông Dinh khi có nguy cơ xảy ra sự cố;

n) Các huyện, thành phố ven biển chủ động nắm thông tin các tàu thuyền hoạt động trên biển khi có bão, ATNĐ để triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho tàu thuyền và ngư dân;

o) Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về các loại hình thiên tai, bổ túc những kiến thức cơ bản, phổ biến kinh nghiệm về PCTT; vận động nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp tích cực tham gia công tác PCTT của địa phương;

p) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn quản lý; chuẩn bị lực lượng, phương tiện vật tư, trang thiết bị sẵn sàng để ứng cứu kịp thời khi thiên tai xảy ra;

q) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp xã thực hiện xây dựng và phê duyệt Kế hoạch PCTT, các Phương án ứng phó phù hợp với các loại hình thiên tai tại địa phương; tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trên địa bàn;

r) Chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng và củng cố Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã theo quy định;

s) Chủ động huy động nguồn lực và lồng ghép các nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

t) Tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ở các cấp địa phương;

u) Chủ động báo cáo định kỳ, những vướng mắc trong quá trình thực hiện về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

III. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính

1. Các Sở, ban, ngành, địa phương:

- Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác PCTT theo lĩnh vực, địa bàn quản lý; thực hiện lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch thực hiện của ngành, địa phương đảm bảo có hiệu quả, đồng bộ;

- Căn cứ vào tình hình điều kiện thực tế, theo chức năng, nhiệm vụ, khả năng cân đối ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, các sở, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp xây dựng, phê duyệt hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch triển khai chi tiết các nội dung về biện pháp công trình và phi công trình theo nội dung của Nhiệm vụ, giải pháp, phụ lục của Kế hoạch này và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng quy định;

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thành phố báo cáo định kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết) trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai của các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan.

3. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ ngân sách cấp tỉnh cho các Sở, ban, ngành và đơn vị

liên quan thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai theo phân cấp ngân sách hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định khác có liên quan.

IV. Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai

1. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tham mưu UBND tỉnh quản lý hoạt động PCTT và TKCN, chỉ huy, điều hành trên phạm vi toàn tỉnh. Ban chỉ huy PCTT và TKCN các huyện, thành phố chỉ huy, điều hành công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quản lý. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các Sở, ban, ngành triển khai công tác PCTT ở đơn vị mình.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh là lực lượng chủ lực trong công tác PCTT và TKCN trong tỉnh. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh hằng năm có kế hoạch hiệp đồng các đơn vị chủ lực của Bộ Tư lệnh Quân khu V, các đơn vị của Bộ Quốc phòng đóng trên địa bàn, tổ chức lực lượng, phương tiện, phân công khu vực thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh hằng năm có kế hoạch tập huấn, diễn tập PCTT và TKCN nhằm rèn luyện kỹ năng cán bộ, chiến sĩ trong vận hành trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn, tăng cường khả năng ứng cứu bão, lũ, thiên tai.

3. Các Sở, ban, ngành sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc đơn vị mình và chi viện cho các địa phương.

4. Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã huy động các lực lượng, lực lượng xung kích PCTT trên địa bàn tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục HQTT.

V. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (*thông qua Cơ quan thường trực Phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh*).

2. Giao cơ quan thường trực Phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện cho UBND tỉnh./.